

VĂN ĐỀ

NGUYỆT SAN

CHÍNH TRỊ

KINH TẾ

XÃ HỘI

VĂN HÓA

Số 26

Tháng 9-1969

nguyên sỹ tế	1	vài ước định về văn hóa việt nam
lữ hồ	9	tri nhân hay thống trị
vũ khắc khoan	21	những người không chịu chết
huỳnh phan anh	28	thành phố
nguyên hữu hiệu	37	vấn đề giáo dục
trùng đương	49	giã từ tuổi mộng
tôn thất tiết	66	một vài ý kiến về nhạc việt
huy tưởng	71	thơ
du tử lệ	73	trên đường bay tri tưởng
từ thế mộng	81	phan thiết, nhìn trên đỉnh cao
nguy ngữ	82	cho ngày còn phương xa
phạm thiên thư	95	ngôn ngữ sấm dậy
tuấn anh	98	thời sự và sinh hoạt
mai thảo	106	bản tường trình tháng chín

CHỦ NHIỆM SÁNG LẬP: **VŨ CÔNG TRỰC**

CHỦ BIÊN: **VŨ KHẮC KHOAN**

THƯ KÝ TÒA SOẠN: **MAI THẢO**

Tiền bạc và ngân phiếu gửi cho bà **BUI-THỊ HÒA-KHANH**

Tòa soạn : 38, Phạm Ngũ Lão, Saigon

NGUYỄN SỸ TẾ

vài ước định về văn hóa Việt Nam

Văn hóa là ý thức về một cách sống. Ý thức đó một mặt là ý thức cá nhân, mặt khác là ý thức tập thể. Cách sống kia bao gồm cả hai khía cạnh trong ngoài và đủ mọi phương diện chính trị, kinh tế, xã hội, giáo dục, văn chương, nghệ thuật, tôn giáo. Trong một cộng đồng sinh hoạt, phải có một mối nhất thống nào đó giữa các ý thức cá nhân mới có thể nói tới ý thức tập thể trong đó tình cảm trội là tình cảm rằng mình, thuộc về một nhóm đoàn xã hội. Ở phần chìm, mối nhất thống nói trên là cái di sản tâm lý mà đoàn viên thừa hưởng được từ ông cha ; điều này tùy thuộc ở lịch sử của mỗi nhóm đoàn và thường được gọi là vô thức dân tộc ; cái vô thức dân tộc này lại pha hòa với cái di sản văn minh chung của con người mà người ta gọi là vô thức tập thể nhân loại. Ở phần nổi, đó là những đòi hỏi và cung cấp của hiện tại, những cộng đồng xúc động, những tương đồng ghét yêu, những đồng quy khuyến hướng, những tiếp xúc những va chạm quốc tế, những đem lại của những nền văn hóa khác.

Bộ mặt văn hóa của một nơi vào một thời tùy thuộc ở hai loại yếu tố chìm nổi trên đây cùng với cái tương quan sinh động giữa hai loại yếu tố đó.

Văn hóa là đối tượng của một công cuộc vun trồng — danh từ văn hóa ở tây phương mang luôn ý nghĩa thứ hai này. Nói khác đi, văn hóa là đối tượng của giáo dục hiểu theo nghĩa rộng là gây dựng, bảo tồn, phát triển. Giáo dục có hai là sự tự giáo dục lại

minh và sự giáo dục xã hội. Ta đứng trước hai cung cách biến thiên của văn hóa : biến thiên tự nhiên và biến thiên tác tạo. Trong bất luận một chặng đường nào của lịch sử hai cung cách này vẫn phải có một hòa hợp tối thiểu.

Nói về biến thiên tác tạo mà giáo dục xã hội đóng vai trò chính yếu, cũng có nhiều cấp bậc và mực độ tùy từng chương trình kế hoạch xử dụng biện pháp chính trị hay kinh tế học đường hay xã hội, nhẹ nhàng bằng cải cách bạo tàn bằng cách mạng. Vấn đề đặt ra là chọn lựa hạt giống sao cho thích hợp với đất trồng vì văn hóa cốt yếu là một hiện tượng thích nghi và đồng hóa. Có những món ăn tiêu hóa được và bồi bổ cho cơ thể nhưng cũng có những món ăn không thể tiêu hóa được chỉ gây nguy khốn cho cơ thể. Thêm vào đó là vấn đề chọn lựa phương pháp vun trồng. Có những cách cho ăn khiến người ta thích ăn nhưng cũng có những cách cho ăn chỉ làm cho người ta chán giận.

Nhìn chung văn hóa, ta còn thấy văn hóa là một tổng hợp chuyển động nằm trong khuôn khổ của một vận động tràng kỳ của lịch sử. Và ta không còn ngạc nhiên khi thấy có những nền văn hóa đã tắt, như văn minh đã tắt, và có những nơi không có cả văn hóa nữa. Những nơi không văn hóa là những nơi nạn nhân của một cuộc xăm lũng hủy diệt, hoặc là những nơi thiếu ý thức tập thể nên chỉ có một nếp sống hỗn độn, tương phản và biến động mau lẹ đến nỗi chẳng còn mang một hình thù nào để có thể xếp vào một kiểu mẫu một điển hình, một nhóm loại văn minh nào. Đó là điều giải thích nỗi buồn nhớ của một G. Leekacs khi bàn về những nền văn minh đã hóa trộn của Tây phương hay cái mặc cảm lưu vong của một Thanh tâm Tuyền khi nhận định một số tâm trạng trẻ của thời đại.

Thử đem những xác nhận cơ bản trên đây vào công cuộc suy luận về văn hóa của nước Việt Nam ta. Lịch sử thăng trầm lâu dài hàng ngàn năm của dân tộc này chứng minh sự hiện hữu của một nền văn hóa riêng của nó. Ở trên cao, người ta phân biệt một tâm địa, một hồn tinh, một thần trí Việt Nam ; ở dưới thấp, người ta nhắc nhở những phong tục tập quán, lối ăn ở cách trang phục của người Việt Nam. Câu chuyện « bốn ngàn năm văn hiến » có tuy tinh cách ít nhiều huyền thoại song cũng không phải là

không có một giá trị chừng tá nào. Bây giờ, ta thử dựa vào lịch sử non nước này để ước định nét tiến hóa đại cương trong nền văn hóa của nó.

Trước hết là giai đoạn tiền Tây phương. Ta có thể tóm lược những điều kiện xúc tác, tinh thần cũng như thể hiện văn hóa như sau.

— Nước ta là một nước nhỏ bé, một bán đảo mở rộng trên Thái bình Dương, ngăn chia khỏi lục địa Á châu bởi những ranh giới thiên nhiên. Dân tộc ta một phần là những người từ cao nguyên đồ xuống, từ trung tâm lục địa theo lưu vực Hồng hà và Cửu long di chuyển tới, phối hợp với một phần khác là những người từ Nam dương quần đảo tiến lên. Có thể ví dân tộc ta với một lớp người chiến sĩ, hiệp khách sau một thời gian tung hoành đã rút khỏi chiến trường và từ khước giang hồ tìm về nghỉ ngơi ở cái giải đồng bằng nhỏ hẹp, yên tĩnh kẹp giữa đại dương và lục địa. Nơi đây, khí hậu với chế độ gió mùa ảnh hưởng cao nguyên xen lẫn ảnh hưởng biển cả, khắc khổ xen lẫn dịu dàng đã chỉ ru ngủ người chiến sĩ trong một giấc mộng chập chờn. Đó là điều giải thích những mâu thuẫn căn bản trong dân tộc tính của người Việt Nam : vừa mơ mộng vừa thực tế, rất chăm chỉ mà cũng rất lười biếng, một mặt nặng đần óc ích kỷ mặt khác nặng tình thương tha nhân...

— Cho đến nay, nền kinh tế của dân tộc ta vẫn chỉ là nền kinh tế nông nghiệp thô sơ nghèo nàn, người dân quê phải làm ăn một nắng hai sương mới kiếm được miếng cơm manh áo. Thử thách triền miên trong những thiếu thốn vật chất đó người Việt Nam đã sớm có một triết lý khá cao siêu về sự đau khổ, một tinh thần chịu đựng và nhẫn nại vô biên. Đó chính là cái thái độ an phận thủ thường mà người thời mới thường nhắc nhở người thời trước. Đó cũng là cái khát vọng giải thoát thường xuyên của người Việt Nam một mặt ra khỏi cái cơ cực vật chất, mặt khác ra khỏi cái nếp sống xã hội nhiều trói buộc và phiền toái.

— Trải qua bao giai đoạn lịch sử, nền kinh tế nông nghiệp thô sơ trên vẫn bất di bất dịch. Trong nền kinh tế thô lậu đó, không có nhiều cách biệt giữa thành thị và thôn quê, nếp sống của toàn diện diễn ra giữa lòng thiên nhiên, số mạng con người gắn liền với sự thịnh suy của cây cỏ. Đó là điều cho thấy cái « tình cảm thiên nhiên » sâu đậm trong lòng người Việt Nam đến độ trở thành một yếu tố trong đời sống nội tâm của họ song song với cái « triết

lý thiên nhân tương dữ» từng an ủi người Việt Nam trong những nỗi ưu tư của họ.

— Sinh hoạt của quốc dân Việt Nam bình thời thu hẹp vào khung cảnh điển hình của một xóm làng, đơn vị hành chánh và tế bào kinh tế trực tiếp ảnh hưởng đến nếp sống của mọi người. Xóm làng «là tổ quốc thứ hai» nhưng là tổ quốc được thương yêu và vì nề hơn cả tổ quốc thứ nhất. Thành ra ý thức quốc gia chỉ được vận động mạnh mẽ trong những cơn biến thiên lớn lao của lịch sử dân tộc. Tình yêu thiên nhiên nói trên lại càng phối hợp chặt chẽ với tình yêu quê hương, xóm làng sâu đậm trong ý thức của người Việt Nam hơn đâu hết. Người Việt Nam chỉ vì bất đắc dĩ hay vì sinh kế mà rời bỏ xóm làng. Và khi xa quê, họ chỉ còn ấp ủ giấc mộng hoàn hương mà thôi. Thế rồi, tình quê hương lại tiếp nhận thêm một hậu thuẫn thứ hai là tình gia đình, một tình cảm thiêng liêng đã tạo nên bao công trình văn chương và nghệ thuật.

— Do những điều kiện địa lý và lịch sử đặc biệt, xã hội Việt Nam trở thành một hội tổ chức chặt chẽ, có tôn ti trật tự rất vững vàng. Người ta yêu nhà nông, người ta trọng kẻ sĩ. Vấn đề giai cấp xã hội không đặt ra một cách gay gắt như ở những xã hội khác. Đi sâu vào 'luật pháp và phong tục Việt Nam, người ta còn nhận biết nhiều nét độc đáo khác. Lấy tổ chức gia đình làm thí dụ. Một nhà luật học Việt Nam sẽ trả lời ta với những dẫn chứng hùng hồn rằng: Chịu ảnh hưởng của kẻ chiến thắng Trung hoa, gia đình Việt Nam vẫn chẳng phải là một «đại gia đình phụ hệ» Bắc phương; chịu ảnh hưởng của kẻ chiến bại Chiêm thành, gia đình Việt Nam vẫn không theo tổ chức mẫu hệ, chịu ảnh hưởng của Tây phương, gia đình Việt Nam vẫn chẳng phải là «tiểu gia đình phối ngẫu» chỉ thu hẹp vào vợ chồng và con cái vị thành niên; người đàn bà Việt Nam đã được giải phóng hơn và trước cả người đàn bà tây phương... Từ đó, vươn lên một bậc nữa nhà sử học và nhà xã hội học từng nói tới cái tinh thần mở rộng cửa đón nhận những trào lưu tư tưởng thế giới của người Việt Nam, cái tinh thần chống lại sự đồng hóa của ngoại bang đi song song với cái tinh thần đồng hóa những gì đem đến từ ngoài với cái sẵn có và cái đòi hỏi của bên trong.

— Ta đã ghi nhận rằng nguồn gốc của dân tộc Việt Nam là những người tìm đến trú ngụ tại giải đồng bằng nghèo, hẹp bên

bờ Thái bình dương. Nhưng rồi những con người bị xua đuổi khỏi trung tâm lục địa hay khỏi những hải đảo trơ vơ đến đây vẫn không hẳn đã tìm thấy sự nghỉ ngơi nơi mảnh đất bội bạc này. Lịch sử của họ là lịch sử của những cố gắng không ngừng để giữ gìn độc lập. Trong những mối thử thách cam go đe dọa trăm trọng chủ quyền của mình, người dân Việt sớm đã biết ý nghĩa và giá trị của hòa bình, của tự do để rồi khi cần thiết dám hy sinh tất cả cho hai nghĩa sống đó.

Tóm lại, đó là một nền văn hóa của một nước nông nghiệp bán khai nơi cư ngụ một dân tộc khiêm nhượng có một nếp sống 'trầm lặng và quân bình phía bên ngoài, những đắm say lãng mạn phía bên trong, dung nạp khá nhiều mâu thuẫn của cuộc đời trong một triết lý bao dung và giải thoát.

Tinh thần cũng như thể hiện văn hóa phác họa trên đây đã đổi thay mạnh mẽ với cuộc tiếp xúc với Tây phương kể từ giữa thế kỷ 19. Trong một bài viết đăng trên tờ Sáng Tạo, tôi có phần nài hai điều về cuộc tiếp xúc Đông Tây ở nước nhà và cuộc thống trị của người Pháp trên phương diện ý-thức-hệ:

— Cuộc tiếp xúc Đông Tây đã không diễn ra như mong ước giữa những người đối thoại chính đáng là giới tư tưởng gia và văn nghệ-sĩ mà chỉ là một chủ nghĩa để quốc đặt đề bởi những nhà thực dân.

— Người Pháp đã có một chính sách văn hóa hủ bại vì cơ này cơ khác khiến người dân Việt đã không được sửa soạn đầy đủ để đương đầu với chủ nghĩa Mác xít hồi 1945 khi họ đứng dậy.

Để có một nhận định đầy đủ hơn, ta hãy theo dõi lịch sử cận và hiện đại qua từng giai đoạn một. Trước hết, ta thử xét tinh thần và thể hiện văn hóa Việt Nam thời Pháp thuộc. Lịch sử cuộc hiện diện Pháp quốc ở đây lại có thể chia làm hai giai đoạn, giai đoạn chiếm đất và bình định tương ứng đại lược với hậu bán thế kỷ 19 và giai đoạn khai thác tương ứng với tiền bán thế kỷ 20.

Hồi hậu bán thế kỷ 19 mới chỉ có những tiếp xúc đầu, cốt yếu trong các lãnh vực chính trị, kinh tế, quân sự, ngoại giao, xã hội. Và người ta chứng kiến một cuộc xáo trộn lớn lao trong các giai tầng xã hội Việt Nam. Giai cấp thống trị cũ, giai cấp sĩ phu, tan

rã thành nhiều hình thức phản ứng khác nhau : kẻ chống đối bằng vũ lực như Phan Đình Phùng, người mưu đồ chính trị ở lân bang như Phan bội Châu, kẻ ra hợp tác với tân trào như Lê Hoan, người về ở ẩn điển hình Nguyễn Khuyến. Thay vào đó là một lớp người mới có thành phần hỗn tạp đủ sĩ nông công thương mà các sử gia quen gọi là giai cấp Tân hưng hay Tân hiền đạt. Thế là tinh thần văn hóa trọng Nho, bế quan tỏa cảng và an phận thủ thường bị lung lay tới nền móng. Xã hội phân hóa, ý thức hệ cũ suy vi lần lần nhường bước cho cái mới.

Nhưng rồi phải đợi sang tiền bán thế kỷ 20 vấn đề va chạm văn hóa (nghĩa là cái văn đã hóa hay đề mà hóa) Đông tây mới chính thức được đặt ra trên văn đàn và trong tư tưởng giới với những cơ quan văn học đầu tiên bằng chữ quốc ngữ Đông dương tạp chí, Nam phong tạp chí. Nhận định văn lược, đó là sự va chạm giữa hai nền văn minh, văn minh vật chất cơ khí Tây phương và văn minh đạo đức tinh thần Đông phương, — giữa hai thứ tinh thần văn hóa, tinh thần khoa học Tây phương và tinh thần đạo học Đông phương. Người ta sớm đưa ra giải pháp « tham bác Đông Tây, Kim cổ » ; Phạm Quỳnh đi xa hơn nói tới công thức tổng hợp đông tây sao cho « chất nho và chất tây dung luyện với nhau làm nên cái hồn Nam Việt ». Thế rồi, thiếu sự đào sâu vấn đề, thiết lập chương trình, kế hoạch, thiếu người phát động và nuôi dưỡng phong trào, và nhất là thiếu một « chính sách văn hóa phù hợp » của chính quyền làm hậu thuẫn, người ta đã chỉ chứng kiến một hiện tượng hỗn độn là sự chấp nối giữa cái nền tảng cũ chưa thanh lọc với những « mẫu » văn hóa Tây phương chưa đánh giá lại. Một hỗn tạp ảnh hưởng diễn ra. Điển hình trong văn học, luôn một lúc được tiếp xúc với cả một lịch sử tiến hóa lâu dài của văn chương Pháp quốc bước đầu các tác giả Việt nam đã tỏ ra hết sức lúng túng trong việc chọn lựa ảnh hưởng, cổ thời, phục hưng, cổ điển, lãng mạn, thiên nhiên, hiện thực, tượng trưng... thối thì đủ cả.

Trên bình diện đại cương, người ta bắt đầu cho du nhập nếp sống Tây phương trong lối ăn ở, trang phục, giải trí. Trong sinh hoạt trí tuệ, những tư tưởng bình đẳng, bình quyền, tự do, dân chủ, cách mạng duy lý (Tây phương), thực nghiệm, những tinh thần khoa học, phiêu lưu, mạo hiểm v.v... cũng thấy manh nha hoặc theo đường lối trực tiếp từ Pháp

quốc đem sang, hoặc theo đường lối gián tiếp là các nhà văn tân tiến Trung hoa. Tất cả còn mơ hồ hỗn độn chưa được hệ thống hóa, và như đã nói trên kia, thiếu một chính sách văn hóa phù hợp của chính quyền làm hậu thuẫn đã không đem đến một kết quả tốt đẹp cụ thể nào, trái lại, lại còn bị chính sách văn hóa thực dân (trong đó có chính sách ngu dân, chia rẽ mà trị, ngăn chặn sự tiếp xúc quốc tế, giáo dục nhồi sọ, đầu óc khoa bảng cũng nặng nề chẳng kém xưa...) tàn phá hay làm thui chột. Đó cũng là một trong những lý do khiến Tự lực văn đoàn gần đến cuối trào Pháp thuộc vẫn còn phải kêu gọi « Âu hóa ».

Thêm vào những yếu tố văn hóa mang lại từ Tây phương trên đây ta còn phải kể đến ảnh hưởng của Ky Tô giáo đang hồi phát triển mạnh ở nước ta với tổ chức, phong tục, tập quán chặt chẽ, vững vàng không phải là thiếu người thần phục. Ở một phương diện nào đó, sắc thái xa lạ, trầm buồn những nghi thức của tôn giáo này cũng có nhiều quyến rũ đối với hơn một tâm hồn.

Dẫu sao, kết toán văn hóa thời Pháp cai trị nước ta, ta vẫn thấy đó là một nền văn hóa có phần vá vấu, hỗn tạp, lai căng chỉ nên là dữ kiện cho một tổng hợp, một hệ thống mà người ta mong ước sẽ thực hiện được một khi quốc gia lấy lại được nền độc lập.

Thế chiến thứ hai chấm dứt, nền độc lập đích thực chưa lấy lại được hoàn toàn thì sự thống nhất quốc dân lại bị phá vỡ đến tan hoang ngay từ bước đầu vì câu chuyện tranh chấp ý thức hệ giữa chủ nghĩa mác xít và chủ nghĩa quốc gia. Một cuộc chiến tranh mang quá nhiều ý nghĩa phức tạp kéo dài ngót mười năm trời với kết quả đau thương là quốc gia chia ra làm hai mảnh. Ở miền Bắc, văn hóa mác xít độc quyền, tha hồ thao túng để thực hiện đủ mọi thí nghiệm kể cả những thí nghiệm tổn kém nhân mạng nhất. Với một nền độc tài triệt để có tổ chức tinh vi, với một nền kinh tế vốn nghèo nàn lại càng thêm cơ cực vì chiến tranh Nam Bắc hiện nay, có thể nói các giá trị cũ đã bị lật nhào, mọi ý thức hay tinh thần văn hóa khác ngoài văn hóa mác xít cũng chẳng còn đất sống kể cả ý thức cá nhân muôn phần mệt mỏi vì bị kiểm soát.

Ở miền Nam, xã hội mỗi ngày một phân hóa. Cuộc chiến tranh cùng với sự len lõi công hãm của ý thức hệ Mác Lê lại càng làm cho xã hội phân hóa thêm. Nhiều người lo ngại sự suy đồi của văn hóa không phải là không có lý. Nếu như ở miền Bắc có nạn

văn hóa Mác xít thì ở miền Nam — như là một cái *mal nécessaire* — có sự lan tràn và khuynh đảo của văn hóa Mỹ quốc mà có thể coi người tiếp nhận lẫn người mang đến đều không mong muốn. Thêm vào đó cái di sản thực dân cũ còn chưa gột rửa được và sự khủng hoảng lãnh đạo trong hàng ngũ chính quyền.

Nhìn chung, từ thế chiến kết liễu đến nay văn hóa tiếp nhận thêm hai tinh thần thực dụng chống đối nhau kịch liệt: tinh thần thực dụng Mác xít và tinh thần thực dụng Hoa kỳ. Thấp hơn một bậc, đó là những giá trị làm ước mơ hay khiếp sợ đa số: tổ chức đảng, tổ chức nhà nước, chính quyền, quân ngũ, súng đạn, những giá trị vật chất miếng cơm, manh áo, tiền tài, dịch vụ cùng với những *patterns* trong lối sống mới...

Thế là văn hóa Việt Nam hơn một thế kỷ nay vẫn còn đang ở trong cơn khủng hoảng do những biến động trong lịch sử quốc gia và quốc tế gây nên. Đánh rằng nền văn hóa cổ truyền đã lỗi thời nhưng nền văn hóa mới quân bình, ổn định và độc đáo vẫn chưa tạo được. Người ta tự an ủi: Đó cũng là những dữ kiện cho một công cuộc tổng hợp và hệ thống hóa mai hậu. Và như đã nói ở trên kia, muốn có cuộc tổng hợp và hệ thống hóa thì điều kiện *sine qua non* là độc lập, thống nhất và tự do của xứ sở — những điều kiện quá khó đối với hiện trạng đất nước.

Đề ức đoán, nói theo ngôn ngữ của một nhà chính trị học Pháp quốc, mong rằng lịch sử được vận động đúng mức đề đem lại sự dân chủ hóa miền Bắc, sự xã hội hóa miền Nam, song song với một tinh thần dân tộc và quốc gia được lý hội một cách mãn cán và thấu đáo. Lịch sử tuy chung nhưng công cuộc vận động vẫn là riêng, khởi từ một vài người, một vài thành phần xã hội, một vài địa phương. Thái độ hoài nghi chán chường là điều nên bài xích. Hãy thực hiện công cuộc vận động trên trong niềm tin tưởng kiên nhẫn và trong niềm hy vọng sáng suốt.

nguyễn sỹ tề

LỮ HỒ

tri nhân hay thống trị

Nói đến sự tiến bộ của giáo dục tức nói đến tiến bộ của tâm lý học. Dù với mục đích nào, cùng đích của giáo dục vẫn là thống trị. Giáo dục không phải là thống trị và cũng là thống trị. Thời cổ, vì « *chiến thắng muốn dịch dễ, thắng được mình mới là điều khó nhất* ». Đức Phật muốn đặt hết mọi khía sống thân, tâm, tri dưới ý niệm xã kỷ. Không từ khuyên đệ tử « *Quán tử thận kỳ độc* » hay « *Tư vô tà* » cũng chỉ đề ra một cùng đích tự chế. Socrate nhắc lại « *Hãy tự biết mình* » để làm gì? Nếu không phải chủ thể phải thống trị chính các bản năng, khuynh hướng của chính chủ thể?

Đến khi khoa học thực nghiệm phát triển, cá thể tự thủ bất lực trong việc tự chế nên đã nhờ tới các phương tiện khách quan. Đó là thực trạng bi thảm con người đặt dưới sự thống trị của tha nhân. Đó là lối giáo dục chỉ huy của các lãnh chúa độc tài, những quốc gia theo công thức chủ nghĩa.

Hậu quả của hai nền giáo dục đưa tới kết quả: con người tự thủ không phải là thánh thiện, đành chịu sự đàn áp của kẻ khác hoặc đeo đuổi một đối tượng mơ hồ, không tưởng. Bây giờ với trào lưu Hiện tượng, Hiện sinh con người được « *nhìn nhau* » chứ không phải chỉ « *nhìn mình* » hoặc nhờ « *người nhìn* » như xưa. Tất cả ba giai đoạn thống trị trên đều liên lạc mật thiết với Tâm lý học.

Tâm lý học cổ điển đặc biệt chú trọng tới phương pháp nội

quan. Phương pháp này phải gọi là « *Nội chế* » mới đúng vì chủ thể không phải chỉ nhìn ngược vào đời sống nội tâm một cách lạnh suông mà chính để dùng trí tuệ chế ngự hết mọi dục vọng. Đây là một phương pháp đạo lý hơn tâm lý vì nó nhắmگان lọc tâm hồn hơn nhận thức tâm hồn. Trong thời đại đông tây chưa phân biệt, trong mỗi con người chỉ có hai lực đối nghịch là thiện với ác. Phải diệt ác để hướng thiện. Đó là phương pháp giáo dục chủ quan của cổ nhân. Mục đích của giáo dục trong buổi ban sơ của nhân loại chỉ nhằm vào việc khắc chế các thú tánh thấp hèn để hướng thiện. Rõ ràng phương pháp này đã thu được nhiều kết quả đạo lý. Xã hội đã có lơ thơ một ít thánh nhân sống bay bổng trên lớp đông người tàn ác một cách hồn nhiên. Mọi phương pháp giáo dục xưa đều thất bại, nếu chính tự thân kẻ được giáo dục không biết tự tu, tự chế để làm sạch tâm hồn mình trước khi nhận sự giáo dục của kẻ khác. Một vị đạo sĩ, một bậc túc nho, một bậc cao tăng không hề chọn đệ tử một cách bừa bãi mà chỉ nhặt lấy một vài người trong hằng hà sa số chúng sanh. Người được chọn được gọi là có căn cơ, có bần tính v.v... cho nên, trong phương pháp giáo dục cổ điển chủ thể đóng vai chính. Phật dạy: *Hãy tự mình thấp xuống lên mà đi*. Phật đó, Pháp đó, Tăng đó, mà kẻ tục không chịu tu thì cứ chọn con đường luân hồi, nghiệp chương mà dẫn thân vào. Một khi đã đi quá trớn thì tự chịu lấy hậu quả. « *Hoạch lợi ư thiên vô sở đảo giả*. » Mang tội với trời thì trốn chạy đâu được? Đó là lời than đau lười của các bậc danh nhân mỗi khi gặp thất bại. Hệ luận trên cho thấy rằng: Nếu chỉ căn cứ vào mô giáo lý cao siêu, ta sẽ có cảm tưởng nền giáo dục cổ rất tôn trọng cá thể mà thực chất là con người trên mẫu số chung đã bị bỏ rơi một cách thể thắm. Người tu đạo, dù với ý niệm cao cả tới mức nào nhưng khi thực hiện cũng chỉ đạt được sự tự giác vị kỷ. Nền giáo dục cao cả chỉ dành riêng cho một số người có phúc hậu còn những kẻ bậc phận thì đành chìm vào sự đau khổ, tuyệt vọng. Một điểm thứ hai, nền giáo dục cổ điển đặt nền tảng ở siêu hình, từ trời rơi xuống. Những điều kinh viện ấy quả nhiên đi ngược với bản tính của nhân loại. Cho dù Mạnh Tử có gọi bản tính ấy là « *bản thiện* », Tuân Tử gọi là « *bản ác* », Lão Tử « *bất thiện nhi bất ác* » cũng như J.J.Rousseau gọi là « *tốt* » Herbert Spencer gọi là « *ích kỷ* », Condillac gọi là « *cái bản trống* » thì con người chủ thể cũng vẫn bị nhồi một cách phiến

diện. Khi gặp người hung bạo, nhà giáo dục chỉ thấy phần dục tính thô bạo và lắc đầu cho nó « *mất nhân tính* ». Khi gặp một nhà đức hạnh, người ta tưởng ngay đó là một viên « *ngọc liền thành khôn vết so bì* », nghĩa là con người ấy hoàn toàn mất hết bản năng, dục tính? Hậu quả, đám đông quần chúng chỉ còn biết suy tôn, xưng tụng các đấng siêu nhân rồi quỳ xuống van xin được cứu rỗi để giác ngộ. Dĩ nhiên, số người cúng Phật, thờ Phật mỗi ngày một gia tăng nhưng người chịu tu hành theo giáo lý của ngài lại một ngày một ít. Giáo dục cổ điển dù là của Nho, Đạo, đều đã thu mình lại vào trong thế giới hoang đường, huyền hoặc. Cũng bởi nhìn con người một cách yụn vật như vậy, nền giáo dục cổ chỉ đưa tới những khung cửa hẹp. Đạo Nho chỉ tạo ra một mô trung nghĩa cuồng tín, mê muội. Đạo Lão tạo ra những anh phù thủy quỷ quái, ma giáo. Vài tôn giáo khác lại nặn ra mẫu người sẵn sàng quỳ xuống để xin tha tội lỗi không do chính mình tạo ra. Điều mâu thuẫn sâu xa của cái học xưa chính là muốn đề cao con người nhưng vô hình dung lại hạ con người xuống mức hạ tiện hoặc ném họ vào ảo vọng mơ hồ. Cho dù, Nho giáo có quan niệm « *vạn vật đồng nhất thể* » thì có mấy người trực giác được sự cảm thông thiêng liêng giữa trời và người? Chẳng qua đến 50 tuổi, gặp trời trở gió ho hen thì gọi đó là « *Ngũ thập tri thiên mệnh* ». Thiên mệnh ở đâu? Sách Trung Dung đáp: « *Thiên mệnh chi vị tính* ». Vậy Tính ở đâu? Thay vì trả lời một cách tâm lý, nhà nho trốn chạy, Bách gia chur tử trốn chạy bằng các danh từ đạo lý: « *Bản Thiện* », « *Bản ác* ». Thiện ác chỉ là thể giả do con người bịa đặt. Đạo Nho bảo « *bất hiếu hữu tam vô hậu vi đại* ». Có con nổi giỗ tông đường là Thiện. Đạo Phật khuyên « *diệt dục* » cũng Thiện. Vậy Thiện ở chỗ nào? Dĩ nhiên, đặt nặng khía cạnh đạo lý chỉ đưa tới mâu thuẫn, xung đột. Tốt hơn hết là hãy trở về Người. Phật dạy: « *Khi nào máu chúng sanh còn đỏ, nước mắt chúng sanh còn mặn thì không có sự phân biệt* ». Đó là ý nghĩa nhân bản của Đạo Phật. Đạo lấy con người làm gốc.

Với ý nghĩa tinh thần nhập thế, con người là tổng hợp của siêu hình, vô hình và hữu hình. Phần siêu hình là hồn tính. Phần vô hình là tâm hồn. Phần hữu hình là thể giác. Cho dù, muốn quan niệm giáo dục khác biệt thế nào vấn đề con người cũng phải nhận định đúng như thế. Bởi lẽ, khi định nghĩa con người là một động vật tức nó phải có điểm đồng dạng về thể lý với mọi sinh vật. Nếu định nghĩa con người là một linh vật thì thần thức phải có những

khả lượng siêu nhiên như mọi thể lực vô hình. Nếu định nghĩa con người là giống hữu tình, hữu thức thì rõ rệt đời sống tâm lý đã phân biệt rõ con người không phải là một động vật, cũng không phải là một bóng ma. Đó là duyên cớ, cớ lai, nền giáo dục nào cũng phải lấy triết lý làm gốc, tâm lý làm phương tiện và thể lý làm nền tảng. Tuy nhiên, con người có đủ nhân cách: thân, tâm, trí vẫn chưa đủ làm người. Nó còn đòi hỏi đạo hạnh nữa. Thuở nhỏ, khi óc tưởng tượng còn man mờ, tôi rất mê cuốn Tây Du ký. Vì tính cách hoang đường huyền hoặc, chính tà phân minh, tôi đã nhớ từng chương, từng đoạn. Con đường của Tôn hành giả chỉ huy Bát giới, Sa tăng phò Huyền Trang sang Tây Trúc thỉnh kinh phải chống với 72 động yêu rất hấp dẫn. Mà bọn yêu quái này có phải là bọn kém tu đâu? Nó là con thanh sư của ngài Văn thù? Nó là con bạch hạc của Nam cực tiên ông? Nó là Hồng hài nhi, đứa bé chấp tay hầu phật bà Quan âm trong rừng trúc? Một mình Tôn hành giả đại náo thiên cung, chinh phục hết mọi ma quái. Sự cảm phục của bộ óc ngây thơ hồi đó khiến đôi khi tôi cũng mơ muốn làm Ngô Không một chuyến đi bù đắp vào những lúc vòng tay cúi đầu dưới ngọn roi của ông đồ Nghệ. Về sau, khi đã được đọc qua môn triết học, tôi bỗng nhận ra rằng bộ Tây Du là một cuốn sách giáo dục tâm lý, xã hội rất sâu sắc. Khi nói con người là tổ hợp Thân, Tâm, Trí thì phải chăng: Bát giới là tượng trưng cho bản năng, dục tính của con người? Bởi chỉ sống bằng bản năng nên Bát giới mới chạy theo gái đẹp, ngủ say trong rừng tùng mà quên cả sứ mệnh của Tôn hành giả sai đi cầu cứu gấp đức Quan âm đến giải cứu cho sư phụ Huyền Trang đang mắc nạn? Bát giới là hiện thân của khuynh hướng hạ cấp nhất trong con người. Nó là biểu tượng của tham, sân, si. Tuy nhiên, trong tác phong của Bát giới vẫn có vẻ đẹp của sự hồn nhiên, chất phác. Vẻ đẹp đầy tội ác của hạng người rủi ro không được giáo dục.

Sau cái « *Bát Giới giới* » là cái « *Tình* » của Sa tăng. Anh này là người phúc hậu, nhiều tình cảm và ngây thơ. Phúc hậu vì mỗi lần thấy Thầy mắc nạn thì anh ta lo lắng vô cùng, luôn mồm năn nỉ Ngô Không giải cứu. Tôn hành giả rất yêu vì cái bản chất đôn hậu của Sa tăng, anh chàng ngây thơ đến độ nghe xúi giục ăn thịt đủ 100 người thì đắc đạo đã vội vàng ăn hết 99 người, đầu lâu xâu đeo đầy cổ. Người thứ 100 phải ăn thịt lại là Tam Tạng. Con đường

khai ngộ đã mở cho tâm hồn đa luy một lối thoát. Về sau, trên đường về xứ Phật, mỗi khi Tôn Ngộ Không bị Thầy đọc chú Kim cô, Bát giới khoan khoái bao nhiêu thì Sa tăng lại khốc lóc, van xin cho huynh trưởng. Bản năng càng bị dồn ép càng vùng dậy. Tình cảm sẵn sàng thỏa hiệp với cả trí tuệ lẫn bản năng. Sa tăng thuộc vào loại Phật tử thuần hậu.

Đến như Tôn hành giả mới thật là biểu tượng đầy đủ cho khả năng cùng tốt của Lý trí.

Có thể nói, suốt bộ Tây du là một bản tường thuật hành trạng của Tôn hành giả.

Trước hết, sự xuất thế của họ Tôn đã nói rõ cái lý « *nhân duyên sinh* » của Đạo Phật. Họ Tôn không do cha mẹ sinh ra mà do một viên đá hấp thụ tinh khí của trời đất tạo sinh. Trong họ Tôn, đã có sự tổ hợp nguyên khí của vũ trụ để biểu hiện vào nhân sinh. Động Thủy liên là thế giới đặc biệt của sự phát triển. Cái nhìn gần nhất của họ Tôn là thống trị bọn khỉ con để làm chúa. Đặc biệt của lý trí là thống trị, là vươn lên. Rồi cũng vì muốn vươn lên mãi, muốn chinh phục thế giới mới, họ Tôn đã chịu cam thân làm tên chăn ngựa cho Ngọc hoàng thượng đế. Lý trí đã lia bỏ tự năng để khuất phục thần quyền. Song lý trí chuyển biến không ngừng nghỉ nên họ Tôn mới ăn hết Vườn Đào của Tây vương mẫu. Uy quyền Thượng đế bị xâm phạm, lập tức họ Tôn phản kháng và đại náo thiên cung. Phải nên hiểu, trong thời ý thức nhân loại còn chìm sâu vào thần quyền mà tác giả Tây Du đã phong cho họ Tôn làm « *Tề thiên đại thánh* » quả là một việc táo bạo và tiến bộ. Uy thế thần quyền bị xáo trộn. Nhị Lang cũng yếu. Ấy! chỉ có Phật tổ, ngài xòe bàn tay năm ngón thách họ Tôn nhảy qua và hấn đã bị chụp xuống dưới Ngũ hành sơn. Sức mạnh « *hữu hành* » đã bị « *vô hành* » khống chế. Đọc đoạn mở đầu, khả năng của lý trí được thể hiện rực rỡ. Với lý trí, con người có thể vượt tới tam thiên đại thiên thể giới, có thể xé tan hết mọi màn hôn ám bao phủ đời người. Những bước tiến của khoa học không gian ngày nay, quả đã thuyết minh thêm về khả lực sung mãn của lý trí.

Xét cho cùng, thì cái trí của con người cũng vô ích nếu không được hướng dẫn. Họ Tôn sẽ mãi mãi bị đè ép dưới năm ngọn núi « *ngũ uân* » với lá bùa. Nếu sau này đức Phật không dùng nó để hộ trợ cho Huyền Trang đi thỉnh kinh thì cái Trí ấy cũng đáng bỏ. Đến khi,

thầy trò Huyền Trang hội ngộ trên con đường lựa, tính cách biểu tượng tâm lý của cuốn truyện lại còn rõ hơn. « *Lý trí* » Ngộ Không chế ngự « *Bản năng* » Bát giới và hướng dẫn « *Tình cảm* » Sa tăng. Ba yếu tố Thân, Tâm, Trí của Nhân cách đã hội đủ. Dù vậy, có đủ nhân cách cũng chưa đủ để làm người. Dạy cho trẻ có thân thể cường tráng, có tình cảm dồi dào, có đủ lý trí sắc bén cũng chưa đủ cho chúng làm người, chưa hoàn thành nhiệm vụ giáo dục.

Ba yếu tố tâm-sinh-lý kia chỉ tạo ra sự sống, còn ý nghĩa của sự sống vẫn vắng mặt.

Tới đây, câu chuyện lại mở sang một hướng khác. Sự xuất hiện của ngài Huyền Trang với mục đích tây du là lý tưởng cổ kết các yếu tố kia. Huyền Trang là biểu tượng cụ thể của đạo đức. Nhưng với đạo đức suông ngài Huyền Trang chỉ có thể « *tự giác* » mà không thể « *giác tha* ». Đã không « *tự giác giác tha* » thì làm sao có « *giác hạnh viên mãn* »? Chắc chắn với đạo hạnh suông, ngài Huyền Trang không bao giờ tới được xứ Phật. Con đường gian khổ ấy cần phải có sự hỗ trợ của Tôn hành giả lúc bấy giờ đã hóa thành « *Ngộ Không* », Sa tăng « *Ngộ Tịnh* » và Bát giới « *Ngộ Năng* ». Trí đạt được cái không. Tình đạt cái Tịnh, Dục đạt cái Năng. Đó là con người toàn thiện. Con người toàn thiện đã có thể về cõi Phật chưa? Chưa hẳn. Vì ma chướng trên đường còn nhiều. Vì vậy, dù họ Tôn đủ sức thống trị Sa tăng, Bát giới nhưng đôi khi cũng không chịu nổi cái lòng « *tử bi* » vô lượng của Huyền Trang. Ngài chỉ cần sự sống và rất ghét sự giết chóc. Một lần, họ Tôn thấy yêu quái hiện hình đập chết đều bị Ngài Tam Tạng rầy la. Họ Tôn lại bị Bát giới xúc xiêm đến muốn bỏ Thầy mà đi. Nhưng than ôi! cái vòng kim cô của đức Phật Quan âm đã bám chặt lấy đầu? Cho hay, Huyền Trang cũng phải dùng phương tiện đạu đờn để thống trị. Vòng kim cô phải chăng là biểu tượng của giới luật? Điều ấy còn đáng ngờ. Bởi lẽ, thọ giới phải do ý thức phát nguyện chứ đâu lại chụp vào đầu như thế?

Chung quy, cuốn Tây Du đã dùng biểu tượng hoang đường để trình bày một quan niệm về con người. Con người có đủ Thân, Tâm, Trí phải đặt dưới uy thế đạo lý. Có đạo lý tức có lý tưởng. Có lý tưởng thì mọi hành động mới có ý nghĩa. Thiết nghĩ: giá trị của cuốn Tây Du cũng tương tự như cuốn kinh Di-Đà hay Địa-Tạng. Mỗi cuốn đều vẽ ra một thế giới huyền hoặc nhưng mỗi sự huyền hoặc lại chứa đựng một ý nghĩa giáo huấn.

Bài học cuối cùng của cuốn Tây Du là chuyện con rùa tu nhiều

năm mà chưa đắc đạo. Nó muốn nhờ ngài Huyền Trang bạch Phật nhưng vì hân hoan vì thành quả, ngài đã quên lời yêu cầu của nó. Đến nỗi khi trở về, con rùa đã chìm cả mấy thầy trò và kinh sách cũng bị cuốn trôi đi mất. Hóa ra, ở đời không phải chỉ có kẻ được giáo dục mới bị khắc chế mà chính nhà giáo dục cũng phải tự khắc, tự chế nhiều hơn.

Đại để, ý nghĩa tâm lý học về con người đã được nhà văn Phật học ý niệm như vậy. Tuy nhiên, ý nghĩa đó đã bị bỏ quên. Hình ảnh con người toàn diện đã không được chú ý. Nguyên do, từ khi Nho học độc tôn đã áp dụng một phương pháp giáo dục quá thiên về đạo lý hơn tâm lý. Vì quá thiên về đạo lý nên nhà nho đã dạy nhiều điều phản tâm lý, phản sự phạm. Thử hỏi đứa con nít lên 5 đã biết gì mà phải học « *Nhân chi sơ, tính bản thiện* »? Thử hỏi trí óc non nớt của trẻ em có nên nhồi câu « *Dưỡng bất giáo, phụ chi họa. Giáo bất nghiêm sư chi đạo* » không? Hai câu đó đem làm chàm ngôn cho phụ huynh, cho nhà giáo thì được chứ dạy trẻ sao được? Bởi chỉ chú trọng vào trực giác mà quên suy luận nên cái học nhà nho chỉ phát triển kỹ ức [để nhớ cho nhiều « *lâu thông kinh sử* » còn lý luận, thì cùn nhạt. Đến như trực giác kinh nghiệm thì ai cũng có nhưng phát triển nó tới mức độ phát minh hay siêu lý thì mấy ai đạt được ngoại trừ các bậc xuất thế.

Sự thất bại của khoa sự phạm xưa là ở đó. Sự sa đọa của văn minh Đông Phương trước cơn gió lốc duy lý, duy nghiệm Tây Phương từ cuối thế kỷ trước đến nay cũng ở đó.

Ta sẽ không ngạc nhiên, khi thấy các thanh niên tân học ở nước ta vào đầu thế kỷ này đã đón rước tinh thần văn minh Hy Lạp một cách mạnh mẽ cũng vì mặc cảm lạc hậu. Khốn nỗi các nhà nho được gọi là tiến bộ trong Đông kinh nghĩa thực cũng tỏ ra sùng thượng loại văn minh mới đó.

Thiết nghĩ: văn minh Đông Phương là nguyên nhân và cứu cánh còn văn minh Âu Mỹ chỉ là khoảng giữa của nhân sinh. Những gì khoa học, Triết Học hiện đang phát kiến ra cũng chỉ để biện minh cho căn nguyên mà Đông Phương đã nhìn thấy từ thời cổ và chắc chắn cứu cánh của nó cũng quay về các nguyên nhân sơ thủy đã được diễn bày. « *Phản phục chi đạo* » là nguyên lý chính yếu của mọi trào lưu tư tưởng. Một khi nhà giáo dục đã bắt mắt với phương pháp tâm lý nội quan mà chui vào pháp phương pháp

thực nghiệm khách quan thì « Giáo dục ngôi thứ nhất » đã nhường chỗ cho « giáo dục ngôi thứ ba » Nhường chỗ cho máy móc thay thế loài người.

Nếu trong nền giáo dục ngôi thứ nhất, chủ thể phải làm chủ chủ thể thì trong nền giáo dục ngôi thứ ba, chủ thể đã hóa thành một đối tượng suông, một loài chuột bạch của các máy vật lý, điện tử. Các lý thuyết về giáo dục mới của Gina—Lombroso, Montessori, Dewey, dựa trên các tâm lý của Ribot, Piaget, Pierre Janet đều muốn mở rộng đối tượng giáo dục cho mọi người. Họ cố dựa trên các định luật phổ quát và tất yếu để tìm những nét tương đồng của con người trên mẫu số chung. Sau đó ví mục đích nhân đạo, Nhà giáo dục dùng trực nghiệm tìm hiểu « Cá tính » để uốn nắn. Phương pháp này đứng trên lý thuyết thì thật hấp dẫn nhưng trong khi thực hành lại quá dựa vào « Khách quan tính » của khoa học nên cá tính vẫn không đạt được. Lẽ lối Education des sens chỉ là phương pháp điều chỉnh sinh lý chứ về mặt tâm lý chắc chắn thất bại. Jules Romain đã chê phương pháp trực nghiệm « Tôi hoài nghi phương pháp trực nghiệm vì nếu áp dụng cho các bậc thiên tài thì có lẽ họ sẽ nhận được một số trung bình rất tệ ».

Tuy nhiên, kết quả khốc hại nhất của nền giáo dục ngôi thứ ba là nó bị những người chủ trương « Giáo dục chỉ huy » lợi dụng triệt để. Hãy nhìn vào nền giáo dục ở các nước tư bản và vô sản. Họ đã dùng trực nghiệm để phân loại từng lớp người. Rồi với một số tiêu chuẩn nào đó, mỗi lớp người sẽ « bị » hưởng nghiệp. Tất nhiên, con người sẽ được dùng rất đúng và cũng bị bóc lột, uốn nắn, câu thúc rất đúng.

Nếu giáo dục cổ điển nhằm « Diệt dục » thì giáo dục tân thời đã « Kích dục » tới mức tối đa. Giáo dục cũ là sở hữu của các bậc thánh thiện thiên tài, thì giáo dục hiện tại đã đặt thiên tài dưới sự thống trị của cơ-giới. Thống trị bằng thần quyền hay thống trị bằng điện cơ, ý nghĩa sâu xa của giáo dục cổ kim vẫn là thống trị. Con người được luôn luôn là nhắm tới, được đề cao để bị tận dụng. Ngày xưa con người bị bỏ quên. Ngày nay, nó càng được nhớ càng khốn khổ. Do thảm cảnh của hai nền giáo dục ngôi thứ nhất dựa vào nội quan. Giáo dục ngôi thứ ba dựa vào trực nghiệm mà hiện đại đã nảy ra: *Giáo dục ngôi thứ hai*. Nền giáo dục của sự bình đẳng.

— Giáo dục ngôi thứ I: Chủ thể nhìn chủ thể (tự giác).

— Giáo dục ngôi thứ III: Chủ thể hóa thành đối tượng.

— Giáo dục ngôi thứ II: Chủ thể — — — Chủ thể.

— Một đẳng: Nhà giáo là chủ thể tự chế, tìm mọi cách để đi vào « Siêu ngã » của đối tượng bằng tâm phân học (Chủ thể đối tượng).

— Một đẳng: Học sinh cũng là chủ thể hiện hữu đủ ý thức để nhận thức bước đi của mình (Đối tượng chủ thể).

Đây là phương pháp liên chủ thể (intersubjectivité). Chủ thể và đối tượng được nhìn là hai hữu thể có nhân cách toàn vẹn. Vấn đề Tri Nhân phải được chú trọng.

Nội quan là cái nhìn tri kỷ (biết mình) ý thức chính mình một cách trực tiếp. Tri kỷ bằng nội quan cũng có thể là phương thể « tri nhân ». Biết người căn cứ trên sự biết mình, vì người khác cũng là chủ thể hay ý thức như mình. Tất cả mọi người đều là chủ thể, đều có ý thức giống như ta. Vì thế, Tri kỷ là con đường đưa đến Tri nhân.

Nhưng hãy coi chừng: nếu không vượt ra khỏi bản ngã riêng, ta làm vào một nguy ý: Nhìn người theo ta, theo quan điểm hay ý tưởng của ta, một ý tưởng sai sự thật. Do đó nội quan tri kỷ hay tâm lý học chủ quan mà thôi: Chưa đủ.

Tâm lý học khách quan: Chỉ nhìn *cử chỉ* bên ngoài và không biết đến chủ thể bên trong. Tất nhiên, sẽ không thấu hiểu được thế giới thâm sâu của kẻ khác và bỏ rơi họ là một ý thức hay nội tâm riêng biệt.

Với liên chủ thể, hai ý thức đối diện nhau, nhìn qua nhìn lại sẽ có một liên lạc không giống hoàn toàn như liên lạc giữa một ý thức với một vật bị nhìn, bị quan sát với tư cách một đối tượng. Ý thức lồng vào « trong » đối tượng để hiện diện trong đối tượng. (Đối tượng bị cái nhìn của ý thức xâm lăng tự bên ngoài). Hai ý thức đối diện nhau: khác hẳn. Là hai thế giới thân mật, riêng tư thầm kín, không thể bị xâm lăng như trường hợp của một đối tượng vì là hai chủ thể không thể nhìn thấy tự bên ngoài nhờ cái nhìn « ngoại quan ». Như vậy hai ý thức sẽ giao tiếp với nhau không phải:

— Trên liên lạc xâm lăng hay đột nhập vào tự bên ngoài.

— Nhưng trên liên lạc « với nhau » (Être-avec).

Chúng ta « tri nhân » như thế nào: Đó là vấn đề ý thức giao cảm (Communication des consciences).

Giao thiệp xã hội hay xã giao đem tới các cuộc giao tiếp trên

trường xã hội cho chúng ta biết rất nhiều chuyện về kẻ khác. Nhưng trường đời thường chỉ là nơi trao đổi qua lại những liên lạc rất hời hợt bên ngoài.

Nếu không thân thiết, nếu không phải là người bạn hữu không có sự cảm thông với nhau trong phần thâm sâu, trong cái bản ngã tư riêng của nhau, mà chỉ hoàn toàn giao tiếp giữa hai « nhân vật » (Personnage) nghĩa là nhìn nhau chỉ ở cái « mặt ngoài » của nhau. Mặt ngoài ấy tức là địa vị, chức phận, việc làm. Có thể nói: địa vị hay chức phận là cái mặt nạ xuất hiện trước cặp mắt thiên hạ, và ở dưới chiếc mặt nạ ấy nơi ẩn nấp « cái tôi » thực của mỗi người mà cặp mắt thiên hạ không sao thấy nổi. Nhân vật chỉ gặp nhân vật. Cái « tôi chủ thể » chưa gặp được cái « tôi chủ thể » trong liên lạc xã giao.

Gặp nhau như thế, không thể có sự thân nhau, vì chưa tin nhau. « Tin » là tin một cái gì không thấy mà nhận là có, mới gọi là « tin ». Tin cái gì, Tin cái ý thức thâm kín hay cái chủ thể ẩn khuất cái nhìn bên ngoài.

Cho dầu có muốn tiến sâu hơn nữa, vượt ra khỏi xã giao bên ngoài, khi gặp kẻ khác, ta cũng chỉ thấy được những cử chỉ bên ngoài thôi, thái độ, cách cư xử, lời nói, việc làm, phản ứng, nụ cười, giọt nước mắt, bộ điệu, diện mạo v.v...

Căn cứ trên tâm trạng của ta, trên kinh nghiệm của bản thân, để phỏng đoán ý thức của kẻ khác. Nhưng công việc ấy gặp nhiều khó khăn.

Phong thái của tha nhân là một tài liệu phải tìm hiểu ý nghĩa rất dễ sai lầm, vì ta có thể gán cho một nghĩa hoàn toàn không có. Đây là hiểu lầm các cử chỉ của kẻ khác, chuyện xảy ra hằng ngày.

Muốn hiểu thật tha nhân không những phải thu mình vào nội tâm của mình. Đề tra vấn các thực trạng tâm hồn của mình, và nhận xét ta giống kẻ khác như thế nào mà còn phải hòa mình vào họ, trong cái tư riêng của họ để hiểu họ trong cái màu nhiệm riêng tư của họ nữa, nghĩa là tìm kiếm những điều mà họ khác ta. Phong thái rất dị nghĩa. Nó có thể phản bội sự thật bên trong một cách dễ dàng. Vì thế rất thận trọng và phải luôn luôn đề phòng.

Lắm lúc ta chỉ mặc cho kẻ khác một bộ áo do chính tưởng tượng của ta đã thêu dệt ra.

Mặc dầu trở ngại giữa con người với nhau vẫn có một sự giao

cảm sâu xa tựa hồ như là thâm giao vào trong ý thức và nội tâm của nhau. Hai chủ thể có thể vượt qua bức hàng rào của đối tượng ở mặt ngoài, để giao tiếp với nhau trong chính chủ thể hay bản vị của nhau : Đây là tình trạng ý thức thâm giao rất khó phân tích vì rất tế nhị. Đó là chưa kể tới cách khoảng cách xã hội.

Có một cách thức giao tiếp để hai ý thức trực tiếp với nhau. Đây là một lối biết đặt biết làm cho hai chủ thể gặp nhau với tư cách là chủ thể : Lối biết bằng « tin tưởng » bằng « tin nhiệm » và bằng « yêu thương ». Một cái « tôi » với một cái « bạn » (Je — Tu) đón nhận lẫn nhau, hòa hợp với nhau thành một cái « chúng ta » (Le nous) trong giây liên lạc « liên vị » hay liên chủ thể. Cái lối biết này, trao đổi giữa hai bên tôi bạn là một lối biết bằng « Thiện cảm » là thái độ của cả một tâm hồn, thái độ đón nhận nhau trong tình yêu (yêu và được yêu). Cái chủ thể tôi và cái chủ thể bạn cùng hiện diện với nhau, hiện diện cho nhau. Đây là một lối trực kiến khiến cho ta dường như gieo mình vào nội giới của tha nhân để hòa mình với cái riêng tư và độc nhất của họ. Đó cũng là ý nghĩa của lời Tán Phật khi niệm Hương.

Năng lễ (sujet) sở lễ (objet) Tánh không tịch

Cảm ứng đạo giao nan tư nghị. (communion)

Quan điểm liên chủ thể là một quan điểm rất mới do những trào lưu triết-học hiện-đại : Như hiện-tượng-luận, hiện hữu chủ nghĩa và nhân vị chủ nghĩa phát sinh. Một bước tiến rất đáng mừng và được đón chào như là một tinh thần mới trong liên lạc xã hội giữa con người với con người. Đây cũng là quan điểm sở hữu của Phật giáo đã bị bỏ quên.

Liên lạc liên vị (Interpersonnel) giữa xã hội loài người xuất hiện một cách hợp thời để biến đổi cái nhìn quá chú trọng vào nội quan (Tri kỷ) nhất là cái nhìn ngoại quan xem người khác hoàn toàn như là một đối tượng, một vật quan sát và thí nghiệm một cách khoa học.

Rõ ràng phương pháp liên chủ thể dung hòa được cả hai phương diện nội ngoại của con người và phù hợp với sự kiện thiết thực của bản tính nhân loại.

Nói riêng trong sinh hoạt xã hội, liên lạc liên vị hay liên chủ thể sẽ như là cái hồn, cái tinh thần của mọi giao tiếp giữa con người với nhau. Chỉ có tinh thần liên vị này mới tôn trọng giá trị chủ thể. Một xã hội loài người với tinh thần giao tiếp này sẽ

mang danh nghĩa là « cộng đồng » tức là một xã hội nhìn nhận giá trị ý thức hay chủ thể của nhau. Đáng khác sự giao tiếp giữa hai ý thức thầm kín, nhất là cái tham vọng hiểu thấu nội tâm của người khác là một chuyện hết sức khó khăn vì mỗi ý thức là một nhiệm vụ, bên này muốn chia sẻ cho bên kia một cách trực tiếp không thể được, chỉ gián tiếp qua lời nói là chia khóa duy nhất. Nhưng lời nói chỉ là một « chúng ta » có thể sai lầm và phản bội sự thật bên trong. Dạy cho người tin Phật là khó nhưng dạy cho người tin người lại càng khó hơn.

Trong một thời đại không những người ta không chịu yêu thương nhau mà còn dùng đòn phép để lừa gạt, lợi dụng nhà thiết tưởng mục đích của nhà giáo dục không phải chỉ gò bó về việc trồng giống người tốt, tạo cá nhân tốt, mà còn phải làm sao tạo được hòa khí cộng đồng. Sự nhìn nhận hiện hữu giữa người và người là điều không thể vắng mặt. Điều mâu thuẫn xót xa chính là ý hướng thống trị mỗi ngày một bành trướng. Các vị lãnh chúa muốn dân chúng quỳ phục mình. Các nhà tôn giáo muốn tín đồ lệ thuộc mình. Các nhà khoa học muốn nhân loại chịu sự cơ giới. Tất cả đều đi đến cùng đích thỏa mãn tham vọng thống trị. Các phiên trước của sự sống mỗi ngày mỗi ràng buộc thêm cho việc nhìn nhận nhau trở nên vô cùng khó khăn. Nhân loại kẹt vào cuộc sống tiền chế.

Dù sao thì công tác của nhà giáo dục chân chính vẫn phải cố gắng kiến tạo hòa khí giữa con người. Khi mà phương pháp mới quan đã dành riêng cho các nhà huyền học, tâm học, thiên học phương pháp ngoại quan trở thành môn trị liệu y khoa thì phương pháp tâm-lý-liên-chủ-thể phải được dành cho những người bình thường. Hãy cứ tin là bình thường dù biết trong siêu ngã vẫn chất chứa nhiều ần ức. Nhìn nhận chủ thể chưa đủ. Hãy tạo điều kiện cho các chủ thể tới với nhau. Tới trong sự cảm thông đồng điệu, trong mục đích tri nhân chứ không phải bằng hoài nghi hay thống trị.

lữ hồ

VŨ KHẮC KHOAN

những người không chịu chết

tiếp theo

Cả hai chợt nín thở. Chuông đồng hồ vang lên. Một tiếng. Không khi căng thẳng chờ đợi. Nhưng một tiếng là một tiếng cộc lốc. Là hết. Yên lặng. Một lát sau...

SƠN

Ồ. Sao lại thế này. Sao lại một tiếng. Lúc này đã bốn giờ rồi kia mà. Hay là... rưỡi ? Thu... ở đây đồng hồ có đánh nửa giờ không em ?

THU

Em không rõ. Ở đây nhiều đồng hồ quá. Hết cái nọ đến cái kia, chuông đánh lung tung. Có cái lại còn đánh cả mười lăm phút nữa anh ạ. Nhưng... đánh một tiếng thì chắc là bốn giờ rưỡi rồi.

SƠN

Hay là năm giờ rưỡi.

THU

Đời nào. Có, thì lúc này đã phải nghe thấy đánh năm tiếng chứ.

SƠN

Thì có bao giờ mình nghe thấy đánh nửa giờ đâu ?

THU

Chắc là có mà mình không để ý. Khổ quá, trước kia có bao giờ em để ý đến đồng hồ đâu ?

SƠN

Anh thì anh chắc là năm giờ rồi. (Một lát.) Thôi, kệ. Em trông kia. Từ này anh vẫn muốn em nhìn thấy...

THU

Thấy gì, anh?

SƠN

Tòa nhà bên kia đường.

THU

Ờ, rõ quá nhỉ. Nhưng trông ghê quá, không ra cái hình thù gì cả.

SƠN

Vì đang xây dở mà. (Một lát.) Thu này, em có biết anh vẫn ao ước được làm cái gì không? Không, không phải là một anh chàng hiệp sĩ. Anh đâu biết cỡi ngựa mà vượt bẫy khu rừng rậm, trèo chín đỉnh núi cao. Anh cũng không muốn giết ai cả. Anh không muốn giết người. Anh chỉ ước ao được thành một người thợ, một người thợ nề. Anh trộn vôi trắng với cát màu nâu. Anh cầm một chiếc bay. Anh đặt từng viên gạch. Cho tường mỗi lúc một cao. Cho

nhà mỗi ngày một lớn. Anh thêm được xây nốt tòa nhà bên kia đường...

THU

Chiều chiều người anh đầy vôi và cát, anh trở về nhà. Em đợi nghe tiếng anh từ xa đưa lại. Anh ca bài ca của đám thợ bên kia đường, bài ca nói đến sức mạnh cánh tay, máu của tim và lửa của tình yêu.

Thu bỗng cắt tiếng ca — bài ca của đám thợ xây cất tòa nhà bên kia đường, bài ca nói đến bắp thịt người công nhân, và con tim của người yêu đời. Giọng Thu trong vắt, không khí gian phòng đột nhiên rõ nên khác thường, như được sinh khí, như có phảng phất gió ợn ngoài biển, mây trắng trên trời xanh và nụ cười vào đời của trẻ tuổi đôi mươi. Bài ca bắt đầu tắt nghẽn: tiếng chuông đồng hồ lại vang lên. Thu, Sơn đếm thầm trong đầu. Sáu tiếng. Thông thả. Bình đặc.

SƠN

Sáu.

THU

Sao lại sáu ? Là thật.

SƠN

Sáu giờ. Chẳng có lẽ.

THU

Đồng hồ đánh kỳ cục quá. Không tin được đâu.

SƠN

Đồng hồ mà không tin được thì còn biết tin cái gì bây giờ ?

(Một lát.) Anh thấy thật giống như bị lạc trong đêm đen. Giờ giấc mù tịt. (Một lát.) Lúc chiều em có nói đến một đoàn tàu đi trong địa đạo. Thật đúng là cảnh chúng mình.

THU

bỗng reo lên

Em nghĩ ra rồi. Bài ca. Bài ca của đám thợ bên kia đường. Cứ nghe thấy tiếng họ hát là biết ngay giờ giấc. Không cần đồng hồ nữa. Bài hát em hát lúc này ấy mà.

SƠN

Mấy giờ họ đi làm, em ?

THU

Bây giờ thiếu mười lăm. Mà bắt tay vào việc là họ hát ngay mà.

SƠN

Bây giờ thiếu mười lăm. Thế thì sáng mất rồi.

THU

Sáng mất rồi. (Một lát.) Em nghĩ đến lời nguyện của em. Sáng mai...

SƠN

vội

Thu. Nghe anh đây. Bây giờ mình đợi vậy. Xem ra sao. Nghe tiếng hát sáng mai, may ra mình sẽ tìm ra một lối thoát. Mình sẽ thoát ra khỏi địa đạo.

THU

Mình sẽ nhìn thấy trời xanh và màu lúa chín, phải không anh ? . (Một lát.) Nhưng...

SƠN

Không nhưng gì hết. (Một lát.) Anh tiếc rằng không có sẵn rượu để mà uống. Anh muốn say.

THU

Anh biết uống rượu à ?

SƠN

Không. (Gắng cười cười). Ta uống nước vậy. Em ngồi xuống đây. (Diu Thu ngồi xuống một chiếc ghế nhỏ đặt cạnh một cái bàn đã cũ). Anh ra lấy nước... (Rồi không đợi Thu trả lời, Sơn quay ngoắt, đi vội ra phía ngoài, cầm ly nước uống dở, giơ lên hướng về phía Thu, uống cạn. Rồi giáng điện rất tự nhiên, Sơn bỗng đi lại một góc căn hàng — tấm màn hậu điện tuy đã kéo lên mà còn che khuất góc đó, — lên rút vội một viên nho nhỏ trong túi áo, bỏ vào ly, quay về chỗ cũ, cầm chai rót nước vào ly, rồi từ từ, rất từ từ, tiến lại phía Thu. Thu đứng dậy). Bây giờ đến lượt em. Nước cũng say, Thu ạ. Em uống đi. (Thu cầm ly, đưa lên miệng. Chợt.) Khoan. (Thu dừng tay. Một chút ngần ngại thoáng qua vẻ mặt người con trai. Rồi hết. Sơn dần giọng). Thôi được, em uống đi. Uống cạn. (Thu uống một hơi rồi đặt ly xuống bàn. Nàng đứng lặng nhìn Sơn.) Thu ạ, bây giờ thì anh nhất định rồi. Anh lại phải tiếp tục vui trò hiệp sĩ. Em nói đúng. Anh đã giết một tên đại gian đại ác. Nhưng chưa hết. Còn một tên nữa. Tên này mới là trùm đảng. Nó sẽ bắt cóc em. Nhưng anh đã vượt bẫy khu rừng rậm, anh đã vượt chín đỉnh núi cao. Anh đã đến kịp. Anh nguyện bảo vệ em, Thu. Dầu có bị chết. Để em sống. Em phải sống. Em có biết tại sao không ?

THU

nói như trong cơn mơ

Anh nói đi anh.

SƠN

Đề cuộc sống 18 năm lê la đầu đường xó chợ của anh có một chút ý nghĩa. Em có hiểu không ?

THU

Em hiểu. Nhưng... nhưng em đã nguyện.

SƠN

Minh cùng nguyện lại. Bây giờ mới là bắt đầu. Em nguyện đi, em. Em niệm Phật đi.

THU

Có kịp không, anh... (*Chợt.*) Sao mà... sao mà...

SƠN

hốt hoảng

Sao... sao em ?

THU

Không, không sao cả. Nhưng em thấy nặng đầu. Em thấy quay cuồng.

SƠN

dỡ vai Thu

Em có thấy khó chịu không em ?

THU

Không, không khó chịu. Em thấy chòng chênh như đang đi thuyền. Thuyền trôi, trôi... Nước xanh, trời xanh...

SƠN

Em nguyện... Em niệm Phật...

THU

Không kịp... đầu anh. Trời xanh quá... Mắt em nặng... chũu.

SƠN

ôm chắc vai Thu

Lạy trời, lạy Phật. Nói đi.

THU

cố gắng

Lạy trời...

Rồi lả người xuống.

SƠN

Trời... Thu ơi. (*Hét lớn.*) Thu.

Yên lặng. Sơn chợt ngoảnh lại. Người đàn ông đứng tuổi đã đứng sau lưng chàng...

(*còn tiếp*)

vũ khắc khoan

PHAN ANH

thành phố

Chàng ra phố rất sớm trong dáng vẻ vội vã đến vô lý: một thói quen mới của những ngày gần đây, có phần trưởng giả và lãng mạn, vẫn khiến chàng bật cười cay đắng trong mỗi lần nghĩ tới, đồng thời nhận ra sự nhàn rỗi quá đáng của mình. Buổi sáng. Các vỉa hè, các cửa kính, các con đường nhựa còn lạnh hơi sương, tất cả hiện lên một bộ mặt trinh nguyên khoẻ khoắn. Những dấu chân, những bóng dáng ngày hôm trước đã bôi xóa hoàn toàn. Thành phố không tri nhớ. Thành phố của đêm kế tiếp ngày, ngày kế tiếp đêm, mỗi kế tiếp là một thay đổi, một làm mới, một đón chào, một hứa hẹn. Rời trong quang cảnh im lìm trống vắng, thỉnh thoảng vụt qua một chiếc taxi hay một chiếc xe tuần tiễu cảnh sát (đèn xe hãy còn bật sáng), mất tầm sau một góc phố một ngã tư, thỉnh thoảng một tiếng kèn vang lên giục giã nghe rớt lại, mơ hồ xa vắng. Thành phố hãy còn mơ màng chưa tỉnh ngủ (chàng bắt đầu thấy thích những khoảnh khắc đó: cảm giác được là người khách đầu tiên nhìn ngắm bộ mặt thành phố sau một đêm), những cánh cửa sổ đầu tiên mở toang nhìn ra những nhánh cây đường sầm uất, những mảnh trời vút cao, một hai bóng người sẽ hiện ra đây đó trong các khung cửa sổ, mình trần hay trong bộ đồ ngủ, dang tay thực hiện mấy động tác hô hấp, hoặc thông thả đứng cạo râu, hoặc đứng còng lưng nhìn xuống đường khoan khoái đón nhận những hương không khí trong lành buổi mai chưa khuấy động, ngầu đục với bụi khói. Quán mở cửa cho những người khách đầu tiên đi tìm sự tỉnh táo trong ly café thơm nóng sau một đêm ít

ngủ (một canh bạc, một trận tình, một phiên trực trong sở làm...) hoặc một chỗ ngồi thân mật, một bữa ăn sáng vội vàng (trước khi ra bến xe, phi trường...) và trong khi chờ đợi, người ta có thể nhìn lại một lần (sau cùng), qua lớp kính cửa hiệu, thành phố xuất hiện như một tĩnh vật: vỉa hè, ngã tư, cột đèn xanh đỏ, cửa sổ... tất cả im lìm, chìm lắng, phẳng bằng, người ta có thể nói: những tấm cartes postales đặt cạnh nhau. Người ta cũng có thể tìm gặp một khoảnh khắc yên tĩnh, một bộ mặt tương đối lý tưởng của thành phố về sáng, ngồi trầm ngâm, chiêm hữu lấy bầu không khí êm đềm (của thành phố) đã trở thành một tặng vật riêng tư, trước khi quán khởi sự ồn ào cùng một lúc với sự sống vừa dấy lên, náo loạn bên ngoài. Lúc bấy giờ, bàn ghế có thể hãy còn chồng chất lên nhau trong một góc quán. Người giúp việc hãy còn cầm cúi quét dọn, lau chùi. Có thể chưa có café. Có thể chưa có bánh. Khách còn phải đợi nước đun sôi. Đợi bánh chín tới. Và lúc đó người ta có thể đốt lên một điếu thuốc. Điếu thuốc đầu tiên của một ngày.

Lý do của chàng rất đơn giản. Phải tìm một cách giết thì giờ tốt nhất. Chàng vẫn hay thức sớm mặc dù tình trạng sức khỏe, như lời vị bác sĩ trong bệnh viện, đòi hỏi chàng phải dưỡng sức rất nhiều. Chàng vẫn không bỏ được thói quen nghề nghiệp hay đúng hơn thói quen của một người bị khó ngủ. Những viên thuốc ngủ một thời đã chỉ làm cho thần kinh chàng vất vả thêm và tình trạng cũ cũng không thay đổi bao nhiêu; kỳ lạ: cái gì rồi cũng quen đi. Dần dà chàng cũng thấy mình không còn e ngại, sợ sệt. Chàng nói đùa, càng ít ngủ đi, người ta thấy đời mình càng dài ra, không sao cả. Chàng thường giật mình thức giấc với những tiếng động đầu tiên vừa nhen nhúm trong thành phố để không bao giờ nữa có thể dỗ lại giấc ngủ. Khoảng thời gian sau đó sẽ trở nên nặng nề khó chịu. Chàng vẫn thường nằm yên trên giường mắt mở trừng nhìn bóng tối, không buồn vận đèn bước xuống, chàng sẽ bứt rứt, khó chịu và nếu cần khổ sở vì một tiếng động nhỏ chàng vô tình gây ra lúc đó. Chàng biết mọi người vẫn thường tỏ ra lo lắng giấc ngủ của chàng. Chàng không muốn họ phải nặng lo vì mình chút nào. Về đêm chiều trên nét mặt họ vẫn đặt chàng vào trường hợp khó vất vả, khó sống. Chàng vẫn phải che dấu không cho họ biết về tình trạng những giấc ngủ của chàng cũng như về tình trạng chung của sức khỏe. Chàng sẽ yên lòng hơn khi nhìn thấy

họ yên lòng. Chàng nghĩ mình giả dối một cách đáng ghét. Chàng tìm mọi cách để được yên thân không ai quấy rầy, không quấy rầy ai. Có lẽ vì vậy, chàng muốn sống một mình, lẩn tránh mọi cuộc gặp gỡ, chạm mặt dù với một ai, quen thân hay xa lạ. Một mình để được tự do với tất cả những thừa mứa của chính mình, với mùi vị nhạt nhẽo tẻ lạnh của đời sống thường nhật. A! Những ngày sống vô tích sự. Chàng rảnh rang quá sức. Chàng có quá nhiều thì giờ không biết để làm gì. Chàng đã từng nôn nao, hăm hở được trở lại, được ném trả lại cuộc sống mọi người. Chàng chỉ còn việc tìm lại, nối lại, sống lại một cái gì đã đứt đoạn, dở dang (công việc, nghề nghiệp, đời sống). Chàng còn phải trở lại tỉnh K. Chàng còn phải gặp lại từng khuôn mặt, quen thân hay ngỡ ngàng, gặp lại vũ trụ nho nhỏ đã gần gũi, làm nên một phần đời sống của chàng (đời sống, sinh mệnh, da thịt...). Ở đó có phải đời sống vẫn đợi. Có phải đời sống chàng tìm kiếm bắt gặp đón lấy và bây giờ đang đợi chàng. Có phải đó chính là đời sống thật, câu hỏi thoáng qua, mất biệt sau đó, không được trả lời và rồi chàng sẽ quên đi, không buồn bận tâm đến. Nhưng dường như chàng đã thấy và đã nghe. Sự buồn nản không ngừng lớn lên trong chàng. Chàng buồn nản nghĩ tới những ngày sắp tới, những việc phải làm. Ý định thu xếp trở lại nhiệm sở vẫn tiếp tục lần lượt trong chàng, dần dà biến thành một ám ảnh đè nặng khó chịu. Ngay cả ý định làm mới, thay đổi từng hiện diện đến nhiều lần trong những ngày nằm bệnh viện cũng phai nhạt đi. Tất cả chỉ còn là những ảo tưởng bàng quơ, nhảm nhí của một kẻ nóng lòng muốn bước khỏi giường bệnh, muốn hất mặt nhìn thẳng vào mọi người, không cúi đầu, không sợ hãi, không thua cuộc. Những ảo tưởng thật khôi hài làm sao. Chàng thức giấc và nghe sự sống vừa nhóm lên đầu đây ngoài cơ thể, ngoài bốn bức tường vây kín lấy chàng. Ngày bắt đầu trong thành phố. Ngày hứa hẹn và xa lạ. Ngày nhàm chán và quen mặt. Ngày trên những bước đi hăm hở. Ngày trên những bước về rã rời. Chàng nghe đầu óc lùng bùng như nổ. Đó chỉ là những âm thanh thét gọi, vô vọng, buồn bã. Vô nghĩa. Vô nghĩa hoàn toàn. Thế rồi trong cơn xô đẩy mù quáng, chàng mặc quần áo bước ra ngoài. Không còn cách nào khác hơn. Chàng không thể nào tiếp tục ở lì trong phòng, chịu trận, bứt rứt. Chị Ba cũng đã thức vào phút đó, thói quen của người giúp việc siêng năng, đang sửa soạn mấy công việc lặt vặt ở nhà sau. Chị sẽ khép lại cánh

cửa sau lưng chàng. Chị là người đầu tiên chàng gặp trong ngày, có thể lại sẽ là người sau cùng. Với điều kiện là chàng sẽ trở về vào buổi tối. Như thường lệ chàng không quên căn dặn chị bằng một câu nói có thể chị nằm lòng, nếu tôi không về, nhờ chị... Chàng biết chị thừa mau mắn khi phải giải thích sự bẽ bề hay vắng mặt của chàng với mọi người dù chàng có nói trước hay không. Chàng vẫn nghĩ chị là người duy nhất trong gia đình chàng còn cảm thấy gần gũi, tự nhiên mỗi lần chạm mặt hay chuyện trò. Sự buồn nản sau giấc ngủ đứt đoạn sẽ tiếp tục theo đuổi, bám sát lấy chàng cho đến khi chàng bước vào quán. Vẫn tỉnh cảm biếng lười làm tê liệt. Vẫn ước muốn đòi buông xuôi. Vẫn những động lực ngu ngơ dồn đẩy, cuốn xoáy. Vẫn là kinh nghiệm của một kẻ sống trong tận cùng sự thừa thãi của mình. Sự thừa thãi có thể đã bắt đầu từ một hư hỏng, thiếu thốn. Tôi chỉ là một con người bệnh hoạn với những bóng ma quây quần nhảy múa trong đầu. Có thể chàng sẽ bật cười vu vơ trong ý nghĩ mình là một con người bệnh hoạn và những gì tiếp theo sau đó. Lãng mạn. Chàng nghĩ mình lãng mạn quá mức. Tự nhiên chàng thấy xấu với chính mình. Chàng chỉ còn là một diễn viên lúng túng không đảm nhận nổi vai trò của mình trước bao nhiêu cặp mắt (trong tưởng tượng của chàng) đang nhìn chàng trần trối, ghi nhận từng cử chỉ từng nét mặt. Chàng chỉ còn là tên hề với bộ mặt bi thảm đáng ghét. Cô gái khế nghiêng người về phía chàng.

— Ông dùng chi.

— Cô cho tôi một ly trà sữa.

Nàng chần chờ. Chàng nói tiếp:

— Tôi không ăn bây giờ.

Cô gái quay vào trong. Nàng có khuôn mặt dịu dàng với vẻ ngây ngô đáng yêu. Nàng không kịp đón nhận nụ cười xã giao của chàng. Bóng trắng của nàng di động trong lớp kính trong suốt cùng với bóng xe cộ mờ thoáng hắt vào từ phía ngoài. Người thu ngân đã đến, ngồi vào chỗ của mình sau quầy, trước những kệ rượu, những chai rượu còn mới đứng thẳng hàng, hẳn không bao giờ được nhắc lên, đổi chỗ: về im lìm của chúng. Người đàn bà tuổi trạc ba mươi. Đôi môi đỏ thắm với nụ cười vẫn thường nổi bật trên khuôn mặt già dặn, thoáng mệt. Nàng chào chàng vẫn với nụ cười sẵn đón, lịch lãm thường thấy mỗi lần chạm mặt với khách hàng. Chàng cười trả lại, tự nhiên và vô hại, trước khi quay mặt nhìn ra ngoài.

Chàng vẫn không quen thói xã giao. Chàng nghĩ, tại sao người ta không thể cười với bất cứ một ai. Một nụ cười dễ dãi, không cố gắng, không hận ý. Một cách thăm hỏi, chào đón. Trong phút chốc, chàng quên bằng đi những vật cũ. Chúng lùi lại trong lãng quên. Chúng tìm kiếm một cơ hội nào khác. Chúng chào hẹn tái ngộ. Chàng nghe khoan khoái. Chàng khẽ rung mình trong hơi lạnh ủa tôi vẩy phủ lấy chàng. Trạng thái lơ đãng sau một đêm ngủ khó khăn đánh dấu bằng những phút giạt mình day trở, tâm hồn ráo khô, cũng biến mất. Ngệm nước vàng đục với độ nóng, độ thơm, độ ngọt làm tê cổ họng, làm thức giấc quan. Những tia nắng đầu tiên chiếu xuyên qua lớp kính, chảy thành một vệt sáng lấp lánh một cạnh bàn. Chàng chú ý theo dõi những tiếng thì thầm từ bên phía sau. Họ vào từ lúc nào. Hẳn họ chỉ tìm kiếm một chỗ để ngồi, nhìn nhau và trò chuyện. Tiếng muông nhíp vào thành tách gây những tiếng động rất khẽ, đều. Chàng tưởng tượng những nét mặt đắm chiêu, khăn khăn, phù hợp với tầm quan trọng của câu chuyện.

Giọng người con trai :

— Em đừng sợ, anh đưa em về.

Người con gái nói trong hốt hoảng đồng thời cố kèm giữ cho giọng được nhỏ lại.

— Không được, em về một mình.

Người con trai cương quyết :

— Em sợ gì, bắt quá...

— Không được, để em về một mình, nghe em đi anh.

— Về một mình em không sợ ? Em sẽ nói sao ?

— Em không biết nhưng em muốn về một mình.

Những tiếng thì thầm dứt hẳn. Cũng không còn tiếng muông lơ đãng quay trong tách. A ! Tình yêu với những hoạn nạn và buồn khổ. Hẳn họ đang nhìn nhau, tìm kiếm một câu trả lời, một lối thoát. Hẳn hai bàn tay họ đang tìm kiếm, đan vào nhau, nắm chặt lấy nhau trên bàn. Để em về một mình, anh. Nàng còn phải trở về. Nàng còn phải bước qua ngưỡng cửa thân yêu và hải hùng kia. Nàng còn phải trả lời với mọi người, mẹ cha anh chị và còn ai nữa. Nàng còn phải thú thật. Mọi người sẽ nghĩ sao, nói sao, phản ứng ra sao. Hẳn nàng chưa bao giờ cô đơn và bé nhỏ đến vậy. Chàng nghĩ đến một hình ảnh. Chị Lan. Chị Lan. Cái tên vẫn gọi lên một cảm xúc thân yêu trong mỗi lần nhắc nhở, kêu gọi, thì thầm. Người con gái vẫn thường trở về thân thể còn nóng rực

một thứ đục tình bí ẩn (trong trí tưởng của một tâm hồn ấu trĩ chính là chàng). Đó là những đêm khuya muộn, sau những chuyến hẹn hò thăm lên, người con gái — chị Lan, chị Lan — trở về, ngáp ngừng không dám gõ cửa, nằm nghiêng người thao thức bên đưa em trai, không dám nhích người trong một cử động nhỏ, ngại đánh thức đưa em, ngại đưa em biết được, không bao giờ ngờ rằng đưa bé đã thức, vẫn thức từ bao giờ, đang lắng nghe đang rình rập đang sống từng nhịp thở âu lo của thân thể tội lỗi kia (có phải đó là tội lỗi) đang quờ quạng phác họa trong trí tưởng những hình ảnh đầu tiên về tình yêu, tình yêu đó sao, tình yêu khốn khổ đến vậy sao. Chàng tưởng chừng còn nghe mơ hồ trong trí nhớ những nhịp nhở nong nân dòn dấp. Chị Lan. Lần nào chị đã trở về không ngáp ngừng, không lo sợ, sẵn sàng đón nhận mọi lời nguyên rủa, đuổi xô, cả những làn roi chí tử không nương tay.

Chị đã quyết định.

Em phải về. Em sẽ gặp lại anh. Anh... Chàng nghĩ người con gái đã khóc. Tự nhiên chàng muốn nhìn tận khuôn mặt rữ rượi kia một lần. Nàng phải trẻ. Rất trẻ. Họ phải yêu nhau say đắm. Điều cần nhất là họ phải (đã) yêu nhau. Tưởng tượng họ đã hạnh phúc. Hạnh phúc như một liều thân không run sợ không suy tính. Chàng nhìn ra cửa, nơi những bóng người tuần tự bước vào, lách mình qua cánh cửa tự động. Quán hãy còn thưa vắng. Họ ngó dáo dác tìm một chỗ ngồi thích hợp, ưng ý. Họ đi từng cặp bên nhau. Bốn người. Họ cười nói, mặt mày hớn hởi. Bên ngoài một người ngoại quốc đứng bên gian hàng bán thuốc lá, đợi thói tiền. Chàng cúi nhìn đồng hồ tay, nhìn rất lâu và rất lơ đãng trước khi phóng tầm mắt ra ngoài. Chàng biết mình không đợi ai. Không hẹn hò. Không bận rộn. Có thể chàng sẽ gặp Thảo lát nữa đây. Hẳn vẫn ngồi trong góc kia mặt mày trắng bệch sau một đêm thức muộn, tìm lại những phút bình yên thoải mái. Hẳn ngồi trầm ngâm, chìm lìm giữa bầu không khí bao trùm lấy hẳn, một sự hiện diện nào khác bên cạnh lúc đó hẳn không đủ gây một chú ý nào ở hẳn. Hẳn (sẽ) nghĩ gì, gặp lại chàng, biết chàng vẫn còn ở lại thành phố không đề làm gì, không một lý do nào đáng kể. Từ những hôm trước chàng đã nói với hẳn về chuyến trở lại K. sắp tới của chàng. Công việc. Nghề nghiệp. Đời sống. Nếu chàng nói, thật ra không có gì, không có gì quan trọng. Người ngoại quốc đã bước vào, ngồi nơi chiếc bàn bên cửa, đặt chiếc máy ảnh trước mặt, banh tờ

báo đọc, thông thả chờ đợi thức uống dọn ra. Hắn trẻ, đẹp, cường tráng, trông như một tài tử xi nê trong các loại phim trình thám (rượu, gái, đấm đá...) Nhưng với máy ảnh mới kia, hắn có thể là một nhà báo. Chàng cười một mình trong quyết đoán có phần dễ dãi của mình. Chàng nghĩ mình là một con người nhàn rỗi. Mình phải là một con người sung sướng. Bên ngoài cảnh vật xuất hiện như trong một cuốn phim câm. Khu phố mang bộ mặt bình yên của một ngày chủ nhật — hôm nay thứ mấy? — mặc dù sinh hoạt đã có phần rộn rịp gia tăng.

Tỉnh K. Bao giờ. Chàng chợt thấy mình rơi vào một cảm giác xa lạ, khó hiểu. Trí nhớ chàng sụp đổ thảm hại, chỉ còn lại những bóng dáng mập mờ, ảm đạm. K. lùi lại, đã thuộc một quá khứ khó nhận diện. Chàng đã sống bao nhiêu năm ở đó. Bao nhiêu ngày tháng của tuổi trẻ, của một đời người. Những ngày tháng nhớ lại, tìm về, xuất hiện nhạt nhòa: một lò hồng, một thiếu sót, một đoạn lia. Dấu hiệu một đời sống luôn luôn hoặc thừa hoặc thiếu một cái gì, không hề đầy đủ cho nó. Chàng ngạc nhiên (ôi những giây phút thức tỉnh thắm thương của đời người), nghĩ tại sao mình đã có thể kéo dài những ngày tháng êm xuôi quên lãng đó một cách hiền lành nhẫn nhục. Như một kẻ nào đó (Thảo?) đã nói bằng một giọng nửa đùa nửa khinh bạc, mấy định chôn chặt đời mây trong vùng trời hạn hẹp kín bưng kia sao. Không phải vậy. Không. Tôi chỉ là một tâm hồn không toại nguyện sống xâu xé giữa chân trời những khi hậu những vùng đất khác nhau. Chàng biết rằng những tình cảm thân thuộc yêu mến vẫn ràng buộc chàng vào một nơi — một sớm một chiều đặt bước tới, chọn làm chỗ dung thân — bao giờ cũng mong manh giả tạo. Chúng tôi không thể nuôi sống, an ủi, vỗ về được một tâm hồn bất bình trời giạt. Một tâm hồn u tối với những mộng ước lêu lêu, không thành tựu. Chàng nghĩ, nếu mình biết rõ đâu là chỗ tận cùng của những đam mê đang nhào trộn, bập bùng, réo gọi kia, đâu là nơi chốn chàng sẽ dừng lại.

Họ đã rời khỏi quán từ lâu. Chàng không còn nghe những tiếng rừ rừ trao đổi phía sau chàng nữa. Trong lúc mãi mê theo dõi từng động tác của hai cô gái trong cửa hiệu Sơn mài ở dãy phố đối diện (họ cùng đến một lượt, mỗi người trên một chiếc Solex và bắt đầu mở cửa sắt, dọn dẹp, trang hoàng từng ngăn kệ, từng món đồ...), chàng quên mất sự hiện diện bí ẩn của đôi tình nhân buồn khổ kia. Chàng cũng không nhớ việc tìm cách để được nhìn trộm

họ một lần. Bây giờ thì đã trễ. Nhưng liệu có gì đáng thắc mắc về họ. Tình yêu. Tuổi trẻ. Người ta yêu nhau với một mức độ sung sướng hay đau khổ nào đó. Có gì lạ đâu.

Một lần nữa chàng xem đồng hồ. A! Hầy còn sớm quá. Thảo sẽ đến. Trừ phi... Một giấc ngủ trưa. Một công việc bất thường. Biết đâu đó. Nhưng chàng không đợi hắn. Chàng không đợi một ai sáng nay. Chàng có tất cả thì giờ trước mặt. Một ngày để sống (tự do) không một bận tâm nào đáng kể. Chàng cũng không cần biết mình sắp sửa làm gì. Qua những vùng cây lá xanh mơn của khu công viên, cái nhìn lơ đãng của chàng tình cờ dừng lại nơi lan can một tầng lầu: những cánh hoa giấy màu hồng tươi sáng rực dưới mặt trời: một hình ảnh bất chợt và thích thú xuất hiện như một khám phá mới lạ hoàn toàn. Tự nhiên chàng muốn bước ra ngoài muốn tìm kiếm muốn ngấm nhìn từng chi tiết tầm thường nhất của thành phố lắm lúc trở nên xa lạ biết bao. Những vuông gạch vỉa hè. Những cửa hiệu. Những lối đi ăn sâu vào lòng phố. Tất cả cần được nhìn lại. Tất cả cần được sống qua một lần nữa. Tất cả vô cùng gần gũi và cũng vô cùng xa lạ. Thành phố. Chàng nhớ lại những lần trở về trên chiếc xe đồ cũ kỹ chậm chạp, tâm hồn không khỏi nô nức đến buồn cười, thành phố lúc đó như một nỗi nhớ lâu ngày, như một lời chào đón đầy giọng điệu mến yêu, và rồi khi ngồi ngã người trong chiếc taxi chạy vụt qua các ngã đường các khu phố với những lửa điện như đồng loạt thấp lên rộn ràng như một lễ nghi trang trọng chàng vẫn không tránh khỏi những rung động đầy ấu trĩ của một kẻ lang bạt trở về. Chàng nóng lòng được đi đứng, sống từng khoảnh khắc đầy tràn sắp tới trong thành phố nơi mỗi viên gạch tường chường có sẵn một âm thanh, một tiếng nói. Thật ra, chàng nghĩ, những mối dây vẫn ràng buộc chàng vào thành phố thật mong manh, lỏng lẻo. Không có gì rõ ràng. Không có gì chắc chắn. Đúng hơn, có thể đó chỉ là thứ tình cảm bực bội, thứ ước muốn mù quáng luôn đòi phá phách, bẻ gãy, quay lưng, dứt tuyệt. Dứt tuyệt cái gì? Chàng nhận ra tâm hồn mình chỉ là tổng số những mơ tưởng nửa vời, vô vọng, không ngừng xâu xé lẫn nhau không ngừng gây đổ. A! Thành phố (hình ảnh thành phố) trong chàng chẳng khác nào một cơn bệnh mê mẩn, choáng váng trong người, một cơn bệnh chờ xác định, không xác định bao giờ.

Một giọng đàn bà: Ghê quá. Còn sống không? Một giọng đàn ông: — Chết liền tại chỗ, đạn trúng tim sao sống được. — Thế vợ

con ông ta lúc đó ở đâu? — ở đó chờ ở bầu! — Làm gì? — Ngó chờ làm gì! — Không la? — Ai cho la? Một giọng con gái xen vào: — Bất nhân quá, tại sao người ta giết ông? — Không biết. — Thế ai giết? — Không biết. A! Một xác chết trên báo. Máu đỏ trên trang nhất. Một cuộc giết người táo bạo vì lý do gì không ai biết. Tình yêu. Tiền bạc. Chính trị. Dường như trên tờ nhật báo kia người ta không đã động gì tới. Nhưng câu chuyện của những người đọc báo từ bàn bên cạnh vẫn tiếp tục. Họ bàn tán, nêu lý do, đặt nghi vấn, tỏ cảm tưởng về cái chết kia, về những vụ giết người về những bất an hăm dọa đời sống con người. Lại những câu chuyện. Những câu chuyện thoág bên tai, có thể đập vào tính tò mò, gây một vài cảm xúc hồi hộp, sẽ biến mất liền sau đó. Sáng hôm nay chàng nghe lóm hơi nhiều chuyện kể khác. Hẳn chàng còn có dịp nghe nhiều câu chuyện khác. Những câu chuyện, không bao giờ chấm dứt cũng như đời sống vẫn đon đả tiếp diễn quanh quất đầu đây. Vàng đúng vậy. Chỉ với một điều kiện là chàng còn tiếp tục ngồi đây, cho dù chàng có sẵn sàng để tiếp nhận chúng hay không. Trong giây phút chàng chợt nhận ra sự trống trải của mình. Chàng bỗng ngượng ngùng nhìn lảng sang nơi khác như sợ chính hắn hay một kẻ nào khác vừa mới bắt gặp dáng điệu kỳ lạ một cách vô lý (vô lý một cách kỳ lạ) của chàng. Chàng nâng tách lên miệng. Chắt nước đã nguội lạnh từ bao giờ. Có lẽ chàng phải gọi một thức uống khác. Có lẽ chàng phải ăn một món gì lót dạ. Có lẽ chàng phải bước ra ngoài tìm mua một tờ báo hoặc một « cái gì » đó để đọc, một tập báo điện ảnh, một quyển trình thám cũ, bất luận một thứ nào chàng sẽ tình cờ tìm thấy ở quán sách trên vỉa hè, xéo một bên quán, đầu mặt với một tiệm Ấn độ bán mứt, kẹo, bánh, rượu... Một cái gì đó để đọc. Vả lại chàng không nghĩ rằng trong lúc này chàng có đủ kiên nhẫn cho công việc có phần nhàn rỗi trường giả đó. Chàng đã nhiều lần bỏ rơi một quyển sách đang đọc nửa chừng, không tìm thấy trong tâm sự kẻ khác một thích thú nào nữa. Nó có liên hệ gì tới chàng. Chàng có thể tìm kiếm được gì trong đó. Những câu hỏi dù sao cũng có thể biện minh phần nào cho sự lười biếng của chàng. Đôi lúc chàng cũng nghĩ không có gì vô ích cho bằng tâm sự của một người.

huỳnh phan anh

NGUYỄN HỮU HIỆU

vấn đề giáo dục

Mai sau sẽ tới một ngày người ta chỉ còn một tư tưởng duy nhất : giáo dục.

NIETZSCHE

Mai sau ấy của Nietzsche là ngày hôm nay đây của chúng ta khi, giữa những đổ nát gây nên bởi những sức mạnh mù quáng, bất trị của vô minh, vấn đề làm lại con người được nêu lên như một hồi chuông tối hậu sau những thất bại triệt để của những nỗ lực làm lại trần gian đang đưa nhân loại đến chỗ sa đọa vì bắt nguồn từ một khởi điểm lầm lạc : ngoại tại, khi những nhà thông thái trong những đại học đường, như Berdiaeff đã lên tiếng báo nguy trong « Năm Suy Niệm về Hiện Sinh », đang trút dần quyền thừa kế của những thiên tài cuối cùng của nhân loại và khi tiếng nói của mình triết chỉ còn là tiếng vọng về từ sa mạc.

giáo dục truyền thông

Theo nghĩa thường được hiểu, giáo dục là một phương sách nhờ đó kho tàng tinh thần của một nền văn hóa được duy trì và

bồi đắp. Theo nghĩa chuyên môn hơn, giáo dục là một qui phạm hàn lâm cố gắng thấu hiểu phương sách theo đó xảo diệu, nghệ thuật, tri thức và các khoa học được chuyển giao và tán trợ trong việc dạy dỗ thanh thiếu nhi và giáo huấn người lớn. Nó liên quan tới ba phương diện khác nhau của phương sách đó : giáo huấn, quản trị học đường và hướng dẫn học viên đi vào những nghề nghiệp thích hợp với năng khiếu họ nhất qua những môn học : sử học, kinh tế học, nhân chủng học v.v... Giáo dục được xây dựng trên một triết lý giáo dục được thiết định bởi những vận thế sử biểu của nhân loại : Platon, Saint Augustin, Comenius, Locke, Rousseau, Kant... (1)

triết lý giáo dục

Triết lý giáo dục là sự suy tưởng có tính cách phân tích về giáo dục song song với cố gắng nối kết giáo dục với siêu hình học, đạo đức học, nhằm đưa ra một lý thuyết về học vấn phát nguyên từ nhận thức luận. Sự đóng góp của siêu hình học, đạo đức học và nhận thức luận, có tính cách quyết định đối với giáo dục. Siêu hình học, với ưu tư về Chân : Thượng Đế hiện hữu hay không hiện hữu, linh hồn bất tử hay có tử tính, cung cấp những huấn giới liên quan tới *cứu cánh* của giáo dục. Đạo đức học, với ưu tư về Thiện : những hành động và sự việc nào đúng và tốt hợp luân lý, biện minh giá trị của giáo dục, cung cấp những huấn giới liên quan tới *đường lối giáo dục phải theo*.

Nhận thức luận, với ưu tư về bản chất của tri thức và của những khả năng nhận thức nơi con người, cung cấp những *phương pháp* nhận thức cho giáo dục.

lịch sử triết lý giáo dục

platon

Platon (428-348.T.L), bậc thầy của hai mươi năm thế kỷ tu tưởng Âu Châu, suy nghĩ rất nhiều về giáo dục Paideia đặc biệt

CF. Kingsley Priece, *Education and Philosophical Thought*, Allyn and Bacon, Boston 1962.

qua tác phẩm « Cộng Hòa » của ông. Năm 387, Platon thiết lập tại Nhâ điền một Triết học viện, dạy tất cả mọi ngành kiến thức và đó là trường đại học kiểu mẫu đầu tiên của nhân loại. Ở nhiều đoạn trong « Cộng Hòa », Platon cho rằng thế giới khả giác do nhiều sự vật làm thành. Mỗi vật có một số đặc tính riêng, bị giới hạn trong không gian và chỉ hiện hữu trong một thời gian nào đó. Mỗi sự vật liên tục thay đổi tính chất và liên hệ hay di chuyển từ chỗ này sang chỗ khác. Mỗi vật đều thuộc một loại nào đó, phân biệt với những loại khác. Platon lý luận rằng như thế phải có một yếu tính hay lý niệm (idea) chỉ định loại hạng đó. Khác với sự vật, lý niệm có tính cách phổ quát thay vì đặc thù, vĩnh cửu thay vì biến chuyển và trên tất cả, hoàn hảo. Sau thế giới khả giác là một hệ thống lý niệm hay thế giới Linh Tượng, nguồn gốc của tất cả mọi sự, giải thích thế giới này. Lý niệm cao nhất là Thiện. Linh hồn cũng giống như một lý niệm, vì thế linh hồn bất tử và không bị hủy hoại. Nó có ba loại năng lực hay ba khả năng hành động là lý trí, tính thần và ham muốn. Tính thần là năng lực thi hành những quyết định của lý trí. Khả năng ham muốn là tất cả những ước vọng nối kết chặt chẽ với những cơ năng. Lý trí giúp ta có thể khám phá ra chân giả vì thế lý trí là nguyên nhân của tất cả mọi hiểu biết.

Sự tri giác những sự vật khả giác giả thiết rằng linh hồn, trước kia, đã biết yếu tính của chúng. Tri thức do đó, chỉ có thể có khi linh hồn đã chiêm ngắm Linh Tượng trong những tiền kiếp. Đó là lý thuyết hồi ức (Réminiscence) bất hủ được trình bày trong đối thoại Ménon và Phédon. Vậy chức phận của khoa học hay giáo dục hệ tại việc chuyển con mắt của linh hồn, hay lý trí, khỏi thế giới biến dịch của tri giác để chiêm ngắm những Linh Tượng, đi từ lý niệm này đến lý niệm khác cho đến khi kết hợp trong ánh sáng chói lọi và niềm hân hoan vô biên với Thiện niệm.

saint augustin

St. Augustin (354-430) Giáo phụ, linh hồn của thần học Kytô giáo, trình bày những tư tưởng giáo dục của ông qua *De Magistro Nói về Thầy Học*, *De Ordine*, *Thiên Chúa và vấn đề Tội lỗi*, uốn nắn tất cả nền giáo dục La Mã, Augustin uở tả con người như một phôi

hợp của xác và hồn. Thân thể từ Adam và Eve tồn tại suốt đời và tàn mạt sau khi chết. Linh hồn do Thượng Đế sáng tạo tồn tại liên lỉ qua cuộc đời và vĩnh cửu sau khi chết. Tội lỗi của tổ tiên và ăn đền của Thượng Đế khơi dòng đời qua ba biến cố: tội tổ tông, sự nhập thể và sự phán xét cuối cùng. Thế gian này sẽ bị hỏa thiêu và lịch sử con người sẽ chấm dứt. Tất cả mọi người đều tội lỗi — con của tội lỗi — tội lỗi từ thuở mới sinh ra và đều đáng bị trừng phạt như nhau. Nhưng bổ túc cho viễn quan tội lỗi bi đát, Augustin thêm vào ý niệm thánh sủng. Mọi cơ cực trần gian sẽ được giải khuây, hạnh phúc hứa hẹn cho Adam và Eve sẽ được trao lại, qua ăn năn. Ăn năn được biểu lộ bằng sự cải theo đức tin Kytô. Chính trong viễn tượng đó con người được giáo dục.

Sự cải giáo có thể thực hiện bằng hai cách: qua Giáo Hội và qua sự huấn luyện trường ốc. Giáo Hội rao truyền phúc âm để con người ý thức về giáo lý của Chúa và luật Chúa. Nhưng sự cải giáo còn có thể hiện trong sự giáo dục thanh niên qua Bảy Nghề Tự Do gồm Văn phạm, biện chứng pháp, tu từ pháp, âm nhạc, hình học, thiên văn, toán học cùng với triết học và thần học. Augustin lý luận rằng sự học hỏi Thất Nghệ và Triết học, thần học cũng phát lộ luật Chúa và do đó đưa tới chỗ hiểu và yêu Chúa.

« *Thượng đế là thiện tối cao* » (*De Natura Boni*). Vâng lĩnh ý Chúa và thể hiện luật Chúa là điều kiện của một đời sống hạnh phúc mà bất cứ một người đức hạnh nào cũng phải theo.

Có bốn lối hiểu biết: giác quan, lý trí, « ánh sáng nội tâm » hay nội quan và đức tin. Ba lối hiểu biết trên chỉ mang lại cho chúng ta sự hiểu biết về sự vật chung quanh. Chúng ta cần phải có một lối hiểu biết tối cao để phát lộ chân lý tối cao, Thượng Đế. Đó là đức tin. Mục đích giáo dục là dìu dắt học viên trở thành tín đồ và cứu cánh của cuộc sống trần gian là sửa soạn vào Thánh Đô.

comenius

John Amos Comenius (1592-1670) là nhà văn lãnh đạo của Tin Lành trong lãnh vực giáo dục. Ông đã dành nhiều thì giờ tìm kiếm một lý thuyết giáo dục để áp dụng cho những trường học trong các nước Tin Lành. Ông theo thuyết cực lạc thiên niên thuyết

(Chiliasm) theo đó Jesus sẽ xuất hiện lần thứ hai trên thế gian, ngự trị một ngàn năm thanh bình trước ngày phán xét. Thượng Đế hiện hữu. Ông tin theo Kinh Thánh, không biện bác gì về điểm này. Thượng đế tạo ra con người theo hình ảnh ngài, nghĩa là toàn trí, toàn năng và hoàn toàn đức hạnh. Là hình ảnh của ngài, con người cũng phải có những đặc tính ấy, ở mức độ thấp kém hơn thôi. Linh hồn con người vì thế bất tử.

Thiện là tất cả những gì thể hiện ý Chúa trong khi tạo dựng con người: tri thức, đức hạnh và kính tin. Đó là ba tiêu chuẩn của giáo dục. Comenius là triết gia lạc quan nhất về khả năng nhận thức của con người. « *Hiển nhiên con người có thể thủ đắc một sự hiểu biết về tất cả mọi sự...* » (*The Great Didactic*, p. 193). *Con người có thể thấu hiểu mọi yếu tố dân trời trong khắp đại vũ trụ...* (*Ibid.* p. 194). Cũng chính vì thế, mục đích tối hậu của con người phải « *Ở bên trên cuộc đời này* »:

1. *Bản chất của chúng ta cho thấy rằng cuộc đời này không đủ cho chúng ta.*

2. *Mọi hành động và tình thương của chúng ta cho thấy rằng trong cuộc đời này chúng ta không thể đạt được cứu cánh tối hậu ở đây, và tất cả những gì liên hệ đến chúng ta cũng như chính chúng ta phải có một nơi đi về khác.*

3. *Chính lý trí cũng chứng tỏ rằng một sinh vật hoàn hảo như thế này phải hướng đến một cứu cánh cao hơn mọi sinh vật khác, nghĩa là kết hợp với Thượng đế, cực đỉnh của mọi hoàn hảo, vinh quang và hạnh phúc, và cùng hưởng với ngài vinh quang và hạnh phúc tuyệt đối đời đời...*

Comenius, qua triết lý giáo dục, đã gửi đến cho mọi người bức thông điệp của Tin Lành.

locke

Tư tưởng giáo dục của John Locke (1632-1704) được trình bày qua những tác phẩm sau đây: *Some Thoughts Concerning Education*, *The Conduct of the Understanding*, *An Essay Concerning Human Understanding* và *Second Treatise of Civic Government*.

Ông không công nhận bẩm sinh thuyết. Ông đặt nguồn gốc của tri thức trong kinh nghiệm, nghĩa là trong tri giác. « *Tri thức dường như*

đối với tôi không là gì khác hơn tri giác về sự liên quan và hòa hợp, hay sự bất đồng và mâu thuẫn của bất cứ ý tưởng nào của chúng ta... Nơi nào có tri giác, nơi ấy có tri thức.» (Essay, IV, I) Có hai loại tri thức: Tri thức đích thực và theo thói quen. Rất ít điều chúng ta biết một cách đích thực, tuy nhiên, những điều ấy không ai biết tôi và ít ai phủ nhận được. Thí dụ mệnh đề: «Tôi hiện hữu» và «Thượng Đế hiện hữu.» Chúng ta không biết gì về thế giới vật lý xung quanh ngoài vòng chật hẹp của kinh nghiệm cảm giác hiện tại và kỷ ức, không biết gì về tương lai hay quá khứ xa xôi, hay biết sự hiện hữu nào khác hơn sự hiện hữu của chúng ta và của Thượng đế. Nhưng dù chúng ta biết rất ít mệnh đề một cách đích thực, chúng ta có thể phán đoán rất nhiều điều. Một trong những phán đoán ấy là chúng ta phải tuân theo huấn giới của Thượng đế, phải yêu người lân bang... Đó là luật tự nhiên. Nhưng luật tự nhiên chưa đủ vì con người còn là một công dân. Công dân phải tuân theo luật dân sự không là gì khác hơn luật tự nhiên áp dụng cho một tập thể lớn hơn quốc gia.

Hạnh phúc hay «sự an ninh và thịnh vượng của quốc gia» là mục đích tối hậu của giáo dục theo Locke. (*Thought*, p. Lxiii) (1). Phương tiện chính để đặt mục đích này là sự sửa soạn cho con cái những nhà quý tộc trong những chức vụ mai sau của quốc gia (2). Chương trình giáo dục của Locke gồm có 2 phần: Thể dục và đức dục. Ngoài phần tập luyện thân thể, trẻ em phải được dạy dỗ những môn học này: Nói, đọc và viết tiếng Anh, tiếng Pháp, tiếng La Tinh, hội họa, âm nhạc, thi ca, toán, địa lý, sử ký, thiên văn, cơ thể học, văn phạm, La Tinh, học thuyết chính trị, luật pháp Anh, tu từ học, luận lý học, triết học tự nhiên và suy lý, thần học.

rousseau

Jean Jacques Rousseau, tinh thần cách mạng Pháp, sinh tại Genève (1712-1778). Đam mê đưa ông giáp mặt định mệnh nhiều lần. Trên bước đường đào thoát, ý thức tội lỗi bám sát ông như

bóng với hình. Và để tránh khỏi sự hỗn loạn của cuộc đời và bản chất mình, và để luôn luôn được chìm đắm trong giấc mơ về Thiên Đàng hồn nhiên (le rêve du Paradis de l'innocence) thuần khiết và thanh bình hiện hữu tiền xã hội, năm 1750 ông thiết định một lý thuyết mà tất cả những tác phẩm sau này, từ *La Nouvelle Héloïse* (1761), *le contrat social*, *Emile*, *lời Confessions*, *Rêveries d'un promeneur solitaire*, chỉ là những kết quả: thuyết bản thiện.

Ông tin rằng nhân chi sơ tính bản thiện (l'homme est naturellement bon) và xã hội đã làm hư hỏng con người (la société le rend mauvais) và để tránh sự hư hỏng đó, cần phải đặt đũa trở càng xa xã hội được chừng nào, càng hay chừng ấy. Đó là tư tưởng giáo dục chỉ đạo của Rousseau.

Lý thuyết giáo dục của ông gồm có hai phần: tư giáo (éducation privée) và công giáo (éducation publique).

Mục đích của tư giáo là an vị với chính bản thân. Sự an lạc này không phải là sự thỏa mãn phóng túng mọi ước vọng cũng không phải là sự khắc kỷ. Nó là một hòa điệu giữa ước vọng và khả năng thỏa mãn được huấn luyện và hướng dẫn qua năm giai đoạn: Ấu thời, thiếu thời, tiền xuân thì, xuân thì, và thời tiền trưởng thành. Ấu thời do bà mẹ đảm trách, dịu dàng đủ để đưa trẻ phát triển tinh thần độc lập. Thiếu thời do người cha trông nom. Đứa trẻ phải được dưỡng dục nơi thôn dã hay ít nhất xa nơi đô hội để tránh những tội lỗi của xã hội. Chương trình là sự huấn luyện giác quan nên thiên nhiên là đối tượng, quan sát là phương pháp. Không sách vở, không truyện thần kỳ, không giáo điều luân lý. Vì trong thiên nhiên chỉ có luật của tự nhiên. Chuyển sang thời tiền xuân thì người thanh niên được giao thầy trợ giáo hướng dẫn. Chương trình học: hình học, địa lý, thiên văn, kinh tế. Phương pháp: không được học từ sách, học hỏi qua sự chỉ dẫn của trợ giáo viên. Xuân thì, khát vọng và cảm xúc trở nên mãnh liệt. Giáo dục trong thời kỳ này rất tế nhị, chuẩn bị cho người thanh niên sống trong xã hội mà không tiếp thu tội lỗi của xã hội, sống chung với người khác mà không cùn nhụt tinh thần độc lập, phát triển ước vọng và cảm xúc mà không qui phục những khát vọng tai hại.

Trong thời kỳ này, người thanh niên đôi lúc phải trở lại đô thị để đọc sách — cổ sử và địa lý, văn chương Hy Lạp và La Mã, thi ca Pháp và Ý, kịch, văn phạm, tu từ pháp, truyện ngụ ngôn và văn chương hiện đại. Tập thói quen hành động hợp luân lý. Tôn giáo

(1) Kingsley Krice, *Education and Philosophical Thought*, Allyn and Bacon, Inc. Boston 1963, p. 246.

(2) *Ibid*, p. 247.

tự nhiên, học viên được chỉ dẫn để đi đến niềm tin rằng Thượng Đế hiện hữu trên thế gian nhưng không có mặt trong bất cứ một tổ chức giáo hội nào. Thảo luận, trên ba điểm: 1) con người chịu nhiều đau khổ, một số đau khổ tự nhiên, nhưng đa số do những sự bất bình đẳng về kinh tế và xã hội. 2) Sống trong xã hội, chính học viên cũng sẽ bị đe dọa bởi những bất công ấy. 3) Văn chương hiện đại cho thấy sự thoái nát của xã hội hiện tại. Thời tiền trưởng thành: từ hai mươi hai tới hai mươi lăm, ý chí được xiển dương. Học viên được đưa đi du lịch. Trong cuộc du lịch đó, học viên sẽ học phân biệt sự sai khác giữa ý chí công, tư và sẽ quan sát cách thể những quốc gia ở Âu châu thất bại trong việc thể nhập chí công (*volonté générale*) vào luật pháp như thế nào. Học viên sẽ quyết chí sống một đời sống nơi thôn ỏ, cách biệt xóm giềng, tu sĩ và những cơ cấu nhà nước. Tư giáo chấm dứt bằng việc rút học viên, Emile và Sophie, vợ, khỏi tham gia vào những việc công.

Mục đích của công giáo, trái lại, là tác tạo văn hóa dân tộc, triển khai dân tộc tính nơi học viên. Trong khi cá nhân bằng lòng tuân phục chí công, nhà nước cũng phải hy sinh sự ích kỷ của đoàn nhóm, tổ chức cách nào xứng đáng là sự nhập thể của chí công ấy. Đó là bản *Xã Ước* lý tưởng bảo vệ quyền lợi cho cả cá nhân và xã hội.

kant

Immanuel Kant (1724 — 1804) đề cập tới giáo dục hai lần vào những năm 1776 — 77 và 1786 — 87 tại đại học Königsberg. Những bài giảng này được sinh viên của ông in năm 1803 dưới nhan đề *Immanuel Kant Ueber Pädagogik*. Lý thuyết giáo dục của ông còn rải rác trong nhiều tác phẩm khác nữa.

Theo Kant, giáo dục có nghĩa là kỷ luật và giáo huấn (1) nhằm khu trục *dã tính* (*die Wildheit*) để thể hiện *xã tính* (*die Geselligkeit*) và *nhân tính* (*die Menschlichkeit*), hầu đưa nhân loại tới chỗ đại đồng và hòa bình vĩnh cửu. Cứu cánh tất yếu của lịch sử.

Vì vậy mục tiêu thực tiễn của giáo dục là đào tạo những con

người có cốt cách và thượng trí để hỗ trợ chủ nghĩa cộng hòa và do đó, thể đưa tới giới đại đồng, hiện thân của nhân tính. Sự phát triển của trí tuệ được nâng đỡ bằng những trò chơi huấn luyện giác quan; bằng những đồ bản củng cố và chỉnh lý lại óc tưởng tượng, bằng lịch sử, toán học, thực vật học, khoáng vật học, ngôn ngữ, địa lý và địa chất học trau dồi trí năng. Trẻ em không được đọc tiểu thuyết và truyện thần tiên vì chúng làm rối loạn trí tưởng tượng và làm đưa đưa trẻ trở nên hoang dại, không thích nghi được với thực tại. Như một kết quả *thực tiễn* của cuộc *Phê Bình Lý Trí Thuần Túy*, Kant nhấn mạnh rằng cách tốt nhất để tán trợ thượng trí là huấn luyện những khả năng thái trí thức chứ không phải ban phát tri thức cho học viên. Kant không trực tiếp đề cập tới vấn đề trau dồi lý trí, nhưng ông lý luận rằng trẻ em phải được dạy một số những giáo lý căn bản liên quan tới Thượng Đế, một trong những ý niệm lý trí đề ra. Cốt cách được thăng tiến bởi bốn phần. Lương tâm tuyên đọc sự tất yếu của mọi bốn phần, nhưng trong cuộc đời này, thiên nhiên ngăn trở một sự ghi chép hoàn toàn đến thể. Vì tính cách tất yếu vẫn còn, chúng ta phải tin rằng linh hồn bất tử, dầu không có chứng lý. Chúng ta phải thi hành những bốn phần bằng cách chấp nhận những mệnh lệnh tuyệt đối như những tiêu chuẩn hành động.

Nhưng một vấn nạn không thể tránh khỏi do sự kiện một cuộc sống trong khuôn khổ bốn phần không phải là một cuộc sống hạnh phúc. Bốn phần không bảo đảm hạnh phúc vì bốn phần và hạnh phúc hoàn toàn cách biệt nhau. Trong thế giới này, không có một vị quan tòa hay một nhà lập pháp hoàn hảo bỏ chính sự sai biệt luận lý của chúng bằng cách tưởng thưởng hạnh phúc cho những kẻ xứng đáng. Thực tế cho thấy đa số những kẻ được hưởng hạnh phúc là những kẻ gian xảo, vô lại. Kant kết luận đạo đức học của ông bằng lý tưởng *summum bonum*, tối thượng thiện. Ông chủ trì rằng vì hạnh phúc và bốn phần hoàn toàn tách biệt nhau, chúng phải được kết hợp trong *summum bonum*. Sự phối hợp này do Thượng Đế — phán quan và lập pháp gia chí công thực hiện. Như thế, sự bất tử của linh hồn và sự hiện hữu của Thượng Đế mà siêu hình học và nhận thức luận giữ thái độ bất khả tri, đạo đức học buộc ta phải tin tưởng và lý thuyết giáo dục của Kant dẫn tới *cứu cánh luận* tuyệt đối.

Triết lý giáo dục kể từ Platon đến Kant trên đây đã đưa đến

(1) cf. Edward Franklin Buchner, *The Educational Theory of Immanuel Kant*, J.B. Lippincott, Philadelphia, 1904 p. 14.

một cuộc khủng hoảng trầm trọng. Cuộc phê phán giáo dục truyền thống do Stuart Mill (1806-1873) châm ngòi đã bùng nổ với những nhân danh vĩ đại sau đây tiếp nối : Schopenhauer, Nietzsche, Emerson, John Dewey, Holderlin, Rimbaud, Alexandre Dumas fils, Romain Rolland, Jean Rostand, Oscar Wilde, D.H. Lawrence và Krishnamurti. Cuộc phê phán khơi động nhân danh sự toàn diện của con người.

nguyễn hữu hiệu

VÕ QUÊ trên rừng thu

● KHUYA

phân vân quạ hót ven đồi
lá rừng bay nhuộm đỏ trời mùa thu
khuya mưa lành lạnh trong mù
trái tim rướm máu phù hư kiếp người

● CHIỀU

chênh vênh núi tịnh hồn cõi
lãng phiêu khói biếc mím cười dáng mây
chim về nẻo lạ đường bay
thong dong cánh mỏng sương vẩy nụ hồng

● MAI

nguồn xa thác gọi tình thông
lững lơ phấn trắng thơm nồng hương sa
lòng theo vóc bướm la đà
lưng con suối mọn ai qua mơ hồ

● TRONG SAO

em còn hái mộng trong sao
mắt xanh thủy nguyệt hồn nao tỉnh sầu
biền vàng cát hồng giọt châu
mù khơi sóng vỗ, tình cầu hoang vu

môi run điệu khóc xuân thì
mộng trôi tuổi mộng em về hư không

● VÀ TIẾNG HÁT

phù trầm tiếng hát lụa xanh
diu em ngủ giấc thanh bình ngày xưa
cầm bằng mùa đông làm mưa
trong em ngát đóa hoa qui bao dung

võ quê

TRÙNG DƯƠNG

giã từ tuổi mộng

Từng cành cây xum xê những lá bị gió mưa quất rạp xuống mặt đất. Mỗi lần có chớp loé, tôi cảm thấy vòng tay Cương ghi chặt tôi hơn và chúng tôi cùng chờ đợi những tiếng nổ rền trời đến tiếp theo sau đó. Tiếng động thường đi chậm hơn ánh sáng. Đó là điều mà mọi đứa trẻ học vỡ lòng về thiên nhiên phải biết trước tiên. Và mỗi lần có sấm chớp, là một lần bài học vỡ lòng đó trở lại với tôi. Kiến thức được lặp lại trong cảm giác chờ đợi với một chút lo âu. Nhưng vì tôi thường biết nó sẽ đến mà ít khi tôi chịu tính đúng cái lúc nó đến, nên khi tiếng sấm đến, tôi vẫn có cảm tưởng như tim mình bị bóp nghẹt lại, vì sự chờ đợi, tôi có cảm tưởng vậy.

Chúng tôi ngồi trú mưa trong lúp lều cha tôi cho dựng ở ven một con suối. Tiếng suối chảy như chìm đi trong cơn giao hoan cuồng nộ của trời đất, của tiếng mưa rơi và tiếng cây cỏ vật mình rền siết.

Từ hồi nào tôi ngồi gọn trong vòng tay che chở của Cương, tôi cũng không rõ. Tôi nghe những ngón tay thon dài của gã con trai lai Pháp lướt dài trên da thịt, như, cũng những ngón tay đó, thường lướt trên phím đàn dương cầm mà tôi vẫn có thể hình dung ra được trong những đêm khuya thanh vắng nằm trong phòng nghe tiếng đàn của Cương vọng lên từ dưới phòng khách như mời gọi, như hứa hẹn về một thế giới yêu thương thần tiên.

Mưa tạt vào trong lều từ bốn phía vì gió luôn xoay chiều. Thoạt đầu chúng tôi còn tìm cách tránh mưa. Nhưng cuối cùng gió vẫn đuổi kịp chúng tôi bằng những giọt mưa thấm ướt áo quần, đầu tóc, da thịt. Tôi nghe như tiếng gió cười vang đắc thắng thách

thức mời gọi tham dự cuộc phiên lưu với nó. Tôi nghe như tron tôi đang có một cái gì cuộn cuộn, quay cuồng. Thân thể tôi phũ chốc hóa thành mỏng manh, như những con đê nhỏ bé tưởng sẽ vỡ tung trước con nước lớn của thiên nhiên, của cuộc sống.

Cương chợt phá lên cười. Tiếng cười lập tức hòa vào với nhịp thở dồn dập của xung quanh. Tiếng cười như cởi bung mọi giới hạn ngăn cách giữa con người và thiên nhiên. Đường như một người khác trong tôi cũng vừa cất tiếng cười cùng với anh.

Cương nói :

— Mỗi lần mưa to gió lớn, tôi thấy mình như say rượu, mặc dù chẳng hề nhấp một ngụm rượu nào cả. Tôi muốn phơi mình ra trong mưa gió, chạy nhảy và la hét. Nếu không, chắc thân thể mình sẽ nổ tung ra mất. Tôi nhớ dạo còn ở trong nội trú, cứ mỗi lần có mưa gió lớn, là y như rằng tôi phải kiếm chuyện cho bằng được với một thằng bạn nào đó, để rồi hai đứa lòi nhau ra sân vật lộn chơi. Có vậy mới thấy thoải mái sau đó, dù có trầy da, sưng thịt cũng mặc. Một lần, ông Giám thị bắt gặp. Tôi bị đuổi. Tức cười quá đi mất. Nhưng nhờ học khá, nên họ chỉ không nhận cho tôi nội trú thôi, tôi vẫn được đi học. Nhưng rất tiếc vì họ nói chạm tự ái tôi, nên tôi không thêm trở lại trường học nữa. Mẹ tôi buồn lắm...

— Họ nói anh sao ?

Cương chắt lưỡi :

— Chẳng mấy quan trọng, nhưng cũng đủ làm cho một thằng bé mười bốn tuổi nổi khùng. Họ gọi tôi là thằng con lai mất dạy ! Và tôi bắt đầu suy nghĩ.

Cương cười, tiếng cười như một khóa lấp :

— Mỗi người đều có một vết thương mà nó muốn dấu kín. Đôi khi bị đụng phải vết thương đó, nó thường nổi khùng, có khi hóa điên. Thoa cũng vậy, Thoa biết không ?

Vừa nói, Cương vừa cúi xuống sát mặt tôi :

— Chẳng hạn như bây giờ tôi nói : nếu không có Thoa ở đây, cái cô Thoa với sự chăm sóc quá kỹ lưỡng của bà mẹ, cái cô Thoa mỏng manh và dễ xúc động như cây mắc cở ấy, thì tôi đã chạy ra ngoài mưa gào thét đùa với gió...

Tôi thui nhẹ vào cạnh sườn Cương :

— Anh ngạo Thoa nhé ! Thoa sẽ cho anh biết tay ! Anh làm như anh có độc quyền hòa mình với thiên nhiên không bằng !

Nói xong, tôi vùng dậy và chạy ra khỏi lều. Thực tình tôi lạnh run. Giọng nói tôi muốn lạc đi. Nhưng tôi mặc. Tôi chạy. Tôi cười. Tôi hét. Những giọt mưa được thả tuôn xuống đầu tóc, tuôn xuống áo quần và ngấm vào da thịt tôi. Và tiếng mưa gió dường như hòa nhịp với tâm hồn tôi vừa được cởi bung hết mọi dè dặt, thận trọng, sợ sệt. Tôi chạy lên quả đồi trước mặt. Tiếng Cương cười đuổi theo tôi. Bất chước lối nói của mẹ tôi, Cương gọi :

— Thoa ơi, nhớ choàng khăn vào kéo cảm sương đó ! Thoa ơi sao không mặc áo len vào, nhớ lạnh phổi rồi ho thì sao ? Thoa ơi... Thoa ơi...

Tôi cười như hét lên. Bình thường tôi có thể giận Cương nếu Cương ngạo tôi như vậy. Nhưng hôm nay tôi cảm thấy như mình vừa cởi bung được tất cả những sản sóc, những lo âu, những yếu mềm khiến tôi có cảm tưởng mình chỉ là một đứa trẻ. Tôi cảm thấy tay chân mình như nở dài ra trong gió trong mưa, và thân thể tôi vươn dài trong nhịp thở của một lồng ngực đang trở dậy, nở ra nở ra. Lần đầu tiên tôi cảm được thế nào là sự tự do, cái tự do của con người sẵn được un đúc trong sự sản sóc quá đáng, thận trọng quá đáng, dầy dổ quá kỹ lưỡng. Người ta đôi khi phải điên để thấy là mình tự do — một người nào đó đã viết như vậy, hay đúng hơn Cương đã lặp lại với tôi như vậy. Tôi biết mình đang đi xa khỏi nếp sống quen thuộc. Dầu sao, sự có mặt của Cương đã khơi dậy trong tôi một sức sống vẫn bị dấu kín trong nếp áo con gái ; và sự có mặt đó dường như làm tôi ngây ngất, an tâm ; Cương có sức hấp dụ của ánh sáng mặt trời rơi vào khung cửa sổ phòng ngủ kêu gọi tôi ra khỏi phòng...

Tôi suýt ngã chúi xuống đất vì vướng phải rễ một cây bông gòn vừa lúc Cương bắt kịp tôi. Những trái bông gòn treo toàng teeng trên cành cây xương gầy làm tôi nhớ đến mẹ tôi với cái thú làm gối, nệm và đủ các thứ hình thù chim muông bằng bông gòn — cái đam mê đặc biệt của mẹ (như cái đam mê của một nhà điêu khắc, chỉ khác ở chỗ vật liệu xử dụng để tạo các hình thể) ngoài việc chăm nom sản sóc tôi như một cô bé chăm nom sản sóc quá đáng con búp bê biết đi biết nói của mình. Trong thoáng giây, tôi thấy mắt tôi đậu lại trên những trái bông gòn thấm nước mưa đang đung đưa trong gió gào. Cương không đề cho ý nghĩ tôi ở lâu trên đó. Anh vòng tay ôm lấy tôi. Và những trái bông gòn

trước mắt tôi được thay thế bằng khuôn mặt của gã con trai hai giòong máu, với những giọt nước mưa làm đổ mái tóc của anh xuống vàng trán cao vuông. Và những giọt nước mưa vẫn cứ đổ xuống khi môi anh áp vào môi tôi. Thoạt đầu là sự lạnh lẽo, và rồi ấm áp...

Cương dịu tôi trở lại túp lều. Tôi run lên vì lạnh. Và vì xúc động.

Dường như tôi đã chống đối một cách yếu ớt.

Tiếng mưa rơi bên ngoài nghe nhỏ hơn, bớt cuồng bạo hơn.

Tiếng gió thổi vật vã trên những cành lá.

Chúng tôi nghe rõ tiếng suối chảy bên ngoài hơn.

Màn đêm bắt đầu buông xuống miền cao nguyên.

Từ bên kia ngọn đồi tiếng người lão bộc gọi chúng tôi vang vang và mất hút trong im vắng.

Cương và tôi cùng im lặng cho đến khi về đến nhà. Sự im lặng có pha chút ngượng ngập. Dường như mấy lần Cương định nói điều gì với tôi, lại thôi. Cuối cùng, trước khi chúng tôi bước vào vùng ánh sáng của những khung cửa sổ trong đó ba mẹ tôi và bác Thực đang đợi chúng tôi về cùng dùng cơm tối, Cương đã siết chặt tay tôi trong giây lát, và anh nói qua hơi thở:

— Anh... xin lỗi Thoa!

Dường như, đối với tôi, câu nói đó là một sự tỏ tình.

Tôi quệt nước mắt trên má hồng bằng hai bàn tay lạnh giá của mình.

— Lần sau, thấy trời sắp mưa thì phải lo mà về sớm. Con phải hiểu rằng dù Cương nó có mang một phần máu Việt, nhưng nó chịu ảnh hưởng nặng nề của giáo dục Tây Phương, nó có thể hiểu lầm con là dễ dãi...

Mẹ tôi ngồi trên thành bồn tắm, vừa cọ lưng cho tôi vừa nói. Thấy tôi cứ tiếp tục im lặng, bà chợt hỏi:

— Con làm sao thế?

Tôi lắc đầu:

— Không, mẹ. Con chẳng có làm sao hết.

Mẹ tôi nhìn thẳng vào mắt tôi.

— Con không giấu mẹ điều gì chứ?

Tôi lắc đầu. Tôi đặt bàn tay tôi lên bàn tay mẹ đặt trên thành

bể, vỗ nhẹ. Mẹ tôi có vẻ như muốn nói điều gì. Dường như bà đã cố gắng lắm để thốt lên một câu nói mà có lẽ bà đã muốn nói từ ngày bà biết tôi không còn là con nít nữa dù bà không muốn coi tôi như đã lớn:

— Thoa, con hứa với mẹ là con đừng làm gì bậy cả, nghe con? Mẹ xin con. Con hứa với mẹ đi.

Tôi gạt đầu nhiều lần, như để ngăn một sự xúc động sẽ bùng lên. Rất may mẹ tôi chỉ nán lại có một lát trong phòng tắm rồi đứng dậy đi ra, sau khi dặn tôi tắm mau và mặc quần áo xuống nhà ăn cơm.

Cánh cửa phòng tắm vừa đóng lại, tôi gục mặt xuống, trán tì trên bàn tay đặt trên thành bồn tắm. Tôi cắn chặt môi mình tưởng đến rớm máu. Tôi không khóc. Mắt tôi ráo hoảnh. Nhưng tôi biết mình vừa mất mát một cái gì mà tôi vẫn được dạy là vật quý báu nhất đời. Lẽ ra Cương không nên làm như vậy. Lẽ ra Cương không nên làm như vậy. Lẽ ra anh không nên làm như vậy. Em yêu anh. Nhưng... « Sự tiếp xúc thể xác làm tan biến mọi ảo tưởng, mọi mộng mơ quen thuộc của tuổi con gái nhiều mơ mộng, lắm lăng mạn. Nhưng rồi, cái gì cũng là thói quen cả, từ thói quen đến chỗ cần thiết. Ở lần yêu đương thứ hai, thứ ba, và rồi hôn nhân, thiếu cái đó, là như thiếu đến nửa cuộc tình ». Hôm ghé đây chơi, Thủy đã nói với tôi như vậy. Tôi không biết. Tôi chỉ biết tôi vừa mất một cái gì, một cái gì quý báu, vô giá. Tôi tiếc nuối. Tôi hận Cương. Lẽ ra anh không nên làm như vậy. Lẽ ra anh không nên làm như vậy. Nhưng tại sao tôi đã không hề tỏ thái độ chống đối? Tại sao tôi để Cương làm như vậy. Tôi chỉ biết mình đã run vì ướt vì lạnh vì gió vì mưa. Cương đã siết chặt tôi để mong truyền hơi ấm thân thể anh qua tôi. Và tôi đã tin như vậy. Sự tin tưởng và cảm giác tin cần đã được hiểu như một sự thỏa thuận, một sự đồng lõa. Và tôi đã chính thức già từ thời con gái của mình.

Mặc dù những cảm giác ghê sợ và nhức nhối do ở lần đầu tiếp xúc với một thân thể khác phái và sự rối loạn trong tôi, tôi vẫn gượng ngồi ăn cơm với gia đình và cố gắng đi đứng tự nhiên. Tôi tránh nhìn thẳng vào mặt Cương, mặc dù tôi biết, tôi cảm thấy một đôi lần dường như anh nhìn tôi thật lâu với vẻ chờ đợi. Nhưng tôi không dấu được những lúc mơ màng xa vắng. Dường

như tôi nhai một miếng cơm lâu hơn. Dường như tôi quên khuấy thức ăn, và đôi khi cứ gặp hoài một món trong khi bát tôi vẫn còn những món ăn đó.

— Thoa làm sao đó, con ?

Ba tôi đột nhiên hỏi. Bác Thực cũng ngưng câu chuyện (mà tôi cũng chẳng rõ bác đang nói về cái gì), nói :

— Hôm nay cháu có vẻ ít nói hẳn đi.

Tôi vội cười, đáp :

— Thưa con có sao đâu ạ. Có lẽ con chỉ hơi chóng mặt một chút vậy thôi.

Mẹ tôi sẵn sóc :

— Nếu vậy, con đừng ăn cơm nữa, khó tiêu. Để mẹ bảo chúng nó nấu cháo thịt cho con ăn.

Quả thực tôi muốn bệnh. Chắc không phải cái thề xác tôi bệnh. Mà là tâm hồn tôi. Dường như sự xáo trộn quá mãnh liệt, quá cuồng bạo, ngoài sức chịu đựng của tôi. Nhưng tôi cố lấy giọng vui vẻ, đáp lại sự sẵn sóc của những người xung quanh :

— Không, mẹ, con thấy bình thường mà. Mẹ đừng lo. Con không sao hết đâu.

Tôi liếc nhìn sang chỗ Cương. Tôi thấy anh đang nhìn chăm chú một bông hoa thêu trên mặt khăn trải bàn. Đôi mày anh hơi nhíu lại. Cả khuôn mặt anh là sự bình thản, với một vẻ gì êm đềm như một pho tượng Hy-lạp mà tôi được xem trong những cuốn sách nói về điêu khắc trong thư viện của trường. Bất chợt khuôn mặt ấy ngược lên, đôi mắt màu hạt dẻ hướng về phía tôi. Tôi không thể quay mặt đi được nữa. Hay đúng hơn, tôi bị thu hút bởi cái nhìn đó. Say đắm. Nồng nàn. « Bất cứ người con gái nào cũng bị xúc động mãnh liệt ở lần đầu tiếp xúc thân mật với người đàn ông. Tùy ở người đàn ông và tùy ở mối tình của họ, sự xúc động ấy sẽ để lại ấn tượng đẹp đẽ hay kinh hoàng ». Thủy hỏi tôi về chuyện giữa tôi với Cương ra sao. Tôi đáp chẳng ra sao cả. Nhưng Thủy tinh quái nhìn vào mắt tôi : « Con mắt mày đã thú nhận tất cả rồi đó, cô bé con ! » Dường như Thủy có vẻ khuyến khích tôi đi tới. Tôi bảo đi tôi cách nào. Thủy tát vào má tôi : « Đứng là bé con có khác ! Mày phải biết đàn bà có những mảnh khõe của họ. Mày chưa là đàn bà, tao hiểu. Ráng giữ lấy nó. Thằng nhỏ có tâm hồn, dễ thương. Lại đẹp và khỏe như một pho tượng Hy Lạp.

Lý tưởng quá rồi. Và hai đứa chúng mày lại sống trong cái khung cảnh đất trời lồng lộng này... »

Tôi mong có Thủy ở đây. Đề giờ tôi ra khỏi cơn rối loạn hiện tại.

Dường như Cương nhất định không rời cái nhìn khỏi tôi. Anh đã bắt được tôi. Anh đã bắt được em. Tôi cúi xuống bát cơm đang ăn dở.

Dầu sao, dầu sao đó là một khám phá tuyệt vời mà lần đầu tôi có được. Trong cái khung cảnh đất trời lồng lộng đó, thân thể cao lớn và rắn chắc của Cương đã làm ấm tôi, dầu sao. Như một bàn tay đã dẫn dắt tôi qua lối cửa do cũng bàn tay đó mở ra, và đưa tôi vào một căn phòng tuy đồ đạc có phần lộn xộn, nhưng ánh lửa trong lò sưởi thật dễ chịu, thật ấm áp. Dầu sao, sự đau đớn rên siết của một lớp băng khép kín bị tia nắng mặt trời làm nứt nẻ, tan rã vẫn không làm tôi mất niềm ngây ngất tê dại trước sự khám phá về một kẻ lạ mặt dịu dàng, dễ thương vẫn ẩn nấp trong tôi, trong căn phòng có ánh lửa lò sưởi kia và thoảng đâu đó một mùi hương kỳ diệu. Tôi bắt gặp kẻ lạ đó mỉm cười với tôi, một nụ cười hiền dịu, với đôi tay mở rộng đón chào tôi. Lại đây, lại đây em. Nhưng gần ngay cửa ra vào, tôi thấy mẹ tôi, các bà sơ dậy tôi, vị linh mục vẫn đến giảng giáo lý cho chúng tôi nghe mỗi tuần một lần và thỉnh thoảng hỏi tôi có muốn vào đạo ông sẽ nhận đỡ đầu cho, và một lũ những người khác đứng lơ lửng ở phía sau với những tấm bảng gắn trên một thanh gỗ dài họ cầm nơi tay, trên có đề : « xã hội » « đạo đức », « truyền thống » « luân thường đạo lý » vv... Tất cả đều mặc đồ đen và khuôn mặt ai cũng có vẻ giận dữ. Tôi đứng ở giữa phòng. Không biết nên tiến về phía kẻ lạ với vẻ mặt chờ đón, với nụ cười hiền dịu, và với khuôn mặt, thân hình giống như tôi, song có lẽ già hơn một chút, vững trãi hơn một chút ? Hay trở về với nhóm người mặc áo đen, trong đó có mẹ tôi, với khuôn mặt giận dữ, cau có kia ? Lại đây, lại đây, người em yêu. Kẻ lạ lại cất giọng mời gọi. Giọng nói như hát, êm ái, trầm tĩnh, đầy bảo bọc. Tôi quay nhìn kẻ lạ, chân vẫn không nhúc nhích. Đừng nghe lời nó, con Quỷ cảm dỗ con đó. Con quên rằng quỷ thường vẫn có thể biến hình đổi dạng ? Nó sẽ nuốt sống con cho mà xem. Tôi

Người mẹ vẫn là người đầu tiên dường như vậy, nhận ra những thay đổi của con gái mình. Mà không nhận ra sao được khi, bỗng dưng, tôi trở nên ít nói không còn hồn nhiên như mọi hôm và thường mơ màng, lơ đãng, xa vắng. Gò má tôi dường như hồng hơn. Đôi mắt tôi dường như sâu hơn. Da thịt tôi dường như mềm mại một cách mật thiết hơn. Và tiếng nói của tôi dường như trầm đi. Dù thái độ xa cách của tôi đối với Cương (thay vì chúng tôi xoắn xuýt bên nhau như trước kia) làm mẹ tôi, thoát tiên, hài lòng; nhưng dần dà bà bắt đầu nghi ngờ.

« Thoa,

« Sau hôm ở ngoài lều với em, anh suy nghĩ thật nhiều. Anh không biết phải diễn tả với em ra sao. Dường như mọi sự xảy ra bất ngờ và tự nhiên quá, lẽ ra anh không nên làm như vậy, với em nhất là đối với em. Anh sung sướng làm người đầu tiên đến với em, nếu không nói là hãnh diện. Nhưng anh cũng không khỏi thấy ân hận, với cảm giác như mình vừa đánh mất một vật quý của một người đã, vì tin cần, giao cho mình cất hộ. Em trăn mắt anh là phải. Anh đang để mà chịu hình phạt đó. Song, Thoa yêu quý, hãy nói cho anh biết anh phải làm gì để tạ lỗi với em, để được em đối xử với anh như cũ ? Bởi vì, anh hiểu anh, anh biết lòng anh đang hướng về em. Anh yêu em. Cái tình yêu đã làm anh xúc động, như sự xúc động mà anh bắt gặp khi trong thấy cánh đồng lúa, thấy lũy tre xanh, thấy mái nhà tranh mà ba anh đã chỉ vào đó và nói : « Chỉ ở trong đó mới mang cái chất Việt thực sự. Bởi vì nó đơn giản, nó chân thực, nó hồn nhiên, nó trong sạch ». Anh học yêu quê hương hơi trễ. Việc này lẽ ra phải được làm từ lâu, từ ngày anh còn là một chủ bé con. Nhưng chẳng phải sự bắt gặp quê hương sau bao nhiêu năm tìm kiếm, là một cái gì đáng quý đấy sao, đáng xúc động đấy sao ? Cũng như sự xúc động mà anh bắt gặp, với em, có một ý nghĩa khác với những sự xúc động với một vài người đàn bà mà anh đã tiếp xúc. Bởi anh không muốn dấu em một điều gì cả, nên anh muốn cho em biết hết, biết hết về anh.

« Cái sung sướng của đứa con mang hai dòng máu trong người là nó có tới hai quê hương một lúc — thứ quê hương được thể hiện bằng những truyền thống, tập tục, đất đai —, nhưng đó cũng là mối khổ tâm của nó. Tại sao không ? Khi mà hai quê hương đó thường trái nghịch nhau, nhiều khi thường ghét bỏ nhau là đằng khác. Mà anh, bản tính anh không chấp nhận sự trái nghịch, sự

ghét bỏ lẫn nhau đó, trong khi chính trong huyết quản anh lại là do sự hòa hợp giữa hai thái cực đó mà thành. Anh muốn yêu thương quê mẹ — điều này anh đã thực hiện được. Anh cũng muốn yêu cả quê cha — điều này anh đang cố gắng, với sự thành tâm, để thực hiện nó, dù có hơi trễ. Bởi vì — tại sao không ? — khi anh may mắn hơn đa số con người, là có tới hai quê hương để yêu thương ? ! Và cũng bởi bản tính anh thường nghiêng về những cảnh làm than, sự bất hạnh, nên anh thấy mình trở nên tha thiết hơn với nơi đây, cái quê hương mà ở đó, anh đã gặp em.

« Thoa yêu,

Anh chưa nói điều này với ai. Nhưng anh nghĩ nhiều về nó. Và đây là lần đầu tiên, nhờ có em, nhờ những lúc em chịu lắng nghe, với thái độ cảm thông, những gì anh nói, mà anh đã nói lên điều đó.

Vâng, anh biết, lẽ ra anh không nên đi quá xa cái giới hạn đó. Từ mấy hôm nay, anh ân hận. Chẳng phải anh chỉ làm mất một vật quý mà em đã nhờ anh cất giữ hộ, mà chính anh cũng còn làm mất một vật quý báu mà anh có được : đó là em, là sự cảm thông chân thành em dành cho anh. Em hãy tha lỗi cho anh. Anh hiểu dù có muốn, chúng ta cũng khó tạo lại tình trạng thoải mái hồn nhiên lúc ban đầu, khi chưa xảy ra câu chuyện ngoài lều. Tuy nhiên anh vẫn hy vọng, dù là mong manh...

« Để kết thúc cho lá thư này, anh chân thành cảm ơn em và những gì em đã cho anh, về sự cảm thông em đã dành cho anh. Anh muốn chép lại đây một câu mà anh đã đọc nhiều lần và đã thuộc nằm lòng của một nữ văn sĩ người Mỹ :

« Cái mong muốn tuyệt vọng nhất của con người hôm nay không phải là có được một mũi thuốc chích ngừa để chống lại một căn bệnh nào, hay một tôn giáo mới nào, hay một « lối sống » mới nào. Con người không cần lên mặt trăng hay có những hệ thống thái dương nào khác. Nó cũng không đòi hỏi phải có được những trái bom hay các thứ đạn được hoàn hảo hơn. Nó cũng không chết nào nếu nó không có được một cuộc sống tiện nghi hay nhiều chất sinh tố hơn. Nó cũng sẽ không tắt thở vì nỗi tuyệt vọng bởi không thể mua được những món phụ tùng mới nhất và tốt nhất, hoặc bởi tất cả con cái nó không được vào đại học. Những nhu cầu chính của nó thật ít, và không mấy tốn cũng để thỏa mãn chúng, mặc dù những tên chuyên môn quảng cáo cứ việc quảng

cáo rầm rộ những mẫu hàng này hàng nọ. Con người vẫn có thể sống còn với một ít bánh mì và trong một chỗ trú ẩn tối tệ nhất. Thường, nó vẫn sống còn.

« Cái mong muốn đích thực của nó, là có được một người nào đó lắng nghe nó tâm sự, không phải lối tâm sự với tư cách một « bệnh nhân », nhưng mà là với tư cách của con người đích thực. Nó cần nói với người nào đó cái mà nó nghĩ, về những ngạc nhiên nó gặp phải khi nó cố gắng giải quyết vấn đề tại sao nó được sinh ra, nó phải sống ra sao và cái số mạng của nó nằm ở đâu...(1) »

« Thoa thân yêu,

« Chính thế, Thoa ạ. Và bây giờ, anh cảm ơn em. Trên con đường mà anh sẽ theo đuổi về sau này, chắc anh sẽ không bao giờ quên được em.

Chân thành yêu em,
CUONG »

Tôi áp lá thư của Cương vào ngực. Tại sao tôi cố tình lẫn tránh anh? Chẳng phải chính tôi cũng vừa đánh mất thêm một vật quý nữa sao? Những điều Cương vẫn thường nói với tôi đã được tóm tắt, cô đọng lại trong lá thư tôi đang áp trên ngực. Con người anh, tâm hồn anh, tất cả anh ở trong đó. Có lẽ tôi đã quan trọng hóa một xúc động, tuy lớn đối với tôi, nhưng đậm đến nỗi quá đáng như tôi tưởng? Có thể như vậy không?

Tôi chồm dậy, nhảy xuống khỏi giường, mở cửa phòng đi xuống nhà. Lúc ấy là buổi tối. Dưới nhà vắng vẻ, im lìm khác thường. Tôi gõ cửa phòng Cương, không có tiếng trả lời. Tôi vào phòng ăn, mẹ tôi đang ngồi im lặng bên bàn ăn, đầu gục vào lòng bàn tay. Mẹ tôi không còn thêu thùa như mọi ngày. Nghe tiếng chân tôi, bà ngừng đầu lên, tôi thấy mắt bà đỏ hoe. Trước thái độ ngạc nhiên của tôi, mẹ tôi nói trước khi tôi kịp lên tiếng:

— Ba con đi rồi. Về thành phố với bác Thục. Mẹ biết ngay rồi chuyện này sẽ xảy ra.

— Còn anh Cương?

— Nó cũng về dưới đó luôn.

Tôi sửng sốt:

— Tại sao ba mẹ không nói gì với con cả? Còn ba, mỗi lần ba đi đâu xa, ba vẫn cho con hay. Tại sao...

(1) Taylor CALDWELL, *The Listener*.

— Con không biết được được chuyện của ba với bác Thục. Có nhẽ con chẳng nên biết làm gì.

— Nhưng...

— Con chỉ nên biết đây là một chuyến đi âm thầm và bí mật. Thế là đủ rồi.

Nói xong mẹ tôi đứng dậy. Bà có vẻ mệt mỏi và lo âu:

— Mẹ biết thế nào chuyện này cũng xảy ra, không sớm thì muộn. Tôi vẫn không hiểu gì hơn.

Bữa cơm tối hôm đó chỉ có mẹ tôi và tôi. Chúng tôi ăn uống uể oải. Có một lúc mắt tôi bắt gặp chiếc đàn dương cầm ở phía bên kia phòng khách, một mình, lẻ loi, đơn chiếc. Tôi nuốt miếng cơm mà tưởng như nuốt luôn nước mắt. Chiếc đàn đó cũng như tôi.

Nguyên động lực nào đã thúc đẩy mẹ tôi nói ra cái sự thật có tính cách làm vỡ mọi ảo tưởng đó — cái sự thật rằng tôi không phải là con ruột của cha tôi, rằng cha ruột của tôi chính là người bạn phiêu lãng giang hồ của cha tôi: bác Thục, rằng như vậy — Trời ạ! — Cương là người anh cùng cha khác mẹ với tôi? Tôi không hiểu. Có một lúc, tôi tưởng như mình nằm mơ, như giấc mơ đêm nào tôi thấy mình đứng ở giữa phòng, với một bên là kẻ lạ có vóc dáng và khuôn mặt y hệt tôi, và một bên là một bọn người mặc đồ đen vẻ giận dữ, trong đó có mẹ tôi. Nhưng vô ích. Đó không phải là giấc mơ. Đó là sự thật. Tôi bàng hoàng. Tôi không hiểu gì cả. Và tôi cũng không nhớ đến cả cái diễn tiến của cuộc cãi hôm ấy giữa mẹ tôi và tôi đã khởi sự như thế nào, đã diễn tiến ra làm sao. Chỉ biết rằng mẹ tôi đã tát tôi một cái — có lẽ là cái tát đầu tiên mẹ tôi đã tặng tôi — và một tiếng nói như gió rít qua hai hàm răng nghiến chặt của mẹ tôi:

— Đồ loạn luân!

Rồi nét mặt mẹ tôi co rúm lại trong một cơn dày vò điên loạn. Bà rên siết những tiếng trời ơi, như có một vết thương nào đang toác miệng rỉ máu làm nhức nhối cơ thể.

Tôi nhớ là tôi đã đứng nhìn sững mẹ tôi, một tay áp trên má còn hằn đỏ năm đầu ngón tay của bà. Sau khi đã rên rỉ, mẹ tôi ngó lại tôi. Tôi không khóc. Nhưng nước mắt lạnh lẽo chảy xuống trên hai gò má chột nóng ran chột lạnh buốt. Tôi cũng không biết tại sao

minh khóc. Vì lần đầu tiên mẹ tôi đã tát tôi ? Hay vì sự sụp đổ của một số những niềm tin, những ảo tưởng ? Và sự thật phũ phàng tôi đang đương đầu, đối diện ?

Chúng tôi nhìn nhau như vậy, trong im lặng ê chề thật lâu. Tôi thấy mẹ tôi một tay bịt miệng mình, như để ngăn một câu nói khác có thể bật ra, tàn nhẫn hơn, nặng nề hơn, hoặc cũng có thể để ngăn một tiếng nấc : tay kia — bàn tay mẹ đã dùng để tát tôi — túm chặt lấy bên hông chiếc quần bà đang mặc trên người, xòe ra rồi lại túm chặt lấy lớp vải như muốn vò nát.

Rồi nước mắt tôi khô lại. Rồi tôi thấy dường như mình vẫn bình tĩnh lạ lùng. Một cảm giác tởm lợm dâng lên trong cổ họng tôi. Dường như vì đó không phải là chuyện tôi có thể ngờ được lại đã xảy ra, khiến tôi không có một phản ứng gì cả ngay lúc đó.

Rồi tôi cũng không nhớ bằng cách nào tôi rời khỏi phòng mẹ tôi, rời khỏi như chưa đầy những hình thù nhét đầy hông gòn, và tôi đã đóng sầm cửa lại hay đã bỏ ngỏ nó, và tôi đã đi như chạy bằng qua phòng ăn rồi phòng khách và lên cầu thang về phòng mình. Dường như, tôi có cảm tưởng, một người nào đó đã làm hộ tôi những động tác đó thì phải. Rồi tôi thấy tôi ở trong phòng tôi. Thoạt đầu là con búp bê có cặp mắt nhung bị ném xuống đất. (Hết rồi cái thoi con gái). Rồi thì sách vở vất bừa bãi trên giường cũng bị gạt xuống đất (Hết thật những chuyện thần thoại có tích hay những thư chuyện yêu đương lãng mạn, mơ mộng). Tôi nằm vật xuống giường. Tiếng động đầu tiên bật ra khỏi cổ họng thành những tiếng nấc. Tôi không nhớ mình đã khóc nước nỡ trong bao lâu. Dường như tôi đã khóc lâu lắm. Dường như có ai gõ cửa phòng tôi tới mấy lần. Và vì tôi đã khóa trái phía trong — lúc nào tôi cũng không rõ, hay đã có một người nào khác làm cái việc đó thì phải — nên người gõ cửa đành quay gót đi.

Thời gian xảy ra chuyện đó, lẽ cố nhiên, chỉ có mẹ và tôi ở nhà với đám gia nhân. Ba tôi đã đi theo bác Thực, với cả Cương — trời ơi, Cương ơi — về thành phố trong một chuyến đi âm thầm và bí ẩn.

Dường như tôi đã nằm riết trong phòng đến mấy hôm.

Thêm một lần nữa, sau sự xúc động của một chiều mưa to gió lớn với Cương ở ngoài lều trống, tôi trải thêm một sự thay đổi, một mối xúc động còn lớn lao hơn, vượt quá cái khả năng chịu đựng của tôi. Tôi bị bệnh. Căn bệnh không vật tôi ngã, nhưng nó

có mặt ở đó, dai dẳng, gặm nhấm trong tôi. Và những thù hận — thù hận ai ? thù hận cái gì ? Tất cả. Cả tôi — cay đắng gặm nhấm tâm trí tôi. Như một xác chết bị rửa trôi bởi bầy kền kền mà đám gia nhân thường kẻ vờn nhau những ngày gần đây. Tôi trở thành xa lạ với xung quanh, với mọi người, với chính tôi. Tôi phiêu bạt trong một thế giới hoàn toàn cô đơn, lạnh giá. Từng tảng băng rạn nứt dưới chân phơi bày cái nguy cơ của một cơn thác ngầm đã bắt đầu phát ra những tiếng gầm đòi sự sống.

Và từ đó, tôi nảy ra ý định bỏ nhà ra đi. Để làm gì ? Tôi không rõ. Chỉ biết là phải ra đi, phải rời khỏi chốn này, căn nhà này, mảnh đất này, nơi chưa chấp những ảo tưởng đồ vỡ này.

Những lá thư của ba tôi, nhờ người thân cận chuyển đến tận tay chúng tôi chỉ có mẹ tôi đọc. Mẹ tôi thường đem đồ ăn vào phòng và đọc những lá thư viết vội đó cho tôi cùng nghe. Và tôi nghe với vẻ lơ đãng. Cha tôi — hay đúng hơn cha nuôi tôi — viết rất vắn tắt. Ông giải thích lý do ông về thành phố. Dường như họ cần sự tham dự của ông và của bác Thực. « Lòng căm hờn chế độ đã chín mùi. Đã đến lúc phải thổi lên một trận cuồng phong để quét sạch những u ám, phải nhóm lên một ngọn lửa để đánh tan bóng tối. Cho một ngày mai tươi sáng. Các anh chị em sinh viên, học sinh hăng hái một cách nhiệt thành, họ không quản ngại gì nguy hiểm mặc dù đã có nhiều người bị bắt bớ bị giam cầm. Họ làm anh nhớ đến đạo mình còn trẻ tham gia kháng chiến chống thực dân Pháp độ xưa. Em còn nhớ anh Nguyễn Tường Tam không nhỉ ? Anh ấy tự tử rồi. Lá thư tuyệt mạng của anh ấy thật xúc động... »

Tôi nhớ dường như cha nuôi tôi đã viết một câu như vậy trong lá thư cuối cùng ông gửi đến mẹ con tôi, trước khi có người đến báo tin ông bị bắt. Không có tin tức gì về cha con bác Thực — hay đúng hơn về cha ruột tôi và về người anh cùng cha khác mẹ với tôi. Cương. Cương. Em phải nghĩ sao về anh bây giờ ? Cũng may mà cuộc tiếp xúc hôm ấy đã không để lại trong em một giọt máu nào. Nếu không, rồi chúng ta sẽ ăn nói làm sao với đứa con có thể có, như mẹ em hiện tại.

Mẹ tôi khóc ngất khi hay tin cha tôi bị bắt. Bà lo âu. Bà bỏ ăn. Bà mất ngủ. Tôi không lo lắng. Tôi cũng không hiểu tại sao. Nhưng tôi bắt đầu thấy thương cha nuôi tôi, thương thành thật, một cách không cố gắng. Tôi chép miệng :

— Tôi nghiệp cho ba !

Mẹ tôi ngó sững tôi. Bà ngạc nhiên vì tôi cả nói lên câu đó một cách bình thản, với giọng rảo hoảnh ? Hay bà ngạc nhiên vì sau bao nhiêu ngày cầm nín, cuối cùng tôi đã thốt lên một câu, một câu nói mà bà không biết phải hiểu theo nghĩa nào mới đúng ?

Một buổi sáng, mẹ tôi vào đánh thức tôi dậy và báo tin cuộc cách mạng lật đổ chế độ đã thành công. Bà đã theo dõi máy phát thanh từ đêm hôm qua. Bà tiếp :

— Thế nào rồi ba cũng được thả ra, và trở về với mẹ con mình. Rồi chúng mình sẽ nối lại những ngày êm đềm cũ. Như tất cả mọi người. Giông bão đã qua. Con muốn học gì tùy ý. Mẹ sẽ...

Bà chợt ngưng lại khi nhìn thấy chiếc va li tôi đã sắp sẵn để ở trên bàn học. Bà biến sắc mặt, quay lại hỏi tôi :

— Thế... nghĩa là làm sao ? Hả Thoa ? không lẽ... Dầu sao... dầu sao con cũng nên đợi ba về đã...

Tôi rời khỏi giường nằm và đứng dậy đi vào phòng tắm. Mẹ tôi theo sau. Bà đứng lại nơi cửa phòng tắm, giọng run rẩy :

— Con... không nên làm như vậy, Thoa. Mẹ... mẹ ..

Tôi bảo với mẹ tôi tôi muốn sống xa căn nhà này một thời gian. Tôi đã theo dõi máy phát thanh, tôi chỉ chờ có thế. Tôi muốn đi.

— Nhưng... nhưng con vừa mới khỏi bệnh mà. Con còn yếu. Con nên ở lại tịnh dưỡng một thời gian. Vả lại... Ồ Thoa. Con còn giận mẹ sao ?.. Trong lúc mẹ quá nóng... Mẹ xin con. Mẹ van con. Hãy làm như không có gì xảy ra cả. Mẹ đã tha thứ cho con, lẽ nào con lại không tha thứ cho mẹ ? Ba con không biết chuyện này. Khi mẹ sinh con, ba vẫn tưởng căn bệnh của ba đã hết. Cho đến bây giờ ba vẫn tin như vậy. Mẹ thú thật mẹ không có tình ý gì với bác Thực hết. Mẹ chỉ muốn có con. Người đàn bà nào cũng mong có con...

Tôi bảo mẹ tôi thực ra tôi chỉ muốn sống xa khỏi đây một thời gian. Để có dịp suy nghĩ lại tất cả. Mẹ tôi bảo bà sẽ ăn nói làm sao với ba tôi, nếu ông trở về không thấy tôi ở nhà. Tôi bảo tùy mẹ tôi muốn nói gì thì nói vì lúc này tôi không còn đầu óc gì cả. Tôi sẽ nghĩ lại tất cả.

Khi tôi sửa soạn xong, mẹ tôi bảo để bà đưa tôi xuống dưới đó, luôn thể tìm cha nuôi tôi. Tôi bảo tôi đủ lớn để tự lo liệu lấy một mình rồi. Còn như nếu mẹ tôi muốn xuống tìm cha nuôi

tôi thì bà cứ việc đi. Mẹ tôi rơm rớm nước mắt hỏi lại tôi còn giận bà sao. Tôi đáp không. Tôi không còn đầu óc nào cả. Mẹ tôi nói cách đây vài tháng tôi còn là cô bé dễ xúc động sao bỗng chốc có thể trở nên cứng cỏi đến lạnh lùng như vậy. Tôi nghĩ cách đây vài tháng nếu tôi là một cô bé cứng cỏi thì tôi đã không bị xúc động đến độ trở thành lạnh lùng như bây giờ. Nhưng tôi kịp giữ lại để không nói ra điều đó. Tôi hôn lên trán mẹ tôi. Và tôi giả từ bà, giả từ nơi tôi đã được sinh ra, lớn lên và bắt gặp mối tình đầu đã đưa tôi đến những khám phá làm đảo lộn tất cả mọi sự. Kề cả con người tôi.

trùng dương

thế giới ngày mai có phải là khoa học kỹ thuật hay siêu hình như Malraux nói. Về kỹ thuật sáng tác, tôi quan niệm là nên chú trọng đến những loại nhạc cổ truyền, vì nó sẽ giúp rất nhiều trong kỹ thuật sáng tác. Tôi rất tiếc không có được căn bản vững chắc về nhạc cổ vì thế tôi thường đến gặp ông Trần Văn Khê để nghe và xin tài liệu về cổ nhạc Việt Nam. Ngoài ra nhạc cổ Ấn Độ, Nhật Bản v.v... cũng giúp tôi rất nhiều trong việc sáng tác. Tóm lại trong tác phẩm của tôi, nội dung dựa trên triết lý Ấn Độ, về hình thức tôi dùng phương tiện kỹ thuật tây phương trong tinh thần Á Đông.

Tôi rất mong ước, riêng về văn nghệ, nước ta có một nền văn hóa cao như những nước Âu Mỹ hay Nhật Bản. Chúng ta cần noi gương Nhật Bản, một nước mà trước đây có thể xem như hậu tiến đã trở thành cường quốc trong vòng 60 năm.

Vì ở ngoại quốc tôi không được biết rõ về hoạt động văn hóa ở quê nhà. Nhưng qua các sách báo tôi cũng có được vài ý niệm. Theo ý tôi thì có hai điểm cần được chú trọng :

- 1) Cải tổ lại giáo dục âm nhạc
- 2) Tổ chức hoạt động văn hóa nước nhà.

Về điểm một, trước hết phải thay đổi chương trình giáo dục âm nhạc tại các cấp tiểu và trung học. Nhật Bản có một chương trình khá đầy đủ. Ở Âu Châu, chương trình giáo dục âm nhạc của những nước như Hung Gia Lợi hay Ba Lan rất đáng được chú ý đến. Nước Pháp là một trong những nước lạc hậu về mặt này, lỗi ấy có từ thời Nã Phá Luân. Về các trường quốc gia âm nhạc của ta, có lẽ cũng nên để ý đến tổ chức và hoạt động để tìm một phương cách có hiệu quả hơn, như mời thêm giáo sư ngoại quốc hoặc cho những học sinh đã tốt nghiệp xuất ngoại để học hỏi thêm v.v... Nhưng đó chỉ là vài chi tiết.

Về điểm hai, có lẽ phải đề cập đến nhiều vấn đề. Trước hết cần có một bộ văn hóa hay nha văn hóa có hoạt động độc lập. Ở Việt Nam từ trước đến nay vấn đề văn hóa không được các chính quyền chú trọng đến nhiều lắm. Một ông giám đốc kế hoạch chỉ cho những sinh viên nào theo học về khoa học kỹ thuật xuất ngoại và gạch bỏ những đơn xin du học về văn chương hay nghệ thuật, theo tôi đó là một khuyết điểm. Nếu cứ thế mãi thì nước ta chỉ tiến về phần kỹ thuật mà kém về phần văn hóa. Tuy phần

kỹ thuật rất quan trọng cho một quốc gia đang tiến, nhưng văn hóa là phần « hồn » của một nước, không nên bị bỏ quên.

Trở về hoạt động của « bộ văn hóa ». Bộ này phải khuyến khích, phát triển những ngành như kịch nghệ, điện ảnh, hội họa, âm nhạc, v.v... Tôi không biết hiện nay ở Việt Nam có ban kịch nào không. Tunisie là một nước cũng vừa được độc lập sau đệ nhị thế chiến, trong hai năm liền (1968, 1969) đoàn kịch của họ được mời sang trình diễn tại Ba Lê trong khuôn khổ « Théâtre des Nations ». Riêng về âm nhạc, theo tôi thấy, nên phát triển cổ nhạc. Như hát bộ chẳng hạn, nếu không được lưu ý, nâng đỡ thì khó lòng tồn tại được trong tương lai. Một ban nhạc và kịch cổ quốc gia cũng nên được thành lập. Theo tôi được biết thì ban đại nhạc ở Huế không được chính quyền khuyến khích và giúp đỡ đầy đủ nên đang đi đến chỗ tan rã. Một điều đáng buồn vì một nước với mấy ngàn năm văn hiến như nước ta không thể và không có quyền để mất dần những gia tài văn hóa như vậy. Trong những cuộc trao đổi văn hóa giữa các nước Á Đông và nước Pháp, Nhật Bản đã gửi sang những đoàn kịch cổ như Bunraku hay Nô, Ấn Độ đã gửi đoàn ca-vũ-nhạc cổ truyền của họ. Cuối năm 1968, một đoàn văn nghệ Việt Nam đã được gửi sang trình diễn ở Pháp và vài nước Âu Châu. Nếu mục đích đoàn này là để giúp vui và thắt chặt tình đồng bào thì họ đã thành công. Nhưng nếu đoàn này được gửi sang để giới thiệu văn hóa nước nhà với các nước bạn thì chương trình đã làm tôi thất vọng quá nhiều ! Phần nhạc cổ và dân ca đã cứu vớt được phần nào (tuy người ta cũng nhận thấy có sự thiếu tổ chức). Về tân nhạc và vũ, thành thật mà phê bình thì có rất nhiều khuyết điểm, nhất là phần vũ. Tóm lại, ban tổ chức nên thận trọng trong việc chọn lọc chương trình mỗi khi gửi những đoàn văn nghệ ra trình diễn ở các nước ngoài.

Sau cùng, tôi xin đề cập luôn đến loại đại nhạc quốc tế. Về điểm này ta phải công nhận là nước ta chưa có gì hết. Sống trong thế kỷ 20, thời đại nguyên tử với tổ chức liên hiệp quốc, chúng ta không thể nào không góp phần trong nền văn hóa quốc tế hiện đại mà nhạc đại thể là một bộ môn. (Sự tổ chức lại chương trình giáo dục âm nhạc sẽ giúp nhiều về mặt này). Một nước gọi là văn minh, ngoài tổ chức về nhạc cổ truyền ra không thể không có một tổ chức về nhạc đại thể quốc tế. Muốn phát triển loại nhạc này, ngoài

việc giáo dục âm nhạc tại các trường chuyên môn, còn phải nghĩ đến việc trình diễn nhạc. Chính quyền nên đề ý thành lập và nuôi dưỡng ban nhạc đại hòa tấu và những ban nhạc nhỏ gồm vài ba nhạc công thuộc loại nhạc thính phòng (musique de chambre). Tổ chức hòa nhạc thường xuyên, trình diễn các tỉnh, khuyến khích sáng tác nhạc đại thể v.v... là những phương cách để nâng cao loại nhạc này. Tôi không đề cập đến loại ca nhạc hiện có ở Việt Nam (có thể xem như là nhạc « variété » tây phương) vì nó đã được bành trướng rộng rãi, nhưng không vì thế mà không đề ý đến và nâng đỡ thêm vào. Sở dĩ Nhật Bản có nền văn hóa hiện đại rực rỡ là nhờ sự sáng suốt của chính quyền dưới thời Minh Trị. Nước ta có nhiều người có khả năng, nhìn chung dân ta là một dân tộc có năng khiếu về nghệ thuật, nhưng ta không có một nền văn hóa hiện đại huy hoàng chỉ vì thiếu sự điều khiển và tổ chức quốc gia. Tôi không mong gì hơn là khuyết điểm này được bổ túc.

tôn thất tiết

HUY TƯỞNG

satori

Chim hiện về tắt trăng
Đêm thu vui dưới tuyết
Biển cấm vỡ mây ngàn
Cười bông hoa rất nhỏ
Cười bông hoa rất nhỏ
Tôi hát lời vô âm.

đuôi mộng

Trăng khuya ngồi tĩnh tọa
Hai chân khép nụ cười
Ồ, đôi chim áo cũ
tìm cánh mộng xuống đời.

Ồ, đường chim áo cũ.
nỡ nhận chìm tôi trên biển xanh ?

vạn pháp

Những giọt sương
Giọt sương,
tôi ngồi trong giọt sương

roi từ hiên vạn pháp.

ngã đề

Đi về trên dấu chân

tháng ngày tan dấu chân

Tôi nằm khóc mỗi lần biển vọng

Tuy nhiên,

ba la mật

Đập vỡ hạt ngô đồng

tim không ra mùa hạ

Gió hú miền hư không,

Bạt ngàn hồn chim ngủ.

tâm tưởng

Đôi mắt đã mù

Ngậm ba giờ khuya vô tận

Hai chân mở thành con lộ vắng.

Em đưa anh về đâu ?

huy tưởng

DUTỬ LÊ

trên đường bay trí tưởng

Lau khô mình mẩy, tôi ngồi vào bàn học. Mưa vẫn bay ngang khung sổ mở. Gió đập tả tơi những chiếc lá vú sữa đốm vàng. Đọc đường về tôi hối hả bao nhiêu với cái lạnh bên ngoài và nôn nóng bên trong, thêm chiếc ghế ngồi, cần chiếc bàn, để viết một cái gì đó, cho Cụ hoặc cho Du. Buổi chiều lang thang trong cơn mưa với những lời xỉ nhục của Khăn còn đọng nguyên trong tâm hồn tôi. Như hơi ẩm của những cơn mưa tiếp, tiếp vẫn còn lẫn quất đầy trong khoảng không gian hạn hẹp này. Óc tôi trống lốc, ngay khi vừa ngồi vào chỗ, ngay ngắn và cầm bút lên. Cái trống lốc tưởng chừng có thể nghe được cả tiếng hú của gió mỗi lần hút qua. Hãy để nó chứng minh. Nó đã lừa dối mây, mây biết không, đồ con gái mất nết. Nó đã lừa dối mây... Chàng đã lừa dối tôi ? Trời. Nếu quả thế. Nếu đúng vậy. Làm sao tôi sống. Tôi không thể sống được nữa. Tôi sẽ chết. Tôi phải chết. Hạnh phúc như ngọn dao. Tôi đã tự tay đâm thấu ngực mình. Tôi sẽ chết, không, tôi không thể sống nữa. Tôi sẽ chết, ngay khi tôi rút ngọn dao kia ra trả lại cho chàng. Đấy. Hạnh phúc anh đã mong cầu đem đến cho em. Em không muốn giữ nó nữa. Em trả anh để anh có thể lập lại cuộc chơi, từ đầu, với một người con gái nào khác. Giây phút ánh sáng chói lòa đời em đã tắt. Em đã đóng một vai trò của một kẻ tình si với tất cả tâm hồn em, trái tim em, hơi thở em. Ngay đến những sợi tóc trên đầu, những tế bào trên mặt nơi da thịt em chúng cũng đã cùng em, đắm chìm, cùng em ngây ngất, cùng em đắm địa xúc cảm. Cái xúc cảm thần kỳ của những phút lãng quên một kiếp. Em không còn gì để cho anh nữa, và anh, anh cũng đã đóng trọn vai trò của anh (điểm khác biệt duy nhất giữa chúng ta, nếu quả như lời Khăn nói, thì anh là một kịch sĩ. Anh đóng kịch một vở kịch đời, còn em thì em sống trong một khung cảnh của

một đời riêng). Nhưng, anh, anh hiểu không? Em đã đi tìm anh. Em đã đi tìm anh, giữa lúc mà con sốt còn làm em loạng choạng trong từng bước ngắn, giữa lúc mà con ho không ngừng nẩy bật ngực em. Em đã tìm anh, tìm anh. Anh hiểu không, sự kiện đó, như một chỗi nhận tất cả mọi tổ cáo, mọi kết án. Em đã mong gặp anh. Em cần đến anh hơn bao giờ hết. Em cần, cần lắm những lời trấn an, cần, cần lắm, bàn tay anh, hơi hướm quen thuộc của anh, tia mắt nhìn nụ cười thoáng. Em cần, cần lắm ngay đến cả những giải khỏi bay lên giữa hai ngón tay anh sờn sùi. Em muốn một vỗ về, một an ủi. Em muốn nương vào đó, tựa vào đó, em tiếp tục đánh lừa chính em để còn được sống. Trời ơi. Tôi nào đã muốn chết. Không. Tôi còn tha thiết lắm, đời sống này (Dù đời sống tôi thường xuyên bất trắc, bản khuất kinh hoàng). Chúng ta sống không bắt kịp hôm nay, nhưng lại luôn phông chờ đợi về phía trước.

Những ý nghĩ trên (anh đừng vội buồn, đừng vội mắng la em) em chỉ mới có, mới có ngay vừa xong đó thôi. (Ngay lúc mà em bảo với anh rằng, đầu óc em trống lốc, và mưa thì vẫn còn bay ngoài khuôn sò mờ). Em cũng không hiểu đầu óc em nó ra làm sao nữa. Lúc nào nó cũng ập đầy mâu thuẫn. Những mâu thuẫn, những dẫn vật kéo gập người em xuống...

Ba tôi thường bảo, tôi thuộc loại viễn mơ. Trong khi mẹ tôi thì ví von hơn, bà cụ bảo tôi là người ở trên cung trăng. (Đến hôm nay, thì người ta đã chính thức đặt chân lên nguyệt cầu, và kết quả đầu tiên ghi nhận được là nguyệt cầu không có con người hay ít ra một động vật tương tự. Tôi không hiểu rồi mẹ tôi sẽ ví tôi là người ở đầu nữa.) Nhưng ở đầu thì trước sau gì, tôi cũng vẫn là tôi. Tôi viễn mơ. Có thể lắm chứ. Bởi tôi, tôi sống bằng đôi mắt mù thời đại (tôi muốn nói tôi đời đời sống được bằng qua hiện vật và tất cả chỉ có hiện vật là giá trị mà thôi, ngoại giả, đều không đáng đếm xỉa), tôi sống bằng đôi mắt mù thời đại, để tâm linh tôi mở, để trái tim tôi sáng, để hơi thở tôi trong, để tôi về được gần hơn đời tôi. Nhìn thấy gần hơn dù có thể mong manh khuôn mặt mình. Thật không gì buồn thảm bằng, khi ba tôi chán nản, thấy tôi vượt ra ngoài ý muốn hướng dẫn của người, về một đời sống thấy trước. Người đã chán nản, khoát tay: «thôi, chúng mày cứ sống đi, rồi đến một tuổi nào đó, chúng mày sẽ khác. Chúng mày sẽ tỉnh ngộ». Tôi hiểu cử chỉ kia, lời nói kia, như một thú

nhận bất lực của ba tôi. Nhưng, nếu ba tôi cũng nghĩ như tôi rằng mỗi kẻ chỉ có một đời để sống, cũng như chỉ có một đời để hủy hoại, chúng ta không có cái thứ hai để sửa lại. Cũng như tình yêu, nó không bao giờ có pho bản. Bắt đầu để đợi chờ chấm dứt, hoặc chạy trốn sự khởi đầu đó, để khỏi có tận tuyệt, thế thôi. Khi tình yêu đến với một người, đó chính là lúc cuộc đời kẻ đó, hé mở cánh cửa lớn của trọn kiếp. Những bước chân khởi đi này, là những bước chân sẽ dẫn về chung cuộc. Hoặc vỡ tan vụn mảnh. Hoặc lung linh kết khối ngọc trai. Hoặc phút giây địa ngục. Hoặc vĩnh viễn thiên đường. Tôi nghĩ thế. Tôi không có gì để khác. Tôi chỉ có một đời. Tôi không sẵn sàng pho bản? Chỉ một lần. Và mãi mãi. Tôi nghĩ thế (hay đó chính là tôi.) Chắc người sẽ không nói vậy.

Cầm bút lên, tôi loay hoay không biết viết gì cho ai? cho Cụ hay cho Du. Chàng thì quá xa xôi (xa xôi đến đời nhiều lúc tôi có cảm tưởng như mình đã vượt mất chàng, vượt mất tình yêu, vượt mất nguyên nguyên đời sống của mình). Còn Du, Du đâu đã hiểu gì. Phải rồi, Du còn bé quá. Dẫu sao thì Du cũng vẫn là chiếc phao cuối cùng cứu tôi khỏi ngộp chìm trong những giây phút tận cùng tuyệt vọng.

A, phải chăng tôi chưa nói gì về Du. Chưa nói gì về Du làm sao các người biết Du được nhỉ. Ồ, chú Du của tôi tuyệt vời lắm. Tuyệt vời trên tri tưởng tượng của các người nhiều. Này nhé, Du là một chú bé có đôi mắt giống tôi ghê gớm (đôi mắt tôi vẫn được mọi người coi như to và long lanh nhấp nháy. Ấy vậy mà chàng cứ gọi đó là hai giọt mưa lớn. Hai giọt mưa, lúc nào cũng chỉ chực chờ rơi xuống). Tóc Du cũng đen và mềm óng. Các người biết không, tôi đã nuôi Du bằng sữa bò đó. Chả là vì tôi gầy ốm quá đi, sữa tôi đâu có bao nhiêu, làm sao Du bú đủ. Ngay hồi trong tháng, chú ta đã bú không đủ no rồi, huống hơn chỉ giờ này. Vậy chứ, chú Du của tôi phục phịch lắm. Tay, chân, đầu, cổ, chỗ nào cũng ngắn là ngắn. Bà nội Du phải khen tôi là mát tay nuôi trẻ đó. Nhưng có điều, tôi nghĩ, Du không được mẹ tôi thương yêu bằng con của các anh, các chị tôi. Thực ra thì Du vô tội. Du hoàn toàn vô tội phải thế không các người. Nhưng mẹ tôi không mấy ưa chàng. Chúng tôi lấy nhau, ngoài mong muốn của mẹ tôi. Và Du là kết quả cụ thể của một cuộc tình cay đắng kéo dài suốt bốn năm trời. Bù vào tôi

lại yêu Du nhiều hơn nữa. Những ngày tháng gần đây, phải thú thực rằng tôi sống được nhờ Du. Mỗi khi ôm Du vào lòng, dù nước mắt tôi có tràn ra, dù rằng tôi cố nghiêng lại, để nghiêng tan cơn ngao nghén tiếp chân nhau dềnh dàng trong cổ tôi, tôi vẫn cảm thấy muốn sống và tha thiết sống. Tôi đã nghĩ rằng đâu thế nào thì tôi cũng sẽ vẫn sống, vì con tôi. Vì Du. Tôi không thể chết được. Hay một cách khác, tôi không thể bỏ con tôi. Tôi không thể chết mà con tôi còn sống. Du, con. Niềm mơ ước âm thầm bao năm của đời mẹ ải đây, cay cực.

Ngày xưa, khi chưa có Du, tôi chỉ ý niệm một cách mơ hồ về tình mẫu tử. Tôi không thể có những đêm trằn trọc lẫn trở trong niềm sung sướng dị kỳ khi nghĩ đến con, khi ngắm nhìn con tôi no mắt ngủ. Hai cánh môi au đỏ như một búp lá non. Đôi cánh mũi tí hon phập phồng theo hơi thở của trái tim bé tẹo. Ôi sung sướng, mê man biết là bao khi ôm chú ta vào lòng, khi bàn tay sữa ngu ngơ quờ quờ trên mặt tôi và tiếng khóc bi ba không thành tiếng. Cũng có những đêm tôi phải chống vưng đôi mắt quầng thâm vì Du đau. Những đêm tôi muốn hét to cho vỡ toang lồng ngực, tôi muốn quỳ lạy, khẩn cầu bất cứ ai, vật gì, làm sao cho con tôi ngừng bật tiếng khóc, dừng lại con ho. Trong khi chàng, chàng vẫn xa xôi như chưa từng một lần gần gũi.

Nghĩ đến Du, tôi lại nghe máu rộn rã, rần rật chạy đi khắp thân thể. Người tôi lại bừng bừng một sức sống mãnh liệt. Thần trí tôi lại thẳng căng những sợi giây hạnh phúc, ngát ngát một mùi hương êm dịu, lẫn cùng tiếng nhả nhạc (những thanh âm nhả nhót ngân ngán một trời hy vọng). Và tự lúc nào, tôi đặt bút xuống, viết những giòng bởi hồi tâm sự cho con tôi...

Chiều hôm qua mẹ đi kiểm bố, không thấy xe ở P.. Buồn quá, đi lang thang cùng khắp, qua một cửa hàng thấy có một con thỏ cao su to và dễ thương ghê lắm, mẹ nghĩ ngay đến Du, mẹ nghĩ phải chi mẹ có đủ tiền trong ví mẹ sẽ mua ngay cho Du chơi. Cứ tưởng tượng tới lúc Du ôm con thỏ đó mà ngủ, mẹ đã thấy thương Du quá đi. Con thỏ to cao gần bằng mẹ lận, chắc Du có thể nằm lọt vào trong hai tay nó. Mẹ ghét Du lắm. Du biết không. Lang thang đến Crystal, nhớ lúc cùng đi mua kính, bố Du để xe bên kia đường, chỗ sát cái hàng rào cây ấy mà Du, lúc bố dắt mẹ bằng

ngang đường ngắn, trưa chói lòa làm mắt bố nheo nheo, mẹ lại càng nhất định phải mua kính cho bằng được. Mẹ đã chọn một cái kính giống hệt kính của mẹ, chỉ khác là kính đàn ông nên cái gọng kính ở phía trên thay vì ở giữa khung như kính của mẹ. Du biết không, mẹ chọn kính cho bố mang, bị mọi người chê quá chừng đó. Họ bảo bố mang kính giống con gái. Mẹ thì mẹ chỉ thấy mặt bố trông hiền thật là hiền. Nhưng có lẽ vì trông hiền quá, hóa cho nên giống con gái há Du, Mẹ biết, bố mang kính đó vì chiều mẹ đó thôi. Chứ thật bụng, chắc bố mắc cỡ lắm. Mẹ cứ nghĩ lúc đeo kính vào, bố phải « gồng » người lên, là mẹ đã muốn cười ngặt nghẽo rồi. Bởi vậy mỗi khi thấy bố mang kính, mẹ lại ghét bố ghê là. Mẹ ghét thiệt đó. Mẹ không có thương bố đâu. Du có thương thì Du thương một mình Du đi. Nói vậy chứ, mai mốt thi xong, mẹ sẽ kiếm tiền mua cho bố một cái khác. Lần này, mẹ sẽ chọn thật kỹ. Còn cái này, cất đi, để dành đến lúc Du lớn mẹ sẽ cho Du đeo, để xem Du có giống con gái không. Không biết tới chừng đó, Du có cười muốn vỡ bụng như mẹ mỗi lúc trông thấy kính của ngoại ngày xưa không. Mà không cười sao được Du nhỉ, vì kính của ngoại tròn vo và to bằng đồng cắc hai mươi của mình bây giờ, mà thôi, màu của nó đen thui, gọng mảnh và có vân như đồi mồi ấy. Mỗi lúc soan lại vật dụng ngày xưa ngày xưa, mẹ lại chộp lấy nó, đeo vào mắt và chọc ngoại quá chừng. Rồi sẽ có ngày Du lại chọc mẹ của Du.

Nhắc đến ngoại mẹ hơi buồn buồn. Mẹ sợ ngoại không thương Du bằng những người cháu khác của ngoại. Ngoại không thương Du không phải tại Du không dễ thương đâu. Du dễ thương lắm. Mắt Du tròn và to nè, hai má Du như cái... cái bánh bông lan úp vào í, tóc Du (bố đâu có cho cắt, để dài bộp lên như tóc của mấy cô mấy cậu hip pi ấy) mượt ướt óng ánh như nhung đó. Múi Du đỏ và trề ra (hay nhè thấy mờ. Giống mẹ đó. Hồng có giống bố đâu). Làm sao ai ghét Du cho được. Nhưng mẹ biết ngoại không thương Du nhiều bởi một lý do ngoài Du. Bởi một điều mà mai mốt lớn lên, con sẽ hiểu rõ hơn. Ở đây, mẹ chỉ muốn nói vắn tắt là tại bố. Tại ngoại không mấy bằng lòng bố của Du. Lẽ ra, Du không thể có mặt như đã có mặt. Lẽ ra, Du mãi mãi, chỉ có trong mộng tưởng của Bố và mẹ mà thôi. Bởi ngoại không muốn cho mẹ lấy Bố. Nhưng Bố và mẹ đã cay đắng, nhịn nhục, đã bao

nhiều năm tháng, ngậm nuốt nước mắt, để giờ phút này, có Du và mẹ đang viết thư cho Du đây.

Du yêu quý của lòng mẹ đang xót xa buồn tủi.

Mấy đêm nay, mẹ lại mất ngủ. Mùa mưa tới, kéo theo sự trở về của căn bệnh xa xưa trong mẹ (có từ hồi mẹ bảy tám tuổi). Xuyên. Xuyên. Con có thể ý niệm được cơn bệnh đó ra sao không? Con cứ hãy tưởng tượng ra cảnh, một mình mẹ, ngồi trên chiếc ghế gỗ, chiếc ghế mà ngày nào, mẹ vẫn ôm con trong tay, mẹ đã cho con bú ở đó, mẹ đã ru con ngủ ở đó, mẹ đã bao nhiêu ngày tháng ngồi ở đó, ngóng trông bố đến. Mẹ đã bao lần thăm vụng trộm nước mắt khi nghĩ đến tình cảnh của bố và mẹ. Đã bao lần mẹ khóc và nước mắt của mẹ nhỏ xuống những sợi tóc sữa của con (con có thấy lạnh không? Chắc không đâu hả con. Bởi mẹ còn nhớ là những lần đó, con đã mở to đôi mắt bi nhìn mẹ và miệng cười toe toét. Cái nụ cười vô tư của con làm bối rối cả tâm hồn mẹ. Cái nụ cười đã vào sâu và bền chặt trong từng giấc mơ ngắn của mẹ). Cái ghế gỗ, nơi mẹ đã ngồi bao năm, nhìn vào vuông sân cỏ cao, giải cát ẩm chạy giữa. Dấu xe của bố đã bao lần in đậm nhưng cũng đã bao lần mờ phai, mất, lẩn. (Mẹ ngồi ở đó và kéo từng hơi thở nhọc. Mẹ không thể thở một cách bình thường được, phải rồi. Con cứ nghĩ rằng người bị bệnh xuyên là người không thể thở được. Họ phải kéo từng hơi thở ngắn một cách nặng nhọc, như khí quản, như yết hầu đã bị nhét giấy cứng nghẹt. Không khi chỉ có thể lẹt từng chút, từng chút vào phổi mà thôi. Trong khi đó thì ngực mẹ nóng ran. Toàn thân mẹ như chỉ chít những vết thương đang hồi tấy sưng. Mẹ ngồi đó. Thở. Thở. Và chung quanh, mọi người yên ngủ, Mẹ ngồi đó. Mà bố thì ở xa. Xa lắm.

Mà Du của mẹ. Con biết không, bố khổ lắm. Mẹ cũng vậy nữa.

Ông nội mất khi bố mới ba tuổi? Bà nội phải buồn bán nuôi bố và các bác của con ăn học, chiến tranh đã làm nội mất tất cả mọi nguồn lợi ở quê nhà. Ruộng không có người cấy rẽ, lò gạch bị trúng bom bỏ hoang, đầm thả cá không ai dám lai vãng. Ba dãy nhà bỏ không. Nội đưa bố Du và các bác lên Hà Nội với hai bàn tay trắng. Rồi đi cư. Rồi chiến tranh lại tái phát. Và con biết không trong một nước chiến tranh, tất cả đều trở thành « tài nguyên của quốc gia », kể cả con người. Bố của Du cũng là một thứ tài nguyên của nhà nước. Nghĩa là đến tuổi phải đi lính, phải cầm súng. Phải bắn nhau. Không cầm súng là không yêu nước... mà

thôi. Nói làm gì chuyện đó, mai mốt, Du lớn lên, Du sẽ hiểu tất cả sự thực, vì biết đâu, ngày đó, Du của mẹ sẽ chẳng lại là Bố hôm nay. Lại cầm súng. Lại bắn nhau. Đã bao nhiêu đời rồi, như thế.

A. Đề mẹ kể tiếp chuyện mẹ đi kiếm Bố cho Du nghe nha. Mẹ nói lảng nhảng quá hả.

Nào. Mẹ đi vào kem Thương Xá, lòng vòng dưới nhà rồi mẹ lại lên hầm. Bức tượng của bác M.C đặt ở chân cầu thang làm mẹ nghĩ đến Bố. (Nghĩ đến bố thì mẹ lại bủn rủn tay chân). Mẹ nhìn vào hình người há miệng thiếu não ở giữa rồi quay sang nói, như có bố ở bên cạnh): « không biết chú Du của mình, khi đói có méo xệch miệng đi như vậy không? » Nói rồi mẹ mới sực tỉnh thấy mình đang tro vợ có một mình, mẹ bàng hoàng cả người. Du ơi. Mẹ nhớ bố quá, Du có cách nào đem bố đến cho mẹ không? Mẹ lại muốn khóc. Du có thương mẹ không, Du?

Mẹ đứng dựa tường, nhìn những người đi chuyển phía dưới nhỏ xiu, bỗng mẹ nghĩ đứng ở trên cao này, rồi bố chạy ngang, có thấy, mẹ cũng đau kêu kíp. Chỉ bằng xuống nhà... Lại trở xuống. Đứng bên lề đường. Rồi băng ngang qua bên kia lộ. Thôi. Trở lại P, một lần nữa vậy, với hy vọng mong manh sẽ gặp được bố.

Du đừng nóng biết kết quả, cứ từ từ, mẹ kể cho có đầu có đuôi, Du nghe. Khi mẹ trở lại gần P, thì gió bắt đầu thổi mạnh. Lúc qua ngã tư, gió đã hất tung hai vạt áo của mẹ lên cao và người mẹ như muốn dạt đi. Mẹ tủi thân quá. Nghĩ sao bố lại có thể bỏ mẹ lang thang đến thế này được nhỉ? Đến P, vẫn không thấy bóng dáng bố đâu. Đang đứng lơ ngơ, gió đập gầy một cành cây rơi xuống, xẹt ngang đầu mẹ. Mẹ vội tấp vào một mái hiên và phân vân nửa muốn đứng đợi bố, nửa lại lo cơn mưa đang dày đặc kéo đến. Lúc ấy, mẹ bắt đầu cảm thấy gai lạnh khắp người. Nước mắt ị ị kèm nhèm, vừa lúc bác Nguyễn ở đầu trời tới, mẹ mừng quá vì nghĩ ít ra, cũng có thể chuyển lá thư tới tay bố. Khi đưa lá thư cho bác Nguyễn, mẹ mới nhận ra là mẹ đã quên bỏ thư vào phong bì. Bác Nguyễn nhìn vẻ co ro của mẹ bằng con mắt ái ngại. Mẹ không muốn ai nhìn mẹ như vậy hết, nên mẹ vội vã chào bác ấy rồi băng qua đường như chạy trốn một điều gì nhục nhã. Gió to làm xe mẹ chao nghiêng. Mẹ lại nghĩ và thăm ao ước, bố đến với mẹ ngay lúc đó. Ngay lúc đó, bố sẽ ôm mẹ trong tay. Mẹ muốn được gục đầu vào ngực bố và khóc một hơi cho thỏa. Nhưng... Nước mắt mẹ ở đâu lại trào ra, khi nhớ đến muôn ngàn lời mai mả.

Còn gì. Còn gì nữa đâu con người em, tự ái của em. Anh yêu, Mẹ thương kính của con đời đời, mẹ có nghe lời anh con nhểc móc con không? Lẽ ra mẹ nên thương con nhiều hơn là mẹ không tiếc lời mắng con bất hiếu. Con lạy mẹ. Mẹ đừng gọi con bằng «mày», mẹ đừng xưng «tao» với con. Mẹ đừng bưng bát cơm lên rồi chợt nhìn thấy con, mẹ lại buông đũa, mẹ lại bỏ bát. Mẹ làm thế con nào có chịu nổi. Mẹ đừng tiếp tục trò chơi phân thây con nữa. Con yếu đuối, con gầy còm quá, mẹ biết vậy mà. Sao mẹ nữ đành nhẫn tâm đến thế với con. Mẹ đừng xô dòn con đến bên bờ vực. Con không thể bỏ mẹ theo người con yêu, nhưng ngược lại, cả trăm lần, cả một đời con, con cũng không thể bỏ người con đã yêu thương. Chắc rồi con sẽ chọn một giải pháp thứ ba. Buồn lắm quá đi mất thôi. Con nào muốn làm đồ bất hiếu, bất mục.

Tôi viết miên man, tới lúc mỏi tay quá, ngừng, nghỉ, liếc nhìn một đoạn, mới thấy, trong cơn say sưa, tôi đã viết cả cho Cụ, cả cho mẹ tôi, chung trong lá thư cho Du. Tôi vội xé phần thừa đó, vò nát vứt qua cửa sổ, xong tôi gấp lá thư, bỏ cẩn thận vào phong bì.

Lúc cầm bút, theo thói quen, định đề địa chỉ, tôi mới thực sự bước ra khỏi cơn mê sảng. Du, Lê Thụy Du. Con ở đâu. Ôi con tôi. Cho đến phút này, vẫn chỉ có trong trí tưởng hôn mê và ước mơ điếng điếc. Chung quanh tôi vẫn không có gì hơn, ngoài những lời xỉ nhục, bêu riếu. Chàng vẫn mặt mù, và mưa, vẫn bên ngoài khuôn sở.

du tử lê

TỪ THỂ MỘNG

Phan thiết, nhìn trên đỉnh cao

buổi sáng non tươi và rất nhẹ
nhấp nhồm trăm nghìn năm mộ xanh

bát ngát trời xa, một núi xa
sương len từng lớp mỏng như ngà
tà-dôn, một vút xanh sừng sững
mường-mán cong mình êm ái ra

biển rộng và xanh và sáng láng
đáng buồn như đáng lá me bay
mơ xa một dải hồng phe phất
mũi né hồng xa mờ chân mây

cây cao lúp xúp cây mù xanh
lớp lớp che im khuất mặt thành
phan-thiết nhìn lên, mây vút xuống
château-d'eau hồng ngọn đỏ chênh vênh

tôi rời nắng mới tôi đi xuống
nghĩa địa bay bay mùi cỏ non

từ-thề-mộng

NGUY NGỮ

cho ngày còn phương xa

Số nhà 12. Đường TB. Quán cơm PL. Bờ đất bên lề đường vun cao, chúi xuống. Cây trụ đèn bằng ciment lam nham đen thâm đứng sát trước hiên. Chiếc bóng điện đã hỏng, có lẽ từ lâu lắm rồi. Giữa chóa đèn rét cău, mạng nhện giăng chồng lên nhau dày kín. Khoảng thêm ngẩn, sỏi đất và rác rưởi. Khung cửa sổ kéo màn xanh. Tất cả đang yên tĩnh, lừ nhừ. Chợt tiếng hát từ chiếc máy đầu đó đặt sau tủ lạnh phát ra tru tréo, lín lín lín... Một người lính cầm tấm xĩa răng từ dưới nhà bếp đi lên la lớn đẹp đi đẹp đi ồn lăm lăm. Mẹ lính hoài. Tiếng cười rộn vui bên khung cửa. Hồng lấy nắm đũa trong ống lựa từng đôi tương đối thẳng, ít so le, chia ra chung quanh. Nhon, Thu, Trung im lặng lau chén đĩa, gấp ớt tươi, lấy muống xé nhỏ. Mười trái. Mười trái mỗi bữa, ăn cho đúng cỡ, ăn để giữ tác phong dân Huế. Ông chủ ơi cho thêm ớt, tôi mới tám trái thôi nì. Vàng. Người đàn ông miền bắc di cư, ốm yếu, chiếc áo bà ba đen quá khổ, một cái vỏ chai nước cam nằm nghênh miệng trong túi rộng. Đĩa ớt từ bàn trước bỏ không được mang lại. Ớt mọi, trái nhỏ và cay nồng. Một trái nữa thôi, thiếu một trái là phát ho liên, bệnh hoạn chi lạ lùng. Trung nói luôn miệng, chốc chốc đưa mắt nhìn quanh đám bạn dò chừng sự hưởng ứng. Thu và Hồng vẫn im lặng. Nhon cười, thoáng miến cưỡng. Ngoài kia, sau bờ đất con đường nhựa vắng tanh. Bên kia đường những quán ăn, quán gỗ, tạp hóa, lợp tôn sét xám thấp lụp chụm chũu xuống với nắng ngả chiều. Sau dãy nhà, vườn cây rậm rạp, hoa điệp nở vàng trên cao. Một cơn gió nào đó, vài cánh hoa bay, loảng vào nắng, mất tích. Đĩa nhạc đã đổi. Một khúc hát khác. Tiền chiến, ướt sũng. Thu đi cho lá vàng... Trung bật cười hề hề nói to ;

— Tề, lá đồ muôn chiều, thêm tội cho con chị Kinh, không biết chừ có răng không ? Thu bỏ muống gác vào miệng chèn ngược nhìn hàm răng kiến trúc lộn xộn trắng đen lồi lõm của Trung và cười theo bạn. Nhon lắc đầu.

— Nham nhờ vừa vừa đó Trung.

Những món ăn được lần lượt bung đến. Thịt gà chiên, rau sống, đậu hủ kho, cá, canh phở. Những lá hành cắt ngắn sóng sánh. Người thiếu phụ lặng lẽ, khuôn mặt cúi, mái tóc buông trễ, đôi mắt như không bao giờ nhìn vào ai. Người con đầu lòng của ông bà chủ. Người đàn bà của tiếng hát ru con theo điệu miền bắc, lạnh lẽo thâm thiết, ngày nào mới đến, quán lạ ngồi nghe ngẩn ngơ : ai về ai ở mặc ai, thiếp như dầu đượm thấp hoài năm canh. Những ngón tay xanh buốt, mang đến từng món, đặt vào, rồi ra, bỏ đi âm thầm như một nỗi nín thình lâu ngày thành hình. Anh ấy chết ở Đồng Hà, gần vĩ tuyến. Lời tâm sự vẫn tắt từ những ngày đầu, vời Nhon, khi biết hẳn ở Quảng Trị. Anh ấy. Tấm ảnh lồng kiếng treo phía trên cửa sổ ngó xuống, san sát với những tấm hình cắt ra từ báo Mỹ, báo Việt, Thế giới tự do, thế giới hạnh phúc gì đó đủ kiểu cười, đủ bộ làm dáng phơi vù bày mông. Nhon kéo tấm màn cầm đũa trông ra đường, trông về cuối phố. Sương mù đã che trắng cả Núi Lớn, cuối dãy phố cao, bên kia đồn điền C.V... Không còn gì hết. Mù trắng, hư không.

— A, thăng Tàng.

Tàng. Tàng mặc cái áo toai ngắn rộng xù xì, dưới lai có dây kéo cột thắt lại, mũ áo bỏ ngược ra sau, hai tay nhét trong túi, đầu trần mái tóc dài và những bết bùn đất trên gấu quần, đôi dày đinh bạc thếch. Tàng đi chậm chạp qua đường, chum môi huyết sáo, vào quán.

— Hiện nguy nữa, làm chi chừ mới bỏ lên ?

Tàng gật đầu kéo ghế ngồi xuống giữa Nhon và Thu.

— Bà chủ ơi, cho thêm phần ăn.

— Răng chừ mới về ?

— Chắc nghe lá đồ muôn chiều bỏ lên chớ chi.

Tiếng cười vui. Những đôi đũa vừa cầm lên chưa kịp nhúng vào thức ăn được đặt trở xuống, đợi chờ. Thêm một người ? Dạ, thêm một người. À, chào thầy, thầy vừa về à ? Vàng. Thầy. Tàng bật cười nói nhỏ mắt mũi đầu tội nghiệp, áo này mà cứ ngỡ blouson trắng hoài, thầy thầy. Bà chủ hình như nghe được, quay đi.

Thu làm bữa nhai theo một câu thường trực hừng nghe mỗi khi ăn trễ, giới ôi, chúng con đổi mấy thầy cơm nguội cả năn hết, sặc mấy thầy muốn quá, chịu phiền. Tảng cười lau đĩa gấp một miếng rau ngó lên tấm ảnh, hỏi trung úy à. Khuôn mặt bạc ủa lơ mờ, đôi mắt dờ dại, cổ áo trăn lớn, hai cái bóng mai đen mỗi bên nổi tì như nét chấm vụng, có bàn tay chăm nom tô đậm lại mỗi ngày. Cờ đại úy chứ gì? Nhơn bỏ ớt vào đĩa cho Tảng nói nhỏ hững hờ, có lẽ.

Quán càng lâu càng đông khách. Những khuôn mặt quen thuộc của mỗi ngày. Đám học trò trường cao đẳng xa nhà, bọn Nhơn Thu và một số đồng dân các tỉnh vùng ngoài đi dạy học, làm công chức, còn đọc thân, thêm vào mấy người tài xế xe vận tải không về Sài Gòn kịp. Hiếm hoi lắm mới có vài chuyến xe kẹt, khách lạ đổ xuống thay đổi không khí bình thường. Nắng ngoài kia trở nhạt dần sương mù từ vùng núi non đèo dốc miệt dưới lừ đừ kéo lên, che nhòa cả khoảng đầu phố, những căn nhà hai tầng vươn cao lơ mờ, khu dân Tàu, xóa trắng đồn điền C.V., mất tích đáng ngọn Núi Lớn. Núi Lớn. Một danh từ riêng. Một cái tên Nhơn đặt từ ngày mới đến. Lớn vì cao lớn hơn những ngọn đồi chung quanh. Cây mọc rậm kín trên đỉnh, dưới chân những bãi cỏ non xanh biếc nối dài vào các đồi trà thấp. Cái tên và nỗi ngỡ ngàng vui của Tảng ngày nào ôm xách bước xuống khỏi xe đưa tay chỉ hỏi. Sương đã mù hết cỏ non và cây già. Sương từ đèo vẫn từng đợt kéo lên như không bao giờ hết, pha đặc dần không gian. Tôi lên đây từ đó. Bốn giờ rưỡi chiều, chút nắng còn lại vương nhạt trên đồi. Mặc thêm cái áo len, cái áo mưa, một mình xuống dốc đứng tựa vào cây mít khô hút nhiều điếu thuốc đón được chuyến xe tải cuối cùng trèo lên trần ngời ngập nghiêc giữa gió lộng, chạy rút trước sương mù, đến đây, ngồi vào bàn cầm đĩa nhai từng miếng cơm. Đêm và sương mù trắng đợi chờ dưới đó. Đồi 20. Đêm, những bếp sừng lửa giữa khoảng sân đồn trũng thấp, những khuôn mặt lem nhem, tiếng hát bị bỏ của thằng K'Sút thượng sĩ, 24 năm lính, một khúc hát nhiều ngày: đèo cao ta trèo đèo cao. Đêm những trái sáng trên hàng rào phòng tuyến, tiếng cú đêm nhịp bên bờ Oiseaux. Đêm chỗ ngồi vắng tôi, sương len vào lỗ châu mai, trên chỗ nằm trống, chiếc chiếu trải lệch thông chầm xuống nền trại ẩm ướt đầy tàn thuốc lá và que diêm, tấm chăn đơn ún đống, ngọn đèn không

được thấp sáng. Nhờ tới ngọn đèn dầu hỏa u ám, cái bóng câu khôi, đồng chân nhàu hơi mốc, tiếng cú đêm nhịp như tiếng mõ, không có lời kinh đệm theo, cách từng khoảng dài hút ghê rợn, những khuya khoắt nằm im lặng mờ mắt một mình, Tảng chán nản lắc đầu vuốt hất nắm tóc lòa xòa trước trán, quay qua hỏi Nhơn:

— Hai hôm ni rằng, có thư từ chi không?

— Khỏi lo. Chuyện mò còn đó. Ăn uống đi cại đã.

Bữa cơm gần xong, người thiếu phụ mang đĩa chuối đến. Chuối lạnh à chị? Vàng. Đôi mắt ngược nhìn nhanh, cúi xuống, tiếng trả lời thấp xa khoảng vài áo lệnh dềnh trên đôi vú còn mùa căng sữa, bước chân trần không gây tiếng động. Bóng tối bắt đầu trải trên nền nhà. Đám khách vẫn từng bàn riêng tư chuyện trò thăm thi. Ngọn đèn măng sông đã được thấp sáng; từ nhà sau mang ra, treo lên cái móc sắt buông thõng giữa trần nhà chao đưa nhẹ. Người đàn ông treo đèn xong, bước xuống khỏi ghế, hai tay vẫn đưa ra như đợi hứng đỡ một cái gì đó sắp rơi xuống giữa chiều lắt lay, khuôn mặt nhem và chiếc bóng vẽ dài lao đao trên tường trắng.

Tảng gác đĩa lên ngang chén, lấy khăn lau miệng.

— Thôi, sang phần tiếp theo cho rồi, Nhơn.

— Ờ, thì lải rải. Nhơn nói, quay lại vầy đưa nhỏ bảo mang nước uống và thò tay vào túi áo khoác móc sau thành ghế lấy ra mấy cái thư. Trung hai cái, Nhơn một, Tảng một. Tảng cầm huy hiệu in trên góc phải bì thư. Thư từ trường linh Thủ Đức. Của ai rứa? Quảng. Tảng chậm chạp xé bì kéo thư ra. Ba tờ pelure đầy đặc chữ. KBC 4100, ngày tháng năm Tảng thân. Tảng coi thoảng qua rồi gấp lại. Về nhà đọc. Một tờ bị lật ngửa. Tờ thứ ba. Đoạn cuối lá thư và chữ ký dài ngoằn «...nhờ mày cũng đủ. Mai mốt lại ký sỏ, lại vay mượn, rồi đến cuối tháng lại tình trạng này, diễn lui diễn tới, phát bực, mà biết rằng hơn chừ. Thằng Tuyến đợi hoài vẫn chưa thấy khóa học, cứ ăn nằm đến mục xương rồi đi long rong và sỏ cơm trên mụ Tư Huyết đã ký tới 7.500 đồng vẫn chưa biết bới mò ra đề thanh toán đây, chừ thì chỉ biết mong mandat ngoài Huế và Nha Trang vào. Thật là mệt. Mệt mà cũng dễ cười nữa. Tao thì không còn gì hơn những ngày ra phép, kéo Tuyến đi long rong rồi mò về đây (nhà anh Khâm, căn gác xép eo ọp ở đường Nguyễn Thông mày còn nhớ?). Hai đứa ôm nhau nhắc đến chuyện Huế và ngó ra con đường

sắt đầy phân người. Khi mô ngó con đường sắt tao cũng nghĩ không biết tới rằng chừ mới có một chuyến tàu, tao sẽ bắt đầu ở đây, căn nhà này, khăn gói, rong chơi. Thế là tốt quá phải không. Tốt và lắm lắm không thua chi mày. Càng lâu càng lây bệnh rồi đó. Thôi nghe, Nhớ viết thư đều cho tao. Trông lắm. A Dừng vẫn mù tăm.

Tăng gấp lại, uống một ngụm nước nóng, đốt thuốc hút. A Dừng là một cái tên. Hồng A Dừng. Con gái Tàu. Dân của một chủng tộc mà Tăng ghét.

Không biết trắng lên từ bao giờ. Khung trời trắng nhòa như sữa ong. Đường phố thăm thẳm trong sương, những ánh đèn cách khoảng, những tiếng động nhập nhòa. Năm đưa đi sát vào nhau. Ngang qua quán sách Thu tạt vào mua tờ nhật báo đứng đọc một lúc dưới mái hiên trở ra nói trống:

- Rửa chắc chi đầu tháng 8 cũng thành linh rồi.
- Có thông cáo à?
- Ủ, ngày 15 hết hạn trình diện.
- Thôi ăn chung chi, 9 tuần lại trở về, hít đất hít đai vài hôm cho biết.
- Có tin chi vụ Midway không?

Đọc theo hiên dãy phố thấp, những lò lửa quạt hồng nường bấp trái dưới ánh đèn. Nhon đứng lại đề nghị, ăn bắp hèo. Hèo. Tiếng Hồng cười nói nhại theo, và móc túi quần kéo ra một nắm bạc kềm, mình còn năm mươi đồng hèo. Năm mươi đồng mấy trái? Dạ 6 trái. Thôi 6 trái khó chia cái cạ nhau lớn tiếng vô ích, trả lui trái đi, 40 đồng, 5 trái. Ê, đưa tao trái lớn nhất dài nhất đó, kẻo phát minh mà. Rửa, dành nhau cho đã đời đi, còn trái mô ít hột nhất đưa tao. Ủ, mày nhức răng. Con đường chẻ hai ra, một vẫn chạy thẳng, một nối xuống công trường giữa hai bờ lan can quét vôi trắng nổi rõ trên lớp cỏ tối bằng qua lòng hồ. Đứng đầu đường, trong sương mù, trông về phía xa như một cây cầu dài chùng với những ngọn đèn xe lao thoát chóng mặt. Hồng nói một câu quen tai: hòa bình rồi nơi đây phồn thịnh lắm. Cả bọn tụ lại ngồi lên lan can trông xuống hồ. Ngôi nhà lục giác lù mù trên mặt nước tối bóng đêm. Đâu đó, gần ngôi nhà, một cái ngọ môn làm theo kiểu Nhật bản, hư cũ, tả tơi, hàng chữ tung hô không toàn vẹn. Hàng chữ đập vào nổi

rã rời một mối của những ngày đầu tiên quanh quẩn một mình. Han ô nên đi nhi cộn hà. Ngôn ngữ, chữ nghĩa của một chủng tộc ngọng, một bộ lạc cụt lưỡi. Thu thường khôi hài thế. Trên bờ hồ, phía đầu múi cầu bắt ra nhà lục giác, một ngôi nhà lớn, cửa kính, nhiều màu đèn sáng. Nhon nói nhỏ ngó như nhà hát lớn quá. Hồng phụ họa theo, ừ đứng đây in đứng trên cầu Trường Tiền nhìn lên, đó là nhà hát lớn, đó là thuyền trước vãn lâu Tăng cũng nhìn lên. Những con đèn lù mù xa trong sương. Khuất đầu sau mấy ngọn đồi có tiếng súng nổ nhỏ vắng lại. Những tiếng động diêm trang thị trấn. Một cái ý khá bay bướm của Thu. Mấy hạt bắp vừa rỏ ra khỏi cùi, lọt giữa kẽ tay rơi hút vào đám cỏ cao ngọn, tối bầm. Tăng cúi xuống như tìm kiếm, trông theo chiều rơi.

- Có lẽ cỡ chục năm trước ở đây toàn là rừng không.
- Ủ, rừng hết.

Một đứa con gái đi xe gắn máy Nhật ngang qua đứng lại gọi nhỏ thầy, thầy. Thu đến cười nói lí nhí một lúc trở lại rút sổ ra ghi và đọc lầm nhảm một cái tên đàn bà.

- Chi rửa, mignonne mời à.
- Không. Học trò chị gọi học trò em thi vào đệ thất.

Tăng cầm cái cùi bắp ném vút vào xóm nhà phía sau thấp trũng dưới lòng hồ cạn nước, bên này đường. Cánh tay hoa thoang vệt cùi trắng thoát đi không âm vang. Hồng đem thuốc mời hút và đưa chuyện quanh. Phải hút mỗi thằng một điếu thuốc đen mời được, gương đẹp quá. Thu bảo Nhon, coi chừng in thằng Cừ, khổ lắm đó, Cừ mồ. Cừ Pháp văn vạm vật. Cừ khổ, Cừ chơi. Cừ hút lờ một điếu salem ho luôn hai tháng, tốn gần 10 ngàn thuốc bắc. Hồng Tăng và Thu cười. Như bắt được dịp, Trung tiếp vào câu chuyện về nhân vật đó. Cừ dạy Pháp văn mà gặp thằng Tây chủ đồn điền, ghét quá không nói được, Cừ đánh bạc. Cừ ăn thịt chó nổi tiếng đến độ hẩn đi từ Sài Gòn ra Huế bằng hàng không ngang qua Nha Trang, trời xấu, phi cơ hơi hạ thấp xuống, chó đánh được hổi hẩn sủa ran lên cả thành phố. Hồng vịn vào thành cầu cười ngất ngọe. Tăng xua tay can, thôi cười mỗi miếng quá. Hầu như bất cứ lúc nào có Trung là có chuyện cười. Trung có một lối kể chuyện cuốn hút và cái óc tưởng tượng lệch lạc chấp nổi thần diệu, phá lỏng những khuôn mặt nặng trĩu, thường trực, chung quanh.

Nhon, Thu, Trung ở chung một căn nhà thuê, dạy chung trường

và trước cùng học chung một khóa sư phạm, Nhơn, viết văn, Thu toán, Trung, sửa địa. Căn nhà có 3 phòng, khá rộng, đầy đủ tiện nghi cho Hồng và Tăng lâu lâu tìm lại, nhập bọn nằm gối lên nhau tán gẫu hát cười. Hồng, công chức bị đày đi xa, đại diện cho quân đội. Tất cả đó và được thêm sự phụ họa của đám nữ sinh lại viện thăm thầy, những buổi pic-nic, những đêm ngày lo lắng cho tế đặc san mùa xuân. Vài ba khuôn mặt nổi bật lên, tách rời ra giữa đám áo tím tóc dài chân thô cười đùa riu rít đó. Mỗi khuôn mặt đặc biệt đó có một tên gọi riêng mà chung quanh không ai biết được, ngay cả đến những người mang tên: Choắt choắt, Baby, Mignonne... Choắt choắt là con của một ông chủ hàng trà, 16 tuổi học đệ tam, cái tên được Nhơn phát âm đúng theo giọng Quảng trị: choạch choạch. Thôi hết, xa rồi choạch choạch ơi. Choạch choạch ơi, con nít ơi hay mignonne ơi gì đó tùy theo từng thằng chêm đôi vào câu hát của Văn cao, lặp đi lặp lại nhiều ngày từ sau buổi đi picnic cuối tháng tư về. Và những cô bé bị mang tên, hát gọi, vẫn ngày thơ cười hát theo. Thôi hết xa rồi. Câu hát vui đùa đến một ngày trở thành sự thực, đau đớn: Mignonne xa. Đạn pháo kích vào phố, trúng ngay nhà viên cảnh sát trưởng. Mignonne nằm chen giữa đám bao cát rách đồ. Thu ngẩn ngơ buồn. Mùa bơ đến, trái chín, da mướt căng mềm, đưa lưỡi dao bén cắt quanh một đường bẻ đôi, vắt hột, lấy muỗng múc ra ly, trộn thêm đường sữa, sánh đặc, ngọt ngào. Trong tủ áo quần, các ngăn hộc bàn lúc nào hầu như cũng thường trực vài chục trái cả. Hết nhà này mang cho đến nhà kia đem biếu. Và có một trái trên chiếc đĩa nhựa nâu cạnh ly thủy tinh đựng hoa, bên chân song cửa sổ phòng ngoài, trông ra đường, đặt lên từ khi còn sống cho đến khi chín rã rục mới đem ăn, thay trái khác: đề nhớ Mignonne. Không ai ngờ nổi con bé vô vị, học kém đó lại có được cái chết lãng mạn thế. Khúc hát cũ mất tính chất đùa cợt, trở về vị trí trước: Thôi hết xa rồi tiên nữ ơi. Mignonne là một tiên nữ, lạc đường trần thế, Ngô thị Nguyễn Minh, tóc cài hoa điệp vàng đứng bên giòng suối chảy ven chân đồi café. Tất cả cho Minh, với cái chết, đã êm đềm lớn khôn. Thu bỏ trò chơi. Bọn Nhơn vẫn tiếp tục. Trò chơi mà chưa khi nào Tăng nghĩ mình có thể tham dự vào một cách thành thật như thế. Thành thật đến tội nghiệp xót xa.

— Đi nhỉ.

Tăng nói nhỏ và bước xuống lề đường chậm chậm tiến qua

phía bên kia. Cả bọn bước theo. Sương mù dày hơn, với bóng tối, pha đặc quánh phía trước. Những ngọn đèn còn lại từng chấm sáng yếu ớt, ủa mù. Sương đậu đầu lá cỏ, bám vào ướt hai ống quần, len qua những vết rách nứt trên da giày, thấm lạnh bàn chân. Trung nói gì đó và tiếng cười lớn của Hồng phía sau Tăng đứng lại xin thuốc đốt hút.

— Chi rứa?

— Lá đồ muộn chiều. Giọng Trung nói tỉnh táo như đang trả lời với học trò.

— Lá đồ muộn chiều là rứa?

— Trời ơi, mày chưa nghe à? Tội nghiệp cho con chị Kinh ở bên cạnh đó bữa ni khóc là ra lá đồ muộn chiều, khóc giống Lê Thu đức.

Hồng cười lớn hơn. Nhơn, Thu, Tăng cười theo.

— Răng rứa?

— Chả răng nữa, ngày mô cũng bị thằng Thu đàn áp hoài, hễ mở mắt ra là lá đồ muộn chiều, 3 giờ khuya chấm bài chưa xong còn lá đồ muộn chiều, nhắm mắt một chút đến 5 giờ sáng không chạy ngã mô cho khỏi.

Tăng hít một hơi dài, chum môi thở khói nhìn sang bạn. Khuôn mặt Thu trắng xà lẽ loi. Thu của những năm 64, 67 gào hét như con quạ điên hồ hào xuống đường chống chính phủ, đuổi Mỹ, đốt trung tâm văn hóa Hoa kỳ, bắt giọng cho đám biểu tình hát kẻ thù ta không phải là người, giết người đi..., đề đến có ngày buồn rầu với một con bé học trò, 15 tuổi, chết non. Tăng chợt thấy bàng khuâng. Minh đâu đó bây giờ giữa khu nghĩa trang Phật giáo sau đồi, đang âm thầm như nổi đời chớ, như câu hát nào người ngoại không mất, vắng vắng trên thính không.

— A, hôm ni hình như 50 ngày con Minh rồi tề.

Nhơn nói khi đi học lại con đường phía sau khu chợ, ngang qua nhà Minh. Dãy phố cao quay ra đồi trà trắng xóa. Căn nhà Minh cửa mở, đèn sáng. Tiếng khóc âm ư của người đàn bà hiếm muộn con nghe vắng như tiếng tru kêu. Chiếc xe xanh trắng cảnh sát của ba Minh đậu lặng lẽ bên hàng dâm bụt trước ngõ. Tăng đứng lại với Nhơn, Hồng trông vào. Thu yên lặng. Trung hút thuốc.

— Ủ, 50 ngày rồi.

Ngày thứ 50. 50 ngày lạnh lẽo. Những cây bơ đầy trái vẩy quanh chân đồi trà. Ngôi nhà hư hỏng nhiều nơi đã được sửa chữa 50 ngày bao nhiêu trái bơ chín rực rỡ trên chiếc đĩa nhựa nâu. Thời, đi. Nhon vỗ vào vai Tăng. Cả bọn bước đi chậm chạp, không đưa nào nói gì cả. Lâu lắm, Trung mới gợi nhắc lại Minh, Minh, mignon, và chép miệng thở dài kể một chuyện Minh đã kể đùa cười hôm chơi rong trên suối. Tăng nghe lơ đãng, đắm đắm ngó xuống vùng chân đồi, huyết sáo miệng. Tất cả đang trắng xóa. Con đường dẫn quanh quanh. Khối khu chợ đường chúi xuống, bọc ven hồ, lên phố cũ, vào ngõ. Nhon đứng lại đầu ngõ một lúc rồi bảo:

— Hay là mua cái gì về nhậu à?

—Ừ, nhậu tưởng niệm con bé thay cúng giỗ.

Tăng nói thêm vào và thọc hai tay vào túi quần đi dọc trở lại đường phố. Nhiều cánh cửa hàng đã khép kín san sát nối dài. Sắp tới giờ giới nghiêm rồi. Mãi đến gần cổng chùa mới có một gian hàng tạp hóa khá lớn còn mở. Người đàn bà Huế, giọng nói đậm đặc, buồn buồn, tâm sự dễ dàng. Tôi vô đây từ năm 37, 38, thuở còn cả rừng. Hai đứa con gái đã lai giọng miền Nam. Người đàn ông ngồi xất thuốc hút lạch xạch trên divan nghe tiếng bom nổ xa hồi chú đóng quân chỗ nào. Tăng vừa chuyện trò vừa nhìn quanh tìm món nhậu. Hai con mực khô, 140 đồng, gói vào tấm giấy bia cứng có vẽ hình, ghi chữ cán bộ Việt cộng chiêu hồi trong năm 68 là..., đầu năm 69 đến nay là... Bàn tay đưa con gái nhanh nhẹn, nụ cười vui. Tăng chào đi ra hẹn bữa khác sẽ ghé lại. Đầu ngõ Nhon xách mấy chai xa xỉ, rượu để đứng dưới ánh đèn đường đưa lên cười, whisky Giao chỉ mà. Thu và Hồng ôm mấy chai bia 33. Trung cầm gói giấy lớn. Chi rứa? Mi Đại Hàn, khô nai, còn chi đó nữa. Khô mực. Đ. mẹ thằng phá tiền.

Hai gian phòng trên bật đèn, bỏ trống. Tất cả kéo xuống phòng sau cùng, phòng của Nhon. Cánh cửa sổ mở thường trực, gió kéo sương mù lộng vào, mấy ngọn lá dâm bụt lấp ló sát hàng song gỗ bào thô. Ngọn điện yếu tắt đỏ không chừng được thay bằng hai cây bạch lạp lớn. Hồng nói khép cửa lại đã tề, Nhon la lớn, đừng đừng, thể mới đẹp. Chương trình vạch ra sau khi đốt đèn. Thu khỏi làm, cho nằm đỡ nhớ, Nhon tìm alcohol nướng mực, nai. Tăng và Hồng đi rửa mấy cái ly chén ăn bơ từ hồi chiều còn ném bữa ngoài thau nước, Trung lo lật vật xếp dọn bàn ghế. Thu đề nguyên áo blouson nằm trên võng chống chân xuống đất đóng đưa qua lại.

Hình như đêm có trăng. Khung trời sáng lơ mơ sau vùng bi dâm bụt, thăm thẳm ngoài ô cửa. Tờ giấy ronéo cỡ dài treo lắt lay trên tường, nét vẽ bằng bút than quệch quác một bàn chân mang giày đinh, quần trần ống lớn lật lại gác ngang qua một góc bàn có song cửa bất nhang và cây nến cao ngọn. Thu ngồi dậy nói như vừa nhớ ra:

—Ừ, 50 ngày Minh rồi.

— 50 ngày. Tội nghiệp.

Trung dọn sách vở xuống chân bàn xong mang cái ghế nhỏ kê sát vào góc tường, đặt cassette thay băng, nghe nhạc. Một khúc nhạc tiền chiến, tiếng hát thì thầm, mờ mờ, không rõ. Khô mực khô nai đã chín bốc mùi thơm nhẹ. Nhon quay lại pha rượu. Mỗi thùng 2 chai 33 một cối lớn để xá xỉ, vừa chưa? Chưa, thêm đi. Hồng bảo và rủ Tăng đi mua thêm. Uống thì uống cho say luôn, để xá xỉ nữa mới được. Hai đứa trở lên phòng ngoài ra đường. Vùng trăng non chơi vơi trên xa giữa vùng sương loãng. Những tiếng động trong phố đang từ từ lắng xuống. Khi Hồng và Tăng về, cuộc nhậu bắt đầu. Từng ngụm bia uống chậm rãi, những miếng khô mực khô nai xé nhỏ, những khúc nhạc tiếp vào nhau. Hết phần bia đến rượu. Thu đun thêm nước sôi bảo ăn mì rồi pha trà café luôn. Tăng hút thuốc gục gặc đầu cười, được lắm được lắm thằng thất tình có khác, và cúi xuống thở khói lên mặt bàn, lớp khói nhẹ lan quanh, gió lộng là kéo tan. Đêm bao la ngoài kia, hơi men và sương trắng. Hai ngọn nến gió bùng lên chúi xuống, nhiều lúc chừng như tắt hẳn. Vết sáp lỏng chảy dài. Chợt cơn mưa đổ nhanh. Tiếng động rào rạt đầy ắp, mông mênh. Trên mái tôn, ngoài khung cửa. Những hạt nước vỡ nhỏ li li bay tràn vào. Da thịt lạnh gai. Tiếng hát chìm lầy. Không còn gì cả, vùng núi đèo dưới kia, mưa đan dày kín đêm thăm mù cây lá, hạt nước giọt trên chỗ nằm đã trống, ướt lan ra. Hạt nước với tôi, như một cơn thiên tai tối đen khiếp khiếp vô phương tránh né, kháng cự. Tôi đã vượt ra, chạy đến đây. 50 ngày của Minh. Tiếng hát hiện ần mờ mờ. Thu nói lớn, hai tay xoa vào nhau.

— Chừ ri mà có một bếp lửa củi chắc hay lắm.

Tăng cười thành tiếng vui và chẳng biết mình thích thú điều gì. Hồng Nhon, cười theo. Rượu sắp hết, nước trong ấm bắt đầu sôi. Thu đi làm đi. Năm cái tội lớn đặt sát nhau dọc mép bàn. Mấy trái ớt xanh đỏ và lá rau thơm, đọt cây su leo Trung vừa hái

sau vườn, rửa mang vào bỏ lên mi. Tăng bung ly rượu còn lại nằm xuống vồng đập chân vào tường, đông đưa lặng lẽ. Con mưa tan từ lúc nào không hay. Nhon lấy sách có bọc bìa nhựa đập lên mấy đọi mi vừa chế nước sôi quay qua bảo Tăng : é linh, đi pha trà là vừa. Tăng ngửa cổ uống hết ngụm rượu trong ly đứng dậy. Con chênh choáng nôn nao chụp lấy đầu óc. Thân thể như nhẹ hẳn đi. Tăng chăm chăm nhìn vào ánh đèn và nheo mắt ngồi trở lại vồng cười ròn. Tao say rồi. Trung dọn dẹp sổ ly vừa uống rượu ra thau nước, rồi pha trà, tắt lửa réchaud. Thu và Hồng cũng bảo thăm say rồi. Trung đứng dạng hai chân vỗ ngực cười với Nhon.

— À, chộ chưa, có rửa mới biết được sức lão từng, bốn mùa vi mà uống trà hết nói chi

— Thôi mà, biết rồi, Nguyễn-đức-Trung-đi-xe-Trung-Đức ai mà không biết. Nham nhớ đã đòi rồi đến lão Trang lão Tùng. Hồng chống tay vào cằm ngồi ngửng dậy nói chậm chạp. Câu nói nửa chừng tan lẩn vào tiếng mưa trở lại khua vang trên mái tôn. Gió rút qua từng đợt mạnh. Nhon vói tay kéo khép bớt một cánh cửa và dục thôi ăn mi cho rồi mày. Thu bung một đọi đưa cho Tăng.

— Ăn, cho hết đó !

— Khỏi lo, quân dịch mà thầy.

Cánh tay rung rung cơ hồ như lạ hẳn với thân thể. Chén nước vàng ối lao chao. Ngọn đèn in lưng khùng trên mặt tường, đồ nhồi xuống nền nhà, Tăng húp nước ăn qua vài miếng mi kẹp vôi đợt su, ớt và đưa đọi nhờ Nhon bỏ lên bàn. Ăn cho hết mày. Mệt quá. Tăng lắc đầu nói nhỏ, xin Nhon ly nước, uống xong nằm ngửa mặt, hai mắt nhắm nghiền. Trung vừa ăn vừa hát theo cassette. Tiếng hẳn hắt, đoạn cuối nhịp, kéo dài ra như tiếng rao hàng rong về khuya. Ý nghĩ so sánh làm Tăng bật cười. Hình ảnh căn phòng thuê chung với Hòa, Thuận trong thành nội ngày nào hiện ra lơ mơ những đêm ngồi trước cửa đọi nhau về nghe tiếng rao hàng trên đường vắng ngắt mùa mưa.

Bên thềm cửa có chừa một khoảng ciment tô xuôi để dễ dắt xe gắn máy vào nhà. Cánh cửa sơn màu xanh sậm có cái ô vuông nhỏ vừa con mắt, bí mật đóng mở, bạn bè dắt gài đến mượn phòng không đưa nào hay. Căn phòng của những ngày yên vui đầu đời con trai, Diễm mặc áo lụa dài đứng khép nép bên trụ đèn cạnh cây phượng già bên kia đường trông qua hỏi ai mà đông rứa, em ngượng. Căn

phòng của những đêm từ quán café về trễ. Căn phòng tan hoang trong biển cổ Mậu Thân. Hai năm xa, mùa xuân trở lại nhìn đông gạch cháy đen thấp thoáng nhờ nụ cười của đứa con gái tóc bạch kim mặc váy ngắn trong tấm ảnh cắt ra từ báo ciné treo trên tường bằng carton mặt trái lăm nhám. Nụ cười của đứa con gái trong bức hình, căn nhà cháy, nối chung vào nụ cười Diễm, nụ cười Minh nhìn lên tàng cây bông điệp nở vàng chiều nắng, nụ cười của mẹ, của Baby, Ngải... Tao say rồi phải không bây ? Tăng ngồi dậy. Chiếc vồng chao nhẹ đông đưa. Trung vặn cassette phát lớn hơn. Nhon nhắm mắt xua tay, thôi đi thôi đi biết không say rồi. Tăng nằm trở xuống với con chổng mặt ngây ngật. Nhon cười, yếu quá linh tráng rửa thêm mặt mặt quân lực cộng hòa. Tăng duỗi thẳng hai chân. Vâng, có lẽ đúng thế. Tôi chỉ là một thứ bại trận. Tôi lem luốc, một mình, bên ngoài những yên ấm cũ. Bốn năm rồi, tay vẫn khư khư ôm lấy sách vở lao vào cuộc sống, và đã hai năm bị bật ngửa ra quay quay như một con gà đá ăn nhảm giày thun. Bao nhiêu mồ hôi đất máu khổ nạn. Bao nhiêu điều thuốc đã hút, tang tóc đi qua. Bao nhiêu tình cờ dắt dẫn tôi một ngày tóc bay đứng trên đồi trà nhìn mây núi và bằng khuâng nói lời cảm ơn. Cảm ơn tôi, cảm ơn màu xanh man mác trên từng ngọn lá trà, trên những triền đồi thoải thoải nối nhau vây quanh thành phố như một vòng tay ôm lặng lẽ. Thành phố trà. LĐ, thị trấn xanh. Trong một bài học nào địa danh LĐ nhắc đi nhắc lại trên môi Diễm buồn rầu ngái ngủ đêm gần mùa thi. Cái tên xa ngắt lạ lòng. Nơi tôi đang nằm đang say đang nghe gió nhắm mắt với tiếng mưa trên mái khuya. Tôi đã bỏ lại đêm dưới vùng đèo tìm lên phố, chạy đuổi theo vết nắng cuối ngày. Thêm một ngày nữa đã qua. Có thêm sợi tóc nào bạc trên đầu mẹ ? Sợi nào bạc cho cha mất tích, cho con đi xa, bạc cho Diễm tiếng khóc trên bờ đá mùa đông. Con là đứa con hoang tàng phải không mẹ. Chắc trong những ước mơ đã quên của mẹ không bao giờ có con nằm giữa chiều lay lắt này với con say và lỏng sững ướt, phải không Diễm, không bao giờ em nghĩ tới, biết tới được. Đợt mưa kéo dài, âm thanh điệp mù che lấp. Nhon nói một mình, lạnh rồi, ngoài Huế chừ nắng ghê lắm. Trung ừ hử gì đó và tiếng dép kéo lê lê về phía cửa sau. Tăng bám vào vồng nghiêng người xin ly nước. Hai bàn chân vẫn còn trong giường buộc kỹ. Thu, Hồng, Trung đã ra đầu ngoài phòng trước. Khúc nhạc hết, chuyển qua một khúc khác. Nhon rót ly nước đưa tới.

— Đố mày bản chi ?

— Không rõ.

Nhơn vặn ngược nút cho băng trở lui, rồi mở lại, khúc đàn dạo, lớn hơn.

— Không rõ.

— Tệ quá, « Ngậm ngùi ».

Nhơn tựa ngửa người ra ghế huyết sáo theo khúc đàn. Tầng trả ly nằm xuống. Tiếng huyết sáo ngắt khi tiếng hát Lê Thu cất lên. Tiếng hát tức tưởi ấu thơ. Nắng chia nửa bãi chiều rồi... Tầng nhắm nghiền hai mắt, một cánh tay xô nhẹ vào tường và trở lại vòng lên ngực. Ngủ đi anh, mộng bình thường. Câu hát tình cờ và nổi cảm động mơn man. Tầng thêm một điệu thuốc định ngồi dậy hút nhưng lại thôi. Vâng, đừng hút nữa, đừng hút để còn ngủ. Anh sẽ ngủ, sẽ mộng và mộng thực bình thường. Ngủ quên hết muối đĩa sên sương chầm mọi mưa mù, quên hết núi cao rừng lớn, khổ ải, lầm than, cho qua tuổi trẻ, quên hết. Nhơn khe khẽ hát theo, ngủ đi em mộng bình thường. Chiếc võng đong đưa hết đà ngừng lại. Những hạt mưa tan hắt, rút đi rạt rào đầu đó trên cao cùng, xa khuất. Con buồn ngủ và một vùng chân không lằng lằng tiếng hát dở dang. Cảm ơn nhé, hơi men. Cảm ơn tất cả những tình cờ, cảm ơn LĐ, thị trấn xanh, thị trấn Minh Nhơn Thu Trung Hồng Baby sương khói, cảm ơn chuyến xe chiều. Tầng nhắm mắt nói thì thầm như đang cầu nguyện Nhơn hỏi bộ ngủ đây luôn à. Tầng gật đầu lẳng thình. Thôi lên giường mà ngủ, lạnh chịu không nổi mô. Không. Nhơn đứng dậy, tiếng chân ghề bị động xê lệch, tiếng dép chậm chạp kéo lê. Khúc nhạc hết. Tầng bảo tắt luôn đi để ngủ. Nhơn tắt máy mang lên, một lúc sau trở xuống đem theo tấm chăn len đắp cho bạn. Tầng xòe tay sờ soạn trên lớp chăn. Ngoài kia đêm yên vắng mông mênh. Tất cả đang mê ngủ. Có tiếng thùy dương nào mấy bờ, trên cao. Gió chợt động rì rào từng đợt dài trong hàng dâm bụi. Nhơn đi ra khép cửa bảo trắng đẹp quá không biết mông mấy rồi. Tiếng hát nhỏ đầu phòng ngoài, ngủ đi em, ngủ đi em. Có lẽ Thu hát. Thằng Thu đang thức à? Ừ, đang thức, chấm bài. Tầng rúc đầu vào chăn nói lầm bầm. Minh ngủ rồi, 50 đêm, lạnh ngắt.

nguy ngữ

PHẠM THIÊN THU

ngôn ngữ sâm dật

Mảnh trăng đêm nay thực sự hồi sinh. Mặt trăng bùng nổ réo gọi máu huyết tôi rạo rực hát ca huyền bí như con thủy triều. Tất cả tinh tú đầu thai vào đó làm cuộc thoát xác. Những hóa thân trắng sao sôi động bão táp dưới ngọn bút cán trúc. Chiếc Kasa nâu đậm cất giấu mặt trời, bây giờ tỏa sáng một cõi tâm địa trầm tĩnh. Thế giới chỉ còn viết, viết chỉ còn ngữ ngôn, ngữ ngôn chỉ hiện bày biểu tượng, biểu tượng chỉ còn cỏ hoa cỏ hoa chỉ còn một giọt sương, đọng tụ trùng trùng mây biếc, và vũ trụ hiện thân cây cầu lững lờ tỏa bắc chênh vênh giữa tâm thể tôi, và gạch ngói hoang liêu bi tráng của khu thành thức tưởng xa xưa quanh quất. Ở một nơi nào con để khóc lóc nguyệt rụng, sao lại hiu hắt trong ta, ở một nơi nào tiếng hát ca phiền não, sao thực sự tắt lịm trong ta, cùng với giọt hoa vàng cuối chòm sao Bắc cũng heo hút trong ta, và gian phòng này : những viên gạch cũng mở mắt rực rỡ, rồi lẳng đặng như trầm hương nghi ngút dưới chân, còn ta cô độc với vò nước suốt tịch tịch, với nụ cười tương chầm huyền hoặc cuối cùng của loài người. Tất cả cũng chôn vùi tan biến trên trang giấy sương trắng, cánh cửa mục rã khép hờ giữa ý thức và siêu thức vũ trụ. Những dòng chữ chìm đi cũng chìm vào đó mờ ảo lác đác, mang khi chất vách đá mang mang. Bên kia cửa gỗ sương mù, những nét chữ mưa thu, tiếng nào vang vọng, tiếng gọi viên trăng của sỏi, tiếng lá cỏ nói chuyện với thiên thu, tiếng hạt sương kể lể với vô cùng, tiếng những khớp xương chìm rừ rừ, tiếng mạch ăm róc rách trong hoa, tiếng thì thào một con suối, một khu rừng già xa xưa rừ áo, một tiếng chim gà trong hốc gỗ sương im : Đó

là một ngu từ. Một nguyên ngữ huyền bí nhất, hú lên bùa chú từ một thực tại, tiếng nói nối kết giữa chớp mắt với thiên thu, cây thia khóa vầng ngọc vịnh hiền nhất của loài người tra vào cửa đá kiến chấp hư vọng, ngôn ngữ của sự từ bỏ ngôn ngữ, ngôn ngữ tự vắng lặng bản chất, hủy tính bản chất, ngôn ngữ nhập dòng, ngôn ngữ đa-la-ni gọi mặt trời nhập với mặt trăng, ngôn ngữ gọi hồi sinh cổ mộ, ngôn ngữ của chúc thư thất lạc, ngôn ngữ thơ tính, ngôn ngữ sao băng, ngôn ngữ trùng sinh, ngôn ngữ của sự vắng lặng, ngôn ngữ sấm dậy.

Bây giờ các anh đã khỏe chân chưa? Đề vượt sinh tử.

Các anh hãy giải phóng ý thức, các anh hãy nghe tiếng điệu nhẹ con tim, các anh hãy nhập mặt nguyệt hoa cổ, các anh hãy làm đẹp địa ngục, các anh hãy đặt chất nổ tự hủy từng kẽ tóc, các anh hãy ve vuốt hoại diệt, các anh hãy chiêm bái biển cả, đánh lễ núi cao, hát ca với chim muông, các anh và các anh tan rã vắng lặng đó là nguyên ngữ của *Từ Bi*: con đường không tịch sấm dậy.

Bây giờ cây cầu lừng đù đưa trước anh như một giải sương trắng, như một dòng ngân hà, như một sợi tóc tiêu nữ thôn mai, như một ngón tay chỏ của Thích-già Mâu-Ni về mặt trăng tịch tĩnh, như chiếc giầy cỏ thơm treo đầu thuyền trượng nhắp nhô vượt chòm sương ngũ lĩnh, như trăm sông về biển, như áo lụa chần chừ, như ngọn côn thuyền pháp, như như, như thực, như thị ngã văn. Các anh hãy đi một chân cheo leo, các anh hãy khinh bỉ chiếc giầy cuối cùng, các anh đi đến đầu cầu như một con mây, các anh thể nhập cây cầu, cất giữ trong xương tủy, các anh sẽ vượt khỏi thiên thu, các anh sẽ vượt cầu như một trắng vàng siêu thoát, cánh hạc phiêu bay chớp đỉnh non bông, các anh đồng nhất với sao thu thanh tịnh dưới vũng nước đục, các anh cứ đi và rơi rớt như một trái cây để làm lại trùng sinh.

Chúng ta có nhiều con đường trên một mặt đất. Chúng ta có nhiều nẻo đi dưới một bầu trời, tất cả mọi hình thành chỉ hiện bày trong thất bại, thất bại tự tánh, thất bại là con đường dịch hóa. Mỗi dấu chân là một chấm than bi phẫn của sự thất bại, đi là thất bại. Tất cả mọi con đường đều thất bại. Tất cả mọi chòm sao cuối đường chỉ là những thất bại phóng lớn, lừa dối và ảo giác. Thượng Đế và sâu kiến, Tuyệt đối và tương đối. Chân thiện và hạ liệt. Niết bàn và Địa ngục, Thiên đường và cầu tiêu. Tất cả vòm trời siêu hình tây phương và Đông phương vong bản đều hiện thân một giả tướng thất bại. Đứng lại cũng thất bại. Đi lui

cũng thất bại. Đi bằng chân, đi bằng tay, đi rực rỡ, đi heo hút, đi quờ quạng, đi như hòn bi mọi bước chân đều thất bại. Chỉ khi nào vắng lặng tất cả mọi con đường như một cây cầu vòng hào quang tắt lịm đáy suối cát trắng, như vết chim bay trên không trung, như tia chớp hoàng kim trên bầu trời vô vọng. Như sự im lặng của ý niệm. Đó là lúc các anh từ thất bại hạ liệt nhảy vào sự thất bại khác, thật lớn lao, bất khả ngôn thuyết. Bất khả biện biệt. Các anh bùng thức. Các anh vừa là kẻ đi vừa là cây cầu lững không chỗ đến, chỗ không đến cũng không đến. Tự thân cây cầu là một chỗ đến, chỗ đến siêu hóa, chỗ đến hát ca vi diệu, cho đến của tiếng hát huyền bí.

Suối mạch tâm linh trở thành ngôn ngữ là một sa đọa thất bại, ngôn ngữ trở thành chữ viết là một sa đọa thất bại. Chữ viết trở thành thuyết lý lại một lần sa đọa thất bại, thuyết lý của dụng ý giữa kẻ nói và kẻ nghe là một thất bại của chót đỉnh tầm tối.

Bây giờ xin các anh xuống suối rửa tai cho những dòng ngôn ngữ thất bại này lắng xuống làn cát trắng.

phạm thiên thư

*Trích thiên mở đầu của tác phẩm Từ Bi :
Bốn Ngã Đường Không Tịch, Tịch Sấm Dậy và
Tám Điều Phủ Nhận : con Cầu Lững Siêu Hóa.
hoặc tóm gọn « Không Tịch Sấm Dậy ».*

thời sự và

sinh hoạt

• tiểu thuyết thực tại.

Một loại « tiểu-thuyết » được viết ra bởi một trong những tiểu thuyết gia cỡ bự nhất : Đời sống. Trường hợp của cuốn « De san, froid » của nhà văn Mỹ Truman Capote cách đây ít lâu, và gần đây, cuốn « Papillon » của Henri Charrière, cuốn « Piaf » của Simone Berteaut... Truman Capote xách máy chữ tới sống cùng mấy gã sát nhân rồi nghe sao viết vậy, Henri Charrière kể lại những cuộc phiêu lưu của chính ông, một gã du đãng già, một trăn 63 tuổi; Simone Berteaut viết cuộc đời của nữ danh ca Piaf người Pháp và đồng thời cũng là một chị em cùng cha khác mẹ của chính tác giả.

Những nhà văn coi nhẹ yếu tố đời sống và chủ trương trong một cuốn tiểu thuyết, phần giả tưởng phải lấn áp phần thực tế, chắc sẽ chẳng mấy hài lòng loại tiểu thuyết thực tại này. Nhưng một câu hỏi được đặt ra ở đây : Thế nào là giả tưởng và trong giả tưởng có bao nhiêu phần thực tại ? Những cuốn tiểu thuyết thực tại làm lộ ra một « sự thực văn chương », là : Muốn « thử » (đâu là, thế nào là) một giả tưởng, cách tốt nhất là viết một giả tưởng. Trong cuốn Buồn Nôn, nhân vật Roquentin của Sartre cũng phát biểu một câu tương tự : « Muốn biến một câu chuyện thật

tâm thường thành một cuộc phiêu lưu (một biến cố), điều kiện cần và đủ là kể câu chuyện đó ra.

• phủ nhận tác phẩm mình.

Ở Việt Nam có Nguyễn Tuân, phủ nhận những tác phẩm mà ông đã viết trước khi được Đảng giáo hóa, những tác phẩm khiến mọi người biết có một nhà văn tên là Nguyễn Tuân. Bây giờ tới lượt nhà văn Nga Anatoli Kouznetsov vừa trốn khỏi thiên đường đỏ, là lên tiếng phủ nhận tất cả những tác phẩm mà ông đã viết trong hời gian được đảng dạy dỗ, chỉ bảo.

• người khám phá thiên tài.

Đó là Joë Bousquet. Trước tiên là những giấc mơ bình nghiệp khi còn niên thiếu, nhưng một viên đạn của Đức chạm vào bộ phận não tủy đã biến viên đại úy quả cảm thành một « xác chết còn sống », một kẻ bán thân bất toại và chỉ có thể rời giường bệnh sau ba mươi năm trường. Ba mươi năm nằm trên giường bệnh đó, bệnh nhân Joë Bousquet, bằng công việc viết những « thời sự văn nghệ », đã khám phá ra những văn thi sĩ tên tuổi sau đây : Paul Eluard, René Char, Max Ernst, Hans Bellmer, André Breton, Gaston Bachelard, Lucien Becker, Magritte, Francis Ponge, André Gide...

Trong những bức thư gửi cho bè bạn, Joë Bousquet, thủ nhận ừ thân phận làm người bị dồn ép tới con số không đó ông đã mặc cả được cái thế giới còn trinh nguyên mà Freud đã nhắc tới. Thời kỳ Đệ Nhị chiến, Joë Bousquet dấu diếm những bè bạn kháng chiến ở trong nhà ông. Một câu trong thư viết cho bạn, ông viết về cái không khi kháng chiến đó đồng thời cũng bộc lộ rõ một sự bất về cuộc đời của chính ông : Sức mạnh chỉ nảy nở nhờ đối kháng, ép buộc.

• đưa con quý sứ.

Đó là biệt hiệu của Norman Mailer, đưa con quý sứ (enfant terrible) của nền văn chương Hoa Kỳ. Với nghề « nhà văn », Norman

Mailer nổi tiếng nhờ cuốn « des Nus et des Morts », số sách phát hành lên tới hai triệu rưỡi cuốn. Ngoài nghề văn, Norman Mailer còn hành nghề phóng viên, « Tại sao chúng ta có mặt ở Việt Nam » và mới đây, phóng sự « xứ Miami và Tòa Án Chicago » đã đem lại cho tác giả một « độc quyền » về giải thưởng của Mỹ: Giải thưởng National Book Award, một giải thưởng văn chương giá trị nhất Mỹ quốc, và luôn cả giải thưởng Pulitzer, một thứ Nobel của Hoa Kỳ, về báo chí. Hơn thế nữa, phóng sự mà ông đang viết về hành trình lên Mặt Trăng của bà phi hành gia Hoa Kỳ sẽ mang lại cho tác giả một số tiền bản quyền (cả hai mặt văn chương và điện ảnh) vào khoảng 800 ngàn dollars. Một nhà phê bình đã nói đùa : « Cuộc chinh phục Mặt Trăng của Norman Mailer đã mang lại cho tác giả những lợi tức bằng những phí tổn mà cơ quan không gian Hoa Kỳ đã phải gánh chịu ».

• đi tìm một Faulkner thứ thiệt

Như đã viết ở trên, nhà văn Nga Anatoli Kouznetsov vừa trốn khỏi thiên đường đỏ rồi sau đó lên tiếng phủ nhận những tác phẩm đã viết dưới bút hiệu Kouznetsov, lý do : Tất cả những tác phẩm đó đều được « phối hợp » cho đúng đường lối đi lên của xã hội chủ nghĩa. Chuyện sau đây lại xảy ra ở bên Mỹ, thiên đường của tư bản chủ nghĩa. Câu chuyện liên quan đến những tác phẩm của nhà văn vừa qua đời W. Faulkner, Michel Gresset một giáo sư trẻ tuổi ở Sorbonne và Maurice Edgar Coindreau chuyên viên dịch tác phẩm của W.F sang Pháp ngữ đã khám phá ra trong những tác phẩm của W.F. mỗi tác phẩm có ít nhất là bốn bản văn (version) khác nhau. Thứ nhất là bản thảo của tác giả, rồi tới bản văn đã được chính tác giả sửa chữa, rồi tới bản văn đã được những nhà xuất bản (editor), một loại « cổ văn văn chương », đọc lại, thêm thắt hoặc cắt xén, rồi sau đó mới tới tác phẩm được in ra, chắc chắn là khác hẳn bản thảo đầu tiên của tác giả. Độc giả của Văn Đề chắc cũng ngạc nhiên và tự hỏi phản ứng của W.F ra sao khi ông biết những đứa con tinh thần của mình bị què quặt, bị biến thái do mấy ông chủ nhà xuất bản. Coindreau một bữa cũng đã bày tỏ những ngán ngại với W.F. là ông ta có thể dịch sai và phản bội tư tưởng của W.F. nhưng tác giả gạt đi và nói ngay sau khi mà tác phẩm của ông

được bày bán, chúng không còn thuộc về ông nữa. Những người đã mua chúng muốn hiểu chúng ra sao, muốn xử dụng chúng như thế nào, mặc tình. Một nhà văn sau khi kết thúc một tác phẩm nhà văn chỉ còn có một việc là bắt đầu cuốn khác. Cuốn trước đã rời khỏi tác giả và thuộc vào đám đông rồi. Bởi vậy mà một bữa Coindreau bày tỏ với W.F có một vài đoạn trong tác phẩm (đối với dịch giả) thật khó mà dịch sang Pháp ngữ, W.F. đã trả lời : « Ông chỉ việc bỏ đoạn đó đi, khỏi cần dịch » Faulkner cũng nói thêm chỉ có một lần ông cố gắng tranh đấu để nhà xuất bản đừng đụng chạm gì tới Le Bruit et La Fureur nhưng vô hiệu, từ đó cánh cửa giữa ông và nhà xuất bản đã vĩnh viễn đóng chặt lại. Gresset phân biệt « hai » Faulkner một Faulkner của những năm 1929-1930, với những tác phẩm Le Bruit et La Fureur, Sartoris, Tandis que j'agonise, và một Faulkner của những năm 1940-1950, với những tác phẩm Le Hameau, La Ville, Le Domaine. Ông cũng đã phá qua niềm cho rằng W. Faulkner đã nhìn người da đen từ phía xa, phía ngoài (giống như thái độ của Tự Lực Văn Đoàn hồi trước đây đối với dân quê Việt nam.)

Được hỏi tại sao ông trả lời một phóng viên trong trường hợp có biến loạn màu da ông sẽ ra đường và bắn vào đầu tội đen, Faulkner nói bữa đó ông say mềm lại gặp phải một gã phóng viên điên khùng, « ngu xuẩn ».

• giới thiệu « gà » nhà

« Gà » nhà ở đây là nhà văn Huỳnh Phan Anh, người viết thường trực trên Văn Đề với những truyện ngắn, khảo luận, phê bình văn học. Tác phẩm thứ ba của nhà văn họ Huỳnh vừa phát hành là một tập truyện ngắn Người đồng hành. « Người đồng hành có khi chỉ là cái của kẻ lữ hành cô độc », đó là nhận xét của nhà phê bình Huỳnh Phan Anh về tác phẩm của chính mình. Mong rằng những độc giả của Văn Đề, sau khi đọc tác phẩm sẽ khám phá thêm nhiều thích thú khác ẩn náu ở trong tác phẩm (ở dưới bóng của kẻ lữ hành cô độc).

• những bức thư từ vùng hỏa tuyến

Jean Lartéguy, một nhà văn quen thuộc với độc giả Việt nam

đọc

LỬA VIỆT

Tuần Báo Tranh Đấu Chính Trị

do Phạm Nam Sách và Trần Quý Phong
chủ trương :

- ☆ Nói thẳng với người Mỹ
- ☆ Nói thẳng với Tổng Thống Thiệu
- ☆ Nói thẳng với anh em Quốc Gia
- ☆ Nói thẳng, nói hết, nói toạc móng heo
- ☆ Nói thật không sợ mất lòng

*Nói với hết thầy mọi người
nhưng
không có gì để nói với Cộng Sản*

tiếp theo từ trang sau

định mới đây của tòa soạn, là mở rộng thêm nữa diễn đàn, ném những nỗ lực nhận thức mới về thời cuộc và thực trạng đất nước xã hội ta, tới những địa hạt không chỉ thuần túy văn chương và nghệ thuật. Sở tay của Mạc Đổ, sinh hoạt và thời sự hàng tháng của Tuấn Anh, và ngoài kịch dài Những Người Không Chịu Chết, loạt bài mới của Vũ Khắc Khoan sẽ đăng trong những số tới, là một phần của những bằng chứng muốn tường trình với bạn đọc về nỗ lực của Vấn Đề muốn hướng tới rất nhiều mặt; bám thật sát mọi thực tế văn học, mọi thực tế xã hội, như đã được quy định và hy vọng như thể từ Vấn Đề số một. Được về in ở một nhà in có hạng như cơ sở ấn loát đường Phạm Ngũ Lão của anh Nguyễn Đình Vượng, bạn đọc hẳn đã đồng ý với chúng tôi là từ mấy số gần đây Vấn Đề đã đạt tới một hình thức trình bày khá quan, chau chuốt và mỹ thuật hơn trước nhiều lắm. Bước tiến mới về hình thức ấy đòi hỏi một bước tiến song hàng về nội dung và phẩm chất tờ báo. Tòa soạn đang ở trong cố gắng này. Nhìn chung là tờ Vấn Đề không còn ở trong cái thế « bấp bênh chập chờn » như ở những số đầu nữa. Nó đã có một khuôn nếp, một vóc dáng, gọi là cái thế quân bình cần thiết phải có cho một diễn đàn dùng làm bàn đạp và điểm tựa của chính mình và cho chính mình vươn phóng tới những đất đứng cao hơn. Và bạn đọc thì vẫn là những thượng khách vĩnh viễn của chúng tôi.

Điều cuối cùng ghi thêm vào bản tường trình tháng chín : trong khi chờ đợi nhà văn Thanh Tâm Tuyền trở lại thường xuyên với Vấn Đề như cũ, chúng tôi đã mời nhà thơ Cung Trầm Tưởng, bắt đầu từ số sau, viết thay mục « bài viết trang bìa » có bởi sáng kiến tác giả Ung Thư một thời gian. Tường trình tháng này tới đây tạm hết. Cho những đổi thay mới, sẽ lại xin có những tường trình mới.

MAI THẢO

bản tường trình tháng chín

mai thảo

Lệ thường của một thư ký tòa soạn là đôi khi phải tường trình cùng bạn đọc. Bạn đọc đích thực là những đấng cha nuôi tờ báo, bôn phận tòa soạn đương nhiên phải thường xuyên báo cáo về tình trạng, sức khỏe, bộ mặt, đời sống, dự phóng của đưa con chung. Từ ngày về coi tờ Vấn Đề cho chủ biên họ Vũ, tới nay tôi mới chợt nhận thấy chưa từng một lần, trước bạn đọc, làm cái việc tường trình. Bây giờ định làm, lại không biết nói cái gì đây. Khó của tường trình ở đây là diễn đàn này tuy nhỏ, lại là một diễn đàn tổng hợp. Có như là một bữa ăn thuần túy Huế, cái gì cũng chút, chút, nhưng hàng chục món linh tinh. Thôi thì nói đỡ lần này, một vài chuyện vặt, có tính chất nội vụ.

UNIV

Trước hết, chẳng biết sinh nhằm giờ nào, — anh Mặc Đỗ tin Tử Vi, chắc lại bảo có sao thiên mã chiếu mệnh — Vấn Đề có cái số du mục. Thân thể xem chừng chẳng nổi chìm là mấy mà tướng tinh thì phiêu hốt lang thang. Chủ biên họ Vũ bảo « báo mình » sang. Sang, mới lưu động hoài hoài như thế. Chả biết. Chỉ biết, khoảng thời gian hơn hai năm, báo đã chạy đến năm bảy nhà in. Đầu tiên là ấn quán Vạn Hạnh, nơi ông Lữ Hồ trọng nhậm. Tới số thứ hai, đã bán về nhà in Võ Tánh. Sang tới nhà Long Giang của anh chị Trần thanh Hiệp, cũng chẳng được bao lâu. Rồi nhà in Mân Ảnh. Rồi trở về ấn quán Vạn Hạnh một lần nữa. Quá thể là luân lạc. Bây giờ, về tới cơ sở Văn, nhiều bằng chứng êm ả tốt đẹp cho phép hy vọng tờ báo định cư lâu dài và yên ổn được ở địa chỉ này. Ngồi chung với tòa soạn Tuổi Ngọc của Duyên Anh, Vấn Đề cũng được chủ nhân Nguyễn Đình Vương dành cho một bàn viết, một khung cửa sổ ngó trời, một khoảng diện tích tối thiểu cần thiết. Thời thế cũng là đẹp, đề trên cái diễn đàn mở rộng này, ngoài phần bài vở, sáng tác thường xuyên của các nhà văn, nhà thơ như bạn đọc đã thấy, Vấn Đề còn được mỗi tháng một lần, mời một « thượng khách » lên tiếng. Riêng số tháng này, thượng khách có mà hóa ra không. Anh Nguyễn sỹ Tế không chịu. Nói là đã viết thường hằng. Anh Lữ Hồ cũng thế. Bảo là người trong nhà cả. Thượng khách, thôi tạm đình một kỳ, cho rời về số tới. Tòa soạn cũng muốn nhân tiện ở đây gửi lời cảm tạ luật sư Trần văn Tuyên, giáo sư Nguyễn Đăng Thực đã vui lòng cho được đặt bài viết hai ông dưới tinh thần thượng khách, tinh thần này xin đừng hiểu nhầm như một phân biệt ngôi thứ kiểu cách, mà chỉ là đề đánh dấu, ghi nhận, nhấn mạnh vào ý